

Trâm Hương

tạp chí văn học nghệ thuật



Trâm Hương 1 – Bộ Mới – 2011

Tạp Chí Trần Hương 1

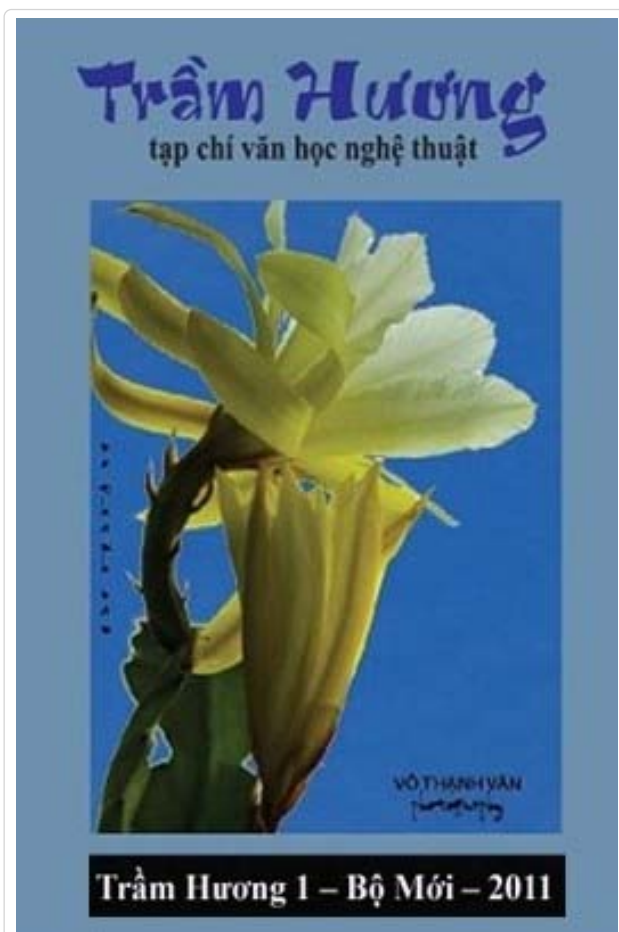
≡ Parent Category:

≡ Category: **Tạp Chí Trần Hương**

🕒 Last Updated: Saturday, 10 October 2015 18:17

🕒 Published: Tuesday, 19 February 2013 06:36

✍ Tác giả



TRẦN HƯƠNG

Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật

Năm Thứ 6 – Bộ Mới – Số 1

Ban Biên Tập

Chủ nhiệm: Nguyễn Đức Nhơn

Chủ Bút: Túy Hà

Thông Tin Liên Lạc

Tuyha81@yahoo.com

doanthachngoc@yahoo.com

In tại : Mr.Print Ân Quán

THI VĂN ĐÀN TRẦM HƯƠNG THỰC HIỆN

TRONG SỐ NÀY

Lối vào (4)

Trường Thy Khảo luận (7) – Yên Sơn Thơ (15) – Trần Yên Thảo Thơ, văn (19) – Nguyễn Thị Thanh Dương Truyện, thơ (26) – Phan Bá Thụy Dương Thơ (34) – Hải Phương Thơ (36) – Nguyễn Bạch Dương Thơ (40) – Ngô Nguyên Nghiễm Thơ (43) – Đoàn Thạch Ngọc Truyện (46) – Nguyễn Đức Nhơn Thơ (51) – Phạm Ngũ Yên Tập ghi (52) – Tuấn Đình Thơ (68) – Nguyễn Khoa Thơ (71) – Đàm Trung Pháp khảo luận (73) – Trần Nguyên Đán Thơ (79) – Phạm Tương Như Thơ (82) – Huỳnh Quang Thế Văn học (85) – Túy Hà Thơ (93) – Nguyễn Thế Giác văn (95) – Nguyễn Hữu Nhật Thơ (106) – Nguyễn Lập Đông Thơ (106) – Nguyễn Tôn Nhan Biên khảo (108) – Như Phong Thơ (115) – Phan Xuân Sinh Truyện (118) – Thái Bạch Vân Thơ (127) – Vũ Linh Đọc sách (130) – Lê Hữu Minh Toán Thơ (136) – Đoàn Thy Vân văn (139) – Lưu Thái Do Thơ – (144) – Xuân Bích Thơ (145) – Song An Châu Thơ, văn (148) – Tiểu Thu Truyện (153) – Lan Cao Thơ (170) – Vũ Tiến Lập Thơ (171) – Tuấn Trường Thơ (173) – Diễm Nghi Thơ, văn (174) – Vĩnh Tuấn Thơ (178) – Trọng Đạt Văn học (180) – Lã Mộng Thường Nhạc (192) – Phiêu Bồng Nhạc (193). Hà Lan Phương Nhạc (194) Cảm tạ (195)

Lối Vào

Viết đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu cho những đời lấy chữ nghĩa làm vui, và dĩ nhiên bốn mùa luôn xoay chuyển thì ý tình người cũng mộng ảo biến thiên. Nhưng thực tế muôn đời vẫn là phàm tục, nợ áo cơm thôi thúc từng giây. Người viết muốn trọn tình ngôn ngữ, muốn trải lòng tình tự quê hương thì luôn phải mượn hồn nhập xác như hằng đêm trên sân khấu, người diễn viên luôn phải thay vai... Lúc là vua quyền uy một cõi, lúc lính hầu khiên vồng nặng vai. Kịch là đời và chính đời là kịch, mỗi một người là một diễn viên. Khi sinh ra, biết khóc trước cười là dấu chỉ cho một đời nhập cuộc, để thích nghi với toàn cảnh thiên nhiên nhất là lúc giao mùa chưa rõ nét mà ngoài kia lá đã chớm vàng.

Thu u uẩn như vàng trắng thiếu phụ,

Thu cũng là mùa cúc nở râm ran

Trăng nghiêng xuống nhuộm vàng lên xác lá

đời lưu vong nhớ quá mảnh sân nhà.

Trầm hương đã là một vương sân có thật cho những đời lưu vong còn nhớ mảnh sân nhà, đã năm năm qua khởi đi từ vài người bạn già sinh tình tức cảnh lúc trà dư tửu hậu, tự hỏi còn gì sau những bốn ba mỗi một ở xứ người. Như ngẫu hứng lý qua câu lỡ độ,

thì thôi đành đem chữ nghĩa luận bàn, từ lý luận suông bàn thành thực tế và Trầm Hương thành một sân chơi. Tin lại thư đi, bằng hữu tụ về không thiếu, thì ra: ngựa hồ luôn nhớ ngọn bắc phong. Mỗi thân hữu góp một bàn tay với nhiệt tình rực lửa, không so đo tính toán, không phân biệt chuyên nghiệp hay tài tử mỗi một sáng tác thì vẫn đều chung dòng sinh mệnh, đem tâm tình làm phong phú chữ nghĩa nước ta. Ngôn ngữ Việt Nam tự nó đã là thơ là nhạc, là tiếng chim hót đầu hè, là tiếng đỗ quyên gọi hồn Thục đế, là tiếng gió ru trên bạt ngàn ruộng lúa, là tiếng gào thê thiết của hổ nhớ rừng. Tất cả là tâm tư tình cảm của những đời dân Việt lưu vong. Tất cả đã đến với Trầm Hương suốt năm năm dài không ngừng nghỉ, góp thêm hương sắc cho vườn hoa văn học Hải ngoại. Tự hào nhưng không tự tôn, tự ti nhưng không mặc cảm. Trầm Hương đã là một thực thể hiện hữu trong trái tim của những người còn yêu chữ nghĩa.

Thế nhưng, trên đường thiên lý làm sao không mỗi một, mộng ảo có biến thiên, mà sức người thì luôn luôn hữu hạn trước những đổi thay bất chợt của mưa lạnh nắng hè.

Nắng không ưa, mưa không chịu, thôi thì nổi lại vòng tay đón ngọn thu phong, bước vào mùa trăng diễm ảo. Bằng chút tình chữ nghĩa vẫn có nhau.

Với chút tâm tư mơ hồ bàng lảng ấy, chúng tôi và những bằng hữu còn lưu luyến với Trầm Hương, quyết định tiếp bước dù khó khăn hạn chế mọi nẻo đường. Không bằng lòng với chính mình có nghĩa là luôn cầu tiến, biết quên đi những lời khen hoa mỹ có nghĩa là tự trọng. Người cầm bút chân chính là người không mang tính tự kiêu. Bởi vì tự kiêu chính là sát thủ luôn chờ chờ để giết chết mọi tài năng.

Bạn đang đọc những dòng chữ này có nghĩa là bạn đang hà hơi tiếp sức cho chúng tôi tăng thêm nhiệt tình để sống, để viết, làm vui đi nỗi buồn lưu vong.

Với tình hình phát triển không ngừng nghỉ của hệ thống điện báo toàn cầu thì việc in sách báo, tạp chí, tưởng chừng như lạc hậu và đang đến hồi giấy chết. Thế nhưng thử hỏi bạn nghĩ gì khi cầm một ấn phẩm mới còn thơm mùi mực, và thử hỏi bạn sẽ ngồi bao nhiêu lâu trước máy tính cá nhân để đọc hết những trang điện báo nhất là đối với thế hệ lưu vong thứ nhất. Nhiều, còn nhiều câu hỏi lắm, vì thế không thể khen chê hay so sánh. Vì vậy Trầm Hương sẽ tiếp tục ấn hành như chút kỷ niệm lưu lại trong lòng những người Việt chân chính và hữu tình hằng quan tâm đến việc phát huy văn hóa Việt Nam nơi xứ người. Tuy nhiên bên cạnh đó để việc giới thiệu sáng tác mới đến độc giả được hữu hiệu hơn và cũng có thể xem như một hồ sơ lưu trữ tài liệu, chúng tôi cũng đã cố gắng thực hiện và mời Quý vị ghé thăm trang nhà: <http://www.hoiquantramhuong.net>

Vì không chủ trương thương mại nên mọi yểm trợ tinh thần cũng như vật chất của Quý thân hữu và độc giả sẽ là niềm khích lệ to lớn cho nhóm chủ trương. Xin nhận nơi đây lòng biết ơn chân thành của chúng tôi.

Trân trọng



Trương Thy

Vu Lan * Mùa báo hiếu

Hàng năm trên quê hương tạm dung, đất nước Hoa Kỳ này, người Việt ly hương chúng ta cũng đã hội nhập nền văn hóa Âu Mỹ trong ngày Mother's Day (Nhớ Ôn Mẹ) vào tháng Năm Dương Lịch. Riêng phong tục Á Đông, phần lớn những người theo Phật giáo, đều cử hành long trọng lễ Vu Lan vào rằm tháng Bảy Âm Lịch. Về hình thức cũng như thời điểm, hai lễ hội này tuy có khác nhau song chủ đích lại mang chung ý nghĩa: Nhớ ơn từ mẫu.

Vu Lan ngoài ý nghĩa là mùa báo hiếu của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên, còn là dịp tế lễ thập loại chúng sinh, theo tục truyền còn gọi là ngày cúng cô hồn. Dân tộc Việt triển miên đau khổ qua bao năm dài chinh chiến, từ chống ngoại xâm phương Bắc đến tương tàn Bắc-Nam, hàng triệu dân lành vô tội phải thác oan trên chính quê hương mình. Chính do những cảnh tượng đó mà trước đây thi hào Nguyễn Du đã động tâm viết nên bài “Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh.”

I. Chữ Hiếu

Nói đến Vu Lan là nói đến chữ Hiếu. Theo Linh mục L. Weiger thuộc Dòng Tên, một học giả nổi tiếng với nhiều biên khảo giá trị được nhiều người trong lớp độc giả trí thức và giáo sư Đại học sử dụng, chữ Hiếu gồm chữ lão (chỉ bậc cao niên) bỏ bớt nét, và chữ tử (con) ở dưới, ý nói con cháu phải tôn kính cha mẹ, tổ tiên. Ngoài ra còn một số kiến giải khác, trong đó có lẽ không thể bỏ qua lối giải thích từ nguyên của vị giáo sư thâm nho, nguyên là giáo sư Hán văn của Đại học Văn Khoa Huế, Saigon, và Viện Hán học Huế trước 1975, LM. Nguyễn Văn Thích. Theo ngài, chữ Hiếu kết hợp bởi chữ thổ (đất), nét sổ xiên từ phải sang trái tượng hình cái roi, và chữ tử (con), ý nói con chịu nằm xuống và để roi trên mình cho cha mẹ đánh là có hiếu. Lối giải thích này gần gũi với nền giáo dục Việt Nam ngày trước – Yêu con cho roi cho vọt/ghét con cho ngọt cho bùi.

II. Những quan niệm về chữ Hiếu

A. Quan niệm trong dân gian

Quê hương Việt Nam là nơi hội tụ của nhiều tôn giáo: Nho, Phật, Không, Lão, và Thiên Chúa giáo, ngoài ra còn một số tôn giáo có tính cách địa phương như Hòa Hảo, Cao Đài

v.v.; do đó có thể thấy được dấu ấn tôn giáo nơi văn hóa truyền thống của dân tộc mà một trong những điển hình đó là Lòng Hiếu Thảo. Dân tộc Việt Nam vốn trọng luân thường, đạo lý, hiếu trung, nên trong kho tàng văn học truyền khẩu không thiếu gì những câu ca dao, tục ngữ đề cao đức dục, ví như:

- một lòng thờ mẹ kính cha
- cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Tình thần hiếu đễ và mối liên hệ giáo huấn của phụ huynh đối với con em thật nồng thắm, đậm đà, nhất là khi song thân đã khuất bóng:

- chiều chiều ra đứng ngõ sau
- trông về quê mẹ ruột đau chín chiều

hoặc:

- đôi lòng ăn đọt chà là
- để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.

và tình yêu thương dạt dào đã dẫn vào niềm tin tôn giáo:

- đêm đêm khấn nguyện đất trời
- cầu cho cha mẹ sống đời với con

Những tình cảm và nỗi niềm trên thật đậm đà trong quá khứ, trên quê hương lũy tre xanh, đồng lúa vàng..., ngày nay hầu như lắng đọng trong mỗi tâm hồn viễn xứ, biết có còn lưu lại và thấm nhuần phần nào nơi thế hệ hôm nay và mai sau những hình ảnh và xúc cảm như Lưu Trọng Lư đã có lần viết lên trong “Nắng Mới”

- hình dáng mẹ tôi chưa xóa mờ
- hãy còn muông tượng lúc vào ra
- nét cười đen nhánh sau tay áo
- trong ánh trưa hè trước dậu thưa

hoặc như gần đây Ngô Minh Hằng còn nhắc nhớ với kỷ niệm ngàn đời khó phai trong những chiều hè và đêm trăng:

- ơi mẹ con ước gì sống lại
- những chiều phượng đỏ thắm hiên trưa
- những đêm trăng sáng tròn hơn vẽ
- tình mẹ trong từng nhịp võng đưa.

B. Phật giáo

Mùa Vu Lan đối với Phật giáo là mùa báo hiếu. Ngày xưa khi còn dưới thời Quân chủ, lễ lạc có khi được tổ chức từ trong triều đình ra đến ngoài dân gian. Năm 1434 vua Lê Thái Tông cho tổ chức Đại Hội Vu Lan vào rằm tháng Bảy, mời các chư tăng đến tụng niệm. Với Phật giáo Vu Lan Bồn là phương pháp báo hiếu hữu hiệu nhất. Theo Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, Vu Lan Bồn là phiên âm theo tiếng Phạn, có nghĩa bóng là

cứu vớt người khốn khổ nơi cõi âm và giúp kẻ nghèo khó trên dương thế.

C. Khổng giáo

Quan niệm về chữ Hiếu đã rõ nét trong Kinh Thi của Trung Hoa, một bộ môn văn chương bình dân cổ mang dấu tích ca dao, tục ngữ Việt Nam với những câu nói về công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ rất sâu sắc, điển hình như: “Phụ hề sinh ngã, mẫu hề cúc ngã, ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao, dục báo thâm ân, hiệu thiên vong cực...” (cha sinh ta, mẹ nuôi ta, hỡi ơi cha mẹ sinh ta cực nhọc, muốn đền đáp ơn sâu, như với lên trời cao chẳng cùng). Khổng Tử quan niệm chữ Hiếu rất cao. Trong sách Trung Dung ngài nói: “sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí giả” (thờ kính cha mẹ lúc qua đời cũng như khi còn sống, ấy là hiếu rất mực). Trong “Trung Quốc Triết Học Sử”, bác sỹ Hồ Thích cho rằng quan niệm của Tăng Tử đầy đủ hơn, nặng về tinh thần hơn: “Hiếu hữu tam: đại hiếu tôn thân, kỳ thứ phát nhục, kỳ thứ năng dưỡng” (hiếu có 3 điều: đại hiếu phải tôn thân, sau là không làm điều điểm nhục, sau nữa mới là nuôi dưỡng).

D. Thiên Chúa giáo

Trong 10 điều răn của giáo lý Công giáo, Điều Răn thứ Bốn dạy con cái “phải thảo kính cha mẹ”. Điều răn này đứng ngay sau 3 điều răn quy định việc thờ phượng Thiên Chúa. Người công giáo có truyền thống nhớ ơn tổ tiên và cha mẹ nên hàng năm dành nguyên tháng 11 để xin lễ, viếng mộ, và cầu nguyện cho những người đã khuất. Tháng này được gọi là Tháng Các Đẳng Linh Hồn và ngày 2 tháng 11 là ngày Lễ Các Linh Hồn (Fête des Défunts)

III. Gương hiếu thảo

Những tấm gương hiếu đễ trên toàn cầu cũng như riêng trong cộng đồng người Việt thật vô vàn kể sao cho xiết. Từ ngàn xưa đến nay biết bao nhiêu lời ca, tiếng hát, những pho sách, những bài nói, những bức tranh họa ca tụng gương hiếu nghĩa trên cõi đời ô trọc này:

Đức Phật Thích ca lúc đang thuyết pháp tại Kantala ở Vương Xá, nghe tin phụ hoàng là Hoàng Đế Tịnh Phạn lâm chung, Ngài đã vội vàng về thăm và khi phụ vương băng hà, Đức Phật đã đích thân khiêng quan tài đến nơi làm lễ hỏa táng.

Đức vâng lời của Chúa Giêsu trước giờ chịu nạn đã nói lên lòng hiếu thảo. Người đã cầu khẩn: “xin Cha cất chén đắng này nhưng một theo ý Cha, đừng theo ý con”.

Thầy Tử Lộ người nước Lỗ phải kiếm tiền nuôi mẹ bằng cách:

- thường khi đội gáo đi về
- xa xôi muôn dặm nặng nề đôi vai

Vua Lê Thánh Tôn, một hiếu tử. Trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ghi lại rằng khi Hoàng Thái Hậu còn sinh tiền, vua cùng Hoàng Thái Tử ngày đêm chăm sóc thuốc thang cũng như những bữa ăn, mọi thứ vua đều tự mình ném trước. Đến khi Hoàng

Thái Hậu băng hà, mọi việc khâm liệm vua cũng tự mình làm lấy để tỏ lòng đau xót. Vua Tự Đức, những ngày không thiết triều đều dành để đến thăm mẹ là bà Phạm Thị Hằng (Từ Dũ), những điều mẹ dạy vua đều ghi chép cẩn thận vào “Tư Huấn Lục”. Vua Tự Đức cũng là người đã thực hiện ý nghĩa của chữ hiếu bằng cách lấy roi mây dâng lên mẹ và đặt trên trường kỷ rồi lặng lẽ nằm xuống nài xin tha tội vì đi săn bị mưa lụt không về kịp ngày kỵ của vua cha là Thiệu Trị.

Với các bậc trí thức, khoa bảng trước đây ta cũng thấy được những tấm gương sáng chói. Thi hào Nguyễn Du đã xây dựng và gửi gắm lòng hiếu thảo nơi vai Thúy Kiều trong tuyệt tác phẩm của mình. Tác giả cuốn “Lục Vân Tiên đã tỏ lòng người con thương mẹ lúc qua đời đến khóc mù cả mắt:

- hai hàng lụy ngọc rờn rờn
- tưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu
- cánh buồm bao quản gió xiêu
- ngàn trùng biển rộng chín chiều ruột đau

Đến Nguyễn Trãi ta lại bắt gặp gương trung hiếu ở một khía cạnh có phần tích cực hơn, một cung cách báo hiếu đẹp lòng cha vô cùng, đó là ông đã vâng lời thân phụ là Nguyễn Ứng Long tức Nguyễn Phi Khanh, thay vì khóc lóc theo cha trên đường bị quân Tàu bắt giải đi, quay về giúp vua Lê Lợi đánh đuổi giặc Minh. Nguyễn Trãi còn để lại cho dân gian tập “Gia Huấn Ca” mang giá trị cao và thực tiễn về giáo dục.

Nói đến gương hiếu nghĩa thật ít ai không biết hoặc nghe nhắc tới Tôn giả Mục Kiền Liên. Ngoài ra ít nhiều gì phần đông chúng ta cũng đã từng nghe nói đến “Nhị Thập Tứ Hiếu” của Lý Văn Phức, một danh sỹ thời Nguyễn, gồm 416 câu thơ song thất lục bát.

Để mở đầu, tác giả đã nói lên đạo làm người chữ hiếu là trọng:

- chữ hiếu niệm cho tròn một tiết
 - thì suy ra trăm nét đều nên
- để rồi kết luận:
- kẻ chi kẻ đạt người cùng
 - lọt lòng ai trốn khỏi vòng di luân

Linh mục Trần Lục thường gọi là Cha Sáu, vốn là Khâm Sai Đại Thần dưới triều vua Tự Đức cũng đã để lại những tác phẩm trứ danh về giáo dục, trong đó có tập “Hiếu Tự Ca” gồm 1088 câu nói về chữ hiếu của người Việt Nam:

- mấy lời hiếu tự nói qua
- để cho ai nấy trẻ già nhớ ơn
- làm người sống ở thế gian
- ai không đội đức cao san nặng dày

Chữ hiếu mà tác giả “Hiếu Tự Ca” đã chọn lựa là một bốn phận tình cảm dựa trên quan niệm phổ thông nơi đại chúng vì nền tảng ấy sẽ cung ứng nhiều phương án hợp tình hợp cảnh hơn.

Gương hiếu để không phải chỉ có ở trời Đông, mà trời Tây cũng nhiều, điển hình như Joseph Sadese quê ở Toulouse bên Pháp, nhà nghèo anh phải đăng lính để có tiền nuôi cha mẹ; hơn thế nữa anh còn tình nguyện sang binh đoàn Lính Viễn Chinh để lãnh trước tiền tử gửi về lo thuốc thang chữa bệnh cho mẹ. Khi bị thương cụt một chân vẫn xin ở lại lính để có phương tiện nuôi mẹ già. Mẹ mất anh đã ôm mồ mẹ khóc thảm thiết.

IV. Hình ảnh và tình mẹ

Trên thế giới cũng như tại quê hương Việt Nam có không biết bao nhiêu là kỳ quan, song có lẽ người mẹ Việt Nam là một kỳ quan đẹp nhất bởi tiềm tàng vẻ đẹp tinh thần, cái mà không gì có thể tàn phá, làm cho mai một đi được. Hình ảnh mẹ là tàn che cho đời con; phải chăng vì thế mà Balzac, nhà văn lớn của nước Pháp thế kỷ 18 đã nói: “Trái tim bà mẹ là nơi trú ẩn an toàn nhất, ở đó người ta luôn tìm thấy sự tha thứ.”

Trong tâm tư mọi người, mơ hồ hay hiện thực, hình ảnh mẹ vẫn luôn diễm tuyệt và triu mến. Mẹ là nguồn cội mọi tình cảm. Hầu hết những bài hát ru con trong ca dao là lời của mẹ, một dòng nhạc khởi đầu và sau cùng của đời người. Mẹ chính là ca sỹ đầu đời đối với con mình, đã trao cho con những thanh âm ngọt ngào hòa theo tiếng võng đưa con vào nẻo đời tương lai. Mẹ cũng lại thường là người dắt con vào đời qua ngưỡng cửa học đường. Xin nghe Thanh Tịnh kể lại kỷ niệm ấu thơ: “Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi, dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp...” Trong tác phẩm “Những Tâm Hồn Cao Thượng” (Les Grands Coeurs) của văn hào Pháp, Edmon de Amicis mà Hà Mai Anh đã dịch sang Việt ngữ, có đoạn nói: “Người mẹ sẵn lòng đem một năm hạnh phúc của mình để đổi lấy một giờ đau đớn của con. Người mẹ cũng sẵn sàng hy sinh tính mệnh để cứu sống con mình.”

V. Những lời tiêu biểu dành cho mẹ

Lưu Thái Dzo trên đường tìm về dĩ vãng ấu thơ, ngay bước đầu đã bắt gặp như một bỗng nhiên và tất nhiên:

- hình ảnh thương đầu là dáng mẹ
- ngồi bên song cửa đợi con về
- ba tháng hè con rời nội trú
- xa trường gần mẹ thấy vui ghê

Nếu trong chúng ta ai đã có công ngồi đếm xem có bao nhiêu bài thơ, bao nhiêu nét nghệ thuật nói về người mẹ, thiết nghĩ đừng quên những gì Lê Trọng Nghĩa đã viết: “Mẹ là tất cả ý thơ” và thậm chí “mẹ là thần tượng đền đài của con.”

Có nuôi con mới hiểu lòng cha mẹ nên Mai Thanh Tuyền mới hát ru lên một nỗi niềm

thiết tha:

- thương con mẹ hát nên lời
- con ru cháu mẹ cho vui nhớ bà

Trong hoàn cảnh mọi tài sản vật chất có hữu của con người dưới chế độ bạo tàn của Cộng sản Việt Nam đều bị tước đoạt, tinh thần bị o ép, kiềm tỏa, song tình yêu đất nước và lòng hiếu thảo đối với tổ tiên, cha ông nơi những tâm hồn nhân bản không ai cướp đoạt hoặc không chế được, điển hình là vị Hoà Thượng khả kính Thích Quảng Độ, dù đã xuất gia tu hành vẫn không quên những lời “Dâng Mẹ”:

- một chiều thu lạnh dâng bát cơm đầy
- tình nghĩa ấy, mẹ ôi! bao thấm thía
- phương trời này con ngậm ngùi rơi lệ
- đức cù lao muôn một trả chưa xong!

Ngược dòng thời gian để nghe Lưu Trọng Lư nhớ về mẹ trong “Nắng Mới”

- tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời
- lúc người còn sống tôi lên mười
- mỗi lần nắng mới reo ngoài nội
- áo đỏ người đem trước dậu phơi

Lời thầy Tử Lộ than thở khi công thành danh toại thì phụ mẫu không còn, đã trở thành câu nói dân gian mà ta vẫn thường nghe, thường nói:

- mộc dục tịnh nhi phong bất đình
- tử dục dưỡng nhi thân bất tại

(Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng/con muốn báo hiếu mà cha mẹ chẳng còn).

Thời thơ ấu là chuỗi ngày hạnh phúc trong ngưỡng cửa gia đình, dưới sự dưỡng dục của cha mẹ; khi vào đời, xa rời cha mẹ mới thấy mình là ai, thấy đời mình ra sao:

- cơm cha áo mẹ ăn chơi
- cát lấy cơm người đổ bát mồ hôi

hoặc:

- cơm người khổ lắm mẹ ơi
- không như cơm mẹ chỉ ngồi xuống ăn

VI. Mẹ Việt Nam

Tiếng Mẹ đã mang âm hưởng rộng lớn trong đời sống người dân Việt. Khởi đi từ hình tượng nguyên sơ Mẹ Âu Cơ; nguyên lý Mẹ đã tiềm ẩn và thể hiện trong mọi sinh hoạt văn hóa, xã hội. Ta vẫn thường nói “Tiếng Mẹ Đẻ” (Mother Tongue), Quê Mẹ, Đất Mẹ, Lòng Mẹ, Mẹ Việt Nam v.v.

Nhà sinh vật học Konrad Lorenz, giải Nobel 1973 cùng với nữ bác sỹ Marie Claun Bonsel, sau thời gian dài theo dõi và nghiên cứu đã đi đến kết luận là con vật mẹ không bỏ rơi con cái hay dành lấy thức ăn để sinh tồn; dù cực kỳ hiểm nguy mẹ vẫn lấy thân mình bảo vệ con. Dầu vậy thú vật chỉ có bản năng mẫu tử chứ không có tình mẫu

tử như con người.

Lòng hiếu đễ đã hun đúc nên tâm tình, dân tộc tính của người Việt. Đó cũng chính là yếu tố nòng cốt giúp cho xã hội và gia đình Việt Nam trường tồn qua nhiều thế hệ trong môi trường Văn Hóa Mẹ đầy tính nhân bản.

Chỉ nói về mẹ không có nghĩa là bỏ quên cha. Nếu ta đã có “hiền mẫu” thì cũng có “từ phụ”. Mẹ ở đây mang ý nghĩa vừa hiện thực vừa tượng trưng cho cái chung, cho nguồn cội như khi Thanh Tịnh viết “Quê Mẹ” và như Hồ Dzếnh trong “Cảm Xúc”:

- Cô gái Việt Nam ơi
- nếu chữ hy sinh có ở đời
- tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực
- cho lòng cô gái Việt Nam tươi

và như nét vẽ đậm đà về mẹ của Hiếu Đệ, như trong lời ca dạt dào tình thương bao la trong bản tình ca “Lòng Mẹ” của Y vân chẳng hạn.

Một trong những điều hiếu thảo hôm nay, nhất là nơi hải ngoại này, thiết nghĩ điều mà người Việt lưu vong chúng ta không nên, lại càng không thể lãng quên, đó là duy trì và phát huy văn hóa mẹ nơi thế hệ con em, bởi thánh nhân xưa có câu: “Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”, “hậu” đây hiểu theo nghĩa là thế hệ Việt Nam nối tiếp vậy.



Yên Sơn

Bóng trắng lệch khuyết bờ vai

chạy theo bảng chỉ đường
về nhà em mạn bắc
nơi em ở cách phố phường xa lắc
một khu rừng rợp bóng cả lối đi
chỗ của em, chẳng mấy thuở mấy khi
vắng hoa lá, thiếu chim muông ríu rít
chiều hơi sương mờ mịt
có ngàn thông reo vui
sánh vai nhau từng bước nhỏ rong chơi
dừng bên suối vầy đàn nai ngơ ngác
tôi đứng lại nhìn bước chân dài các
mái tóc huyền óng ả ngập bờ vai
thương con nắng cuối ngày

như lụa vàng, heo hắt
cuối chân mây bóng ngày vừa chợt tắt
tay trong tay lưu luyến phút quay về
tự đáy lòng choáng ngập nỗi đam mê
và hương sắc đã làm tôi chao đảo
em thâm thì khế bảo
gió se lạnh làn da
tôi hôn em với tất cả thiết tha
lời run rẩy trong làn hơi đứt quãng
không biết bao lâu chỗ ngồi chợt sáng
khi vàng trắng lơ lửng vượt lên đôi
em ơi đã khuya rồi
giã từ bờ suối mộng
ngước lên cao nhìn trăng sao lỏng lẻo
đêm mênh mang, đêm rạo rức vô bờ
ôm chặt em vẫn cứ tưởng như mơ
nghe sóng vỗ trong biển tình dào dạt
gió rì rào, xao xác
lòng tràn ngập niềm vui
sáng tinh mơ em đã nhoén môi cười
ngày chưa đến mà ánh hồng rạng rỡ
nằm bên em nhưng lòng tôi đã nhớ
đến một ngày khi tôi phải xa em
ước chi đêm dài thêm
cho tháng ngày dừng lại
để nghe gió vờn hoa hát lời ân ái
cho mây ngàn dừng lại giữa đôi trăng
cho chú cuội nôn nao nói với chị Hằng
lời tình tự dấu trong hồn se thắt
em bắt tôi nhắm mắt
với chăn quấn lên vai
dấu nụ cười trẻ con sau mớ tóc dài
kéo màn cửa cho nắng xuân tràn lên gối
một chú sóc trên đầu cành chơi với
phóng lên cao khiến chim chóc giật mình
kìa giọt nắng lung linh
xuyên qua vuông cửa sổ
đến rồi đi cũng chỉ là duyên số

cũng một đời dài ngắn chỉ thế thôi
tôi yêu em, yêu chất ngất em ơi
như trời rộng bên ngoài khung cửa sổ



Trần Yên Thảo

Có một nhân vật không đến

Tin đưa từ một hãng thông tấn Nam Thái Bình Dương:

“Chiếc du thuyền của công ty ZL đã rời đảo Tích Lan lúc 13 giờ ngày... đem theo 604 hành khách thuộc nhiều quốc tịch. Họ sẽ ghé thăm hầu hết các quần đảo trong vùng Đông Nam Á, và sẽ đến Sài Gòn vào đầu mùa hè tới”

- Anh có tính trở lại thành phố đó một lần nữa không?
- Bất cứ khi nào cần. Tại sao chỉ giới hạn có một lần thôi
- Chắc em lắm cảm mất rồi.

Người đàn ông chồm về chiều, tên Huân. Người đàn bà cũng trạc cỡ đó. Không thuộc loại chim sa cá lặn nhưng cũng khá đài các, tên Khánh. Họ đang ngồi trên một thân cây ngã dài sát mé nước bờ bên này.

- Thật khó có ai ngờ được. Chuyện tưởng đã xương tàn cốt rụi. Gần ba mươi năm rồi còn gì.

- Ba mươi năm cũng chưa phải thời gian đủ để cho một cái gì đó chết hẳn. Cái chính là ở chỗ phải xử sự ra sao trước chuyện phải đến. Em đã nghĩ đến cách nào chưa?

- Cũng có, nhưng cách nào rồi cũng không ổn.

Qua chỗ này khúc sông như thu hẹp lại giữa hai bờ cát trắng và những khóm dừa. Nắng chiều se dịu trên những mái ngói rêu phong phía bờ bên kia. Huân phẩy nhẹ đôi chân trong nước rồi ngâm hẳn hai bàn chân xuống đáy nước.

- Em có nghĩ đến chuyện tạm lánh một chỗ nào đó trong suốt thời gian anh ta đến không?

Khánh trở đôi mắt tròn xoe về phía Huân

- Anh có nghe rõ điều anh vừa mới nói không?
- Không. Điều anh vừa nói không do cái đầu anh sai bảo.
- Người ta có thể lẫn trốn mọi người chứ làm sao trốn được chính mình. Hơn nữa, nếu anh ấy đã quyết tâm đi tìm thì còn sẽ trở lại nhiều lần nữa. Làm sao trốn được cả đời.
- Em thật là bình tĩnh. Em không lắm cảm như em nói chút nào...

- Có nịnh em không đó.
- Có ai béo bỏ từ một câu nói nịnh
- Vậy mà triều đình nào cũng có nịnh thần hết.

Cả hai cùng cười nắc nẻ nhưng không tới một phút đã im bật. Dòng nước đưa những khóm lục bình rất chậm, nhưng buổi chiều hình như xuống chậm hơn.

Tin giờ chót của một hăng thông tấn Tân Gia Ba:

“Vì các du khách muốn tham quan tỉ mỉ khu vực biểu tượng cung đình của các triều đại Trung Hoa xưa, nên chiếc thuyền phải lưu lại Tân Gia Ba thêm hai mươi bốn giờ nữa, và đã lên đường đi Nam Dương lúc 10 giờ ngày...”

Dòng nước vô tình đưa khóm lục bình tới sát chân Huân. Anh vói ngắt một cánh trao cho Khánh rồi tiện chân đẩy nhẹ khóm lục bình trở ra giữa dòng.

- Cứ để mặc cho nó trôi theo dòng nước không đẹp hơn sao?
- Kéo dài được đôi chút, nhưng rồi cũng kết thúc thôi. Chi bằng cho nó kết thúc trên tay em.
- Lại ần dụ nữa rồi.
- ần dụ hả thì đã sao?

Khánh cắm cành hoa vào kẽ nứt của thân cây rồi đắm đắm nhìn màu tím. Buổi chiều tím. Chân trời tím. Hoa tím và một con chim bay lẻ loi.

- Anh ấy ngày xưa rất ít dùng ần dụ, chỉ nói thẳng ra điều suy nghĩ của mình.
- Em còn nhớ được điều nào không?
- Có một điều hình như anh ấy sợ em quên, nên cứ nhắc đi nhắc lại như một bài kinh nhật tụng: “Chiến tranh đã xô đẩy nhân loại vào những màu cờ sắc áo thù nghịch. Con người quá nhỏ không cưỡng lại được. Nhưng dù bằng thân phận nhỏ bé thế nào, chúng ta cũng phải sống bằng con người thật chính mình. Đừng để chiến tranh biến chúng ta thành kẻ khác. Chiến tranh lụi tàn rồi, chúng ta sẽ không phải mắc cỡ khi nhìn lại nhau”
- Quả thật, một cái đầu nhân loại. Rất tiếc là quá hiếm những kẻ như vậy.

Khánh gỡ cành hoa rũ thả trở xuống dòng nước. Đôi mắt Huân đắm đắm. Có thể là về một chân trời xa xăm nào đó, có người tình của Khánh. Cũng có thể về một tình huống ngang trái nhưng mà đẹp, chỉ còn cách anh trong đường tơ kẽ tóc. Nhưng rồi lời Khánh cắt ngang dòng suy nghĩ không ranh giới của anh.

- Hình như anh chưa thấy ảnh của anh ấy?
- Chưa, nhưng ngày xưa anh ta thuộc binh chủng nào?
- Bác sĩ quân y.
- Anh ta về nước năm nào?
- Bảy hai. Lúc đó, anh ấy hết sức thuyết phục để đưa em cùng đi. Bọn em chưa hề có một sút mẻ nào hết. Thực tình là em hoàn toàn không muốn đi.

Hai bàn chân Khánh được nhấc khỏi dòng nước. Mấy nếp da nhăn nheo vì ngâm quá lâu. Con chim lẻ loi bay trở lại, lượn một vòng trên mặt nước rồi thẳng cánh về hướng núi. Núi đã ngả màu lam. Huân như sực nhớ điều gì.

- Chắc hẳn anh ta có để lại một lời hẹn?

- Chuyện đó thì đã hẳn. Nhưng anh ấy làm sao biết được những gì phải xảy ra sau lưng. Những đổi thay của sinh kế và chiến tranh. Rồi mất liên lạc. Em tin chắc anh ấy đã phải có một gia đình ổn định. Già tới nơi rồi còn gì. Bởi vậy nên em càng quyết tâm không tìm lại liên lạc. Thế rồi...

- Gặp anh?

- Như vậy đó...

Mặt trời chênh vênh ở đầu núi. Không gian sậm dần. Hai người lúc này gần như bất động. Nếu không có những mẩu đối thoại, người ta dễ tưởng hai pho tượng được đắp dính vào thân cây ngã.

- Khánh này

- Dạ

- Sao lâu nay em không dò tìm lại địa chỉ để viết thư cho anh ta, nói rõ hết mọi chuyện.

- Đã mấy lần rồi. Nhưng cứ ngồi trước giấy bút là em không tài nào bắt đầu được. Hay là... anh viết thảo giúp em đi.

- Không kịp nữa rồi. Hơn nữa, khi biết hết sự tình như vậy, anh cho là chuyện kết thúc cách nào cũng đẹp hết. Chỉ e mọi cái sẽ trở nên tồi tệ, nếu để anh nhúng tay.

- Nỡ để em chiến đấu một mình sao?

- Đừng dùng lời nặng quá. Ở đây chúng ta đều là những người tình đẹp, làm gì có kẻ thù. Im lặng.

Sự im lặng dù không giải quyết được gì, nhưng lời lẽ cũng có lúc vô dụng. Sự im lặng đã không thể kéo dài hơn.

- Có thật là anh chưa hề nghĩ tới một cách nào không?

- Cũng có đó.

- Sao anh không chịu nói ra?

- Có nên không?

- Cứ coi đó là điều suy nghĩ của em đi.

Chắc Huân cũng thấy đã tới lúc không thể không nói ra điều gì, dù điều đó sẽ đem lại tan nát cho một ai đó. Ngay cả cho chính anh thì, nó cũng là cái phải tới thôi. Anh không cần đắn đo nữa.

- Tại sao chúng ta không cùng đến Sài Gòn đón anh ta? Tại sao chúng ta không để cho mọi cái tự nó rõ ràng minh bạch và tự nó kết thúc khi gặp nhau.

- Anh có tiên liệu một kết thúc nào đó không?

- Bằng cách nào rồi cũng đẹp hết. Nếu anh ta nhìn nhận mối tình của bọn mình là điều đương nhiên của gần ba mươi năm thì, anh ta sẽ vui vẻ trở thành bạn của bọn mình.

Còn nếu anh ta quyết tâm bảo vệ mối tình xưa thì, lòng thủy chung của anh ta cũng phải được trân trọng. Lúc đó anh cũng là bạn của hai người thôi.

- Liệu anh có lãng mạn quá không?

- Thì đã sao. Đâu có mối tình đẹp nào mà không được chấm phá đôi chút lãng mạn. Ngay cả những tan vỡ cũng nhờ đôi chút lãng mạn đó mà đẹp, người ta mới đủ sức chịu đựng được sự tan vỡ.

- Quả thật, anh lúc nào cũng dành mọi sáng suốt cho giờ chót.

- Chưa hẳn, nhưng ít ra chúng ta cũng không phải húc đầu vào tường như một cỗ máy không người lái.

- Như vậy...

Hai người sắp chìm vào bóng đêm. Không biết họ còn ngồi đó bao lâu. Tin của hãng thông tấn từ thủ đô Jakarta:

“Do tình hình chính trị nội bộ ở Nam Dương đang căng thẳng, chiếc du thuyền không ghé thủ đô Jakarta. Họ chỉ tham quan những vùng di tích núi lửa trên đảo Java rồi thẳng hướng Phi Luật Tân lúc 18 giờ ngày...” Tàu lửa đang qua cánh rừng cao su cuối cùng của miền Đông Nam Bộ. Phía trước xa xa, thấp thoáng phố xá của một thị trấn ga nhỏ. Mặt trời chiều le lói trên những mái vòm và tháp nước đồn điền. Huân đang nhìn chăm chú những ngôi cổ mộ thấp thoáng dưới tàn cao su. Hình như lần nào qua đây anh cũng không quên những ngôi cổ mộ. Khi xoay người trở lại, anh bắt gặp đôi mắt mệt mỏi của Khánh.

- Em đau đầu hả?

- Không. Em chỉ muốn tượng thôi.

- Điều gì?

- Cũng không rõ ràng. Nhưng mà...

- Thôi, đừng tự làm đau cái đầu mình. Hãy nhắm mắt một chút đi.

Huân khẽ ấn đầu Khánh ngửa xuống cánh tay mình đang gác trên thành ghế, rồi dùng tay kia xoa đều trên trán chị. Nắng chiều nghiêng nghiêng. Con tàu lướt nhanh. Rừng cao su giật lùi trước vận tốc. Tin đọc được từ một tờ báo phát hành buổi chiều trên đảo Mindanao:

“Vào lúc 11 giờ ngày...chiếc du thuyền bị một ngọn sóng thần đánh úp tại chỗ, khi sắp vào vùng biển Phi Luật Tân. Hơn nửa thế kỷ nay, người ta chưa từng thấy một ngọn sóng thần kinh khủng như vậy trên vùng biển Đông Nam Á. Những đoàn tàu và trực thăng được huy động kịp thời. Đã vớt và đưa đến nơi an toàn được 603 hành khách. Riêng hành khách 604 thiếu may mắn, hiện đang bủa lưới tìm xác. Hành khách 604 là nam công dân Mỹ tên Rob Hunter, sinh năm 1945 tại bang Ohio, Trung Mỹ. Có mặt trong chiến tranh Việt Nam trong những năm 60. Hai lần mất tích đều trở về an toàn. Hết nhiệm kỳ và đã hồi hương đầu thập niên 70. Sau nhiều năm thăm dò, lần này ông Rob quyết định theo chân một cuộc du lịch vòng quanh Đông Nam Á để trở lại Việt

Nam, tìm người tình cũ đã gặp gỡ trong chiến tranh. Cho tới giờ báo phát hành, cuộc tìm xác chưa có tin gì mới”

Trước cái chết ngoài bố cục của nhân vật này, tác giả chỉ còn cách thu xếp cho đôi tình nhân kia một tâm trạng buồn vui lẫn lộn, trên đường trở lại thành phố biển.

Trần Yên Thảo

Chương Đài Liễu

Trong tao loạn đã đành rồi
Chôn vùi nhan sắc cho người tình chung
Còn chưa thoát nợ má hồng
Chân trời cổ quận mờ trong yên hà

Ai về nước mắt mù sa
Hận ai bẻ liễu dòi qua Phiên thành
Gối chăn tưởng đã tan tành
Ai ngờ liễu lại về xanh Chương đài.

Hoa Cối Người

(Kính tặng Mãn Giác thiền sư)

Lời rằng lỗi nhịp cung đàn
Lạnh lùng thế sự đi ngang mái đầu
Lời rằng sào ngấn song sâu
Ai dò tận đáy bể dâu ta bà
Lời rằng xuân đến xuân qua
Mượn hoa nói chuyện gần xa cối người.

Tượng Đá Sầu

(Kính tặng Tam Nguyên)

Đã già trước tuổi bạc đầu
Trăm năm một tượng đá sầu còn tro
Chuyện đời bỏ lại trong thơ
Trái tim thời cuộc dừng rờ thêm đau
Mỗi khi chiều xuống ngang đầu
Càng mờ mắt lệ càng sâu nỗi buồn.

Hoa Cối Người

(Kính tặng Mãn Giác thiền sư)

Lời rằng lỗi nhịp cung đàn
Lạnh lùng thể sự đi ngang mái đầu
Lời rằng sào ngấn song sâu
Ai dò tận đáy bể dâu ta bà
Lời rằng xuân đến xuân qua
Mượn hoa nói chuyện gần xa cõi người.



Nguyễn Thị Thanh Dương

Một Ngày Đi Khám Bệnh

Tôi đẩy cửa bước vào phòng khám của bác sĩ. Đã có đông người ngồi chờ, tôi liếc mắt nhìn quanh ba dãy ghế xếp thành hình chữ U, không còn chỗ nào trống cả. Hầu hết bệnh nhân đều là người Việt Nam, họ đang râm ran nói chuyện trong khi bác sĩ chưa đến.

Cái hẹn của tôi là 11 giờ trưa, tức là ngay đầu giờ khi bác sĩ bắt đầu làm việc, thế mà những người này còn đến trước cả tôi, chẳng biết họ có hẹn vào giờ nào mà sẵn sàng đến sớm thế?.

Một chị bế đứa con đang ngồi ghế bên cạnh lên lòng mình và chỉ cho tôi cái ghế vừa trống đó:

Chị ngồi đây đi.

Tôi ngồi xuống cạnh bà mẹ trẻ, chị ta có hai đứa con, độ lên 5 lên 3. Ba mẹ con chị chiếm 3 ghế, nên chị nhường một ghế cho tôi.

Em trông chị quen quen, hình như có gặp chị ở đâu rồi thì phải? Bà mẹ trẻ bắt chuyện.

Tôi cố moi trí nhớ, vẫn không biết chị ta là ai.

Nếu vậy thì chúng ta đã từng gặp nhau ở chợ Việt Nam chứ ở đâu khác nữa? Tuần nào chúng ta chẳng đi chợ, hết tháng nọ đến năm kia, thì ai cũng “quen quen” hết.

Bà mẹ trẻ reo lên:

- Đúng rồi, chị nói em mới nhớ, em hay gặp chị đi chợ Việt Nam.

Tôi nhìn đồng hồ đeo tay, đã 11 giờ mà bác sĩ chưa đến. Tôi thông cảm, bác sĩ cũng là người Việt Nam nên có quyền đi trễ theo “truyền thống” của đồng hương mình. Mỗi lần lấy hẹn đi bác sĩ này là tôi đã chuẩn bị cả thời gian lẫn tinh thần, vững lòng chờ đợi, và an ủi rằng mình lang thang trong shopping mall cả vài giờ còn được, huống chi là đi

gặp bác sĩ để khám bệnh thì sự đợi chờ không có gì là phí phạm.

Nhưng bà mẹ trẻ bên cạnh thì có vẻ không kiên nhẫn như tôi, chị ta chép miệng than:

Giờ này mà bác sĩ chưa đến!

Thì cũng phải du di cho bác sĩ chút đỉnh, con người chứ có phải máy móc đâu mà đúng y chang cho được?. Một bà to mập bên ghế đối diện vọng sang, như một trọng tài bệnh vực cho bác sĩ..

Bà mẹ trẻ phân bua:

Nhưng em chỉ sợ hai đứa trẻ không chờ đợi được thôi.

Bà to mập có vẻ nao lòng, xuống giọng thông cảm:

Thế hai đứa nó bệnh gì mà đi khám?

Dạ, không có đứa nào đau bệnh gì cả...

Bà mẹ trẻ ngừng lại vì phải hắt xì hơi, làm bà kia tò mò hơn, sốt ruột hơn:

Vậy mang tụi nó đến đây khám cái gì chứ? Hèn gì nãy giờ thấy hai đứa chạy đùa, nghịch như quỷ, phá như giặc!.

Bà mẹ trẻ dừng đỉnh tiếp:

Em bị bệnh, cảm cúm cả tuần nay chưa khỏi, em mới là người cần gặp bác sĩ. Nhưng không mang tụi nó theo thì ai trông cho?

Thì ra thế, những người có mặt ở đây biết đâu một nửa là đi theo người bệnh, chồng chở vợ, con chở cha mẹ già đi bác sĩ?

Bên cạnh tôi là một bà sồn sồn, nãy giờ ngồi im nghe chuyện người khác chắc đã chán chường, bèn mở túi xách lấy ra cái cell phone bấm lia lịa:

Hello! Hello!

Giọng bà lên cao, chắc để đầu dây bên kia nghe cho rõ. Bà nói chuyện rồn rảng, thoải mái như đang ở trong bếp nhà bà, toàn là kể chuyện Việt Nam, nào giá tôm, giá thịt, cá, xăng dầu, bà nói vanh vách y như bà mới ở Việt Nam ngày hôm qua. Quả thế, bà mới từ Việt Nam về, lại khoe ba tháng nữa sẽ trở lại Việt Nam dự đám cưới con cháu, rồi Tết này về chơi. Tính sơ sơ bà tốn bộn tiền vé, nền kinh tế nước Mỹ đang khó khăn, ngành hàng không đang ế ẩm, chắc cũng phải mang ơn bà khách nhiệt tình này.

Nói xong chuyện đường dài, đoán là tôi ngồi bên đã công khai nghe trọn gói, nên bà tiếp tục kể thêm cho đã:

Nhà tui quanh năm suốt tháng có đồ Việt Nam, cá khô, tôm khô, mắm cá, mắm tôm, cho đến trà, cà phê, không thiếu món gì, vừa rẻ vừa ngon.

Nghe nói đồ ăn Việt Nam có nhiều món độc hại lắm mà chị?

Nói vậy thì cả mấy chục triệu dân Việt Nam lâm nguy hết sao? Chỉ vài món thôi, thiệt hại không đáng kể. Về Việt Nam thấy người ta vẫn chen chúc đầy đường đó.

Tôi thắc mắc:

Nãy giờ nghe chị nói chuyện phone đường dài thấy vui ghê, nhưng hôm nay ngày thường phone chị còn phút không? Coi chừng họ tính giá mắc đó.

Không sao, bên kia cũng dùng cùng hãng cell phone của tui nên free bất kể ngày đêm. Bởi thế đi đâu tui cũng mang theo cell phone để gọi chơi.

Sau vài câu, bà sồn sồn đã có vẻ thân với tôi, bà tâm sự:

Tôi qua Mỹ diện con lai, mấy đứa con tôi tuy không ăn học bằng cấp gì, nhưng tại nó mỗi đứa đều làm chủ một tiệm nail cũng sống ngon lành. Tui ở nhà trông con cho tui nó, hàng tháng có tiền hậu hỉ, nên đi đi về về Việt Nam thường xuyên.

Chúc mừng các con chị có công việc tốt, có gia đình đàng hoàng. Đâu phải cứ ăn học có bằng cấp này nọ mới là thành công.

Vậy mà về Việt Nam ai cũng hỏi con tôi có bằng cấp gì không. Làm như sang Mỹ ai cũng phải trở thành bác sĩ, kỹ sư vậy đó.

Sau phần tự khai, bà phỏng vấn tôi:

Còn chị sang Mỹ diện gì? Mấy con rồi? Có đi làm không? Hay là ở nhà trông con như cái chị có hai đứa con mang theo kia?

Chẳng phải mình bà sồn sồn mà hình như mấy bà khác này giờ hóng chuyện, cũng đang đợi câu trả lời của tôi. Theo như người Mỹ thì đó là những câu hỏi đi vào đời tư, nhưng người Việt Nam vốn hồn nhiên thân thiện, hỏi thăm nhau chuyện gia đình con cái, chuyện công ăn việc làm là thường tình, những điều này đâu phải chuyện quốc phòng mà cần giữ bí mật. Nghĩ thế nên tôi đáp đầy đủ như tờ khai lý lịch cho các bà khỏi mất công hỏi thêm chi tiết:

Tôi đi diện bảo lãnh anh chị em, có một chồng hai con, hiện nay đi làm hãng xưởng, con thì gửi baby sit người Việt Nam gần nhà vừa rẻ vừa tiện, kiếm thêm đồng nào hay đồng ấy.

Một bà khen nức nở:

- Chị biết nghĩ vậy là hay đó, chồng con được nhờ.

Bà bác sĩ bước vào phòng khám lúc đồng hồ chỉ 11 giờ 20. Mọi người tươi tỉnh hẳn lên và im lặng chờ đợi cô nhân viên gọi tên:

Lê thị Lý.

Bà mẹ trẻ vội vàng đứng dậy, nói với tôi:

Chị làm ơn để mắt trông hai đứa con giùm em một lát, khám xong em ra ngay.

Khỏi phải hứa hẹn, khám xong thì chị ra ngay chứ ở trong ấy làm gì. Ai mà không biết thế. Nhưng tôi vẫn phải từ chối vì giờ hẹn của tôi là người đầu tiên:

Tôi cũng vô khám bây giờ mà.

Bà trọng tài hồi nãy vội húng:

Để đó tui coi cho, cứ vô khám cho thoải mái đi, ông nhà tui đi bác sĩ chứ không phải tui, nên rảnh lắm.

Dạ, cảm ơn bác. Thôi em vào đây, hai con ngồi chơi coi ti vi, ngoan đợi mẹ nhé.

Nói xong chị Lý tắt tả đi vào.

Tôi ra ô cửa sổ, hỏi cô nhân viên:

Tôi có hẹn lúc đầu giờ mà nãy giờ cô kêu ba, bốn người chưa có tên tôi?

Xem nào... chị là Nguyễn thị Bông chứ gì? Tôi tính gọi chị bây giờ nè, mời chị vào.

Nếu tôi không ra hỏi thì chưa chắc gì được gọi? Lấy hẹn là một chuyện, nhưng ai đến trước vẫn được gọi trước, cho nên người ta mới đưa nhau đến sớm ngồi chờ như thế này. Tôi chẳng cần bắt bẻ hơn thua làm gì, ở đời nhường nhau một tí cũng không sao, tôi chỉ sợ cô nhân viên sai sót gì đó nên không có tên tôi trong danh sách khám bệnh ngày hôm nay mà thôi.

Nếu bên ngoài là cảnh đợi chờ phần 1 thì bên trong là phần 2. Sau khi cô y tá cho tôi lên bàn cân, đo áp suất máu, tôi vào một phòng trống, ngồi đợi bác sĩ.

Ngồi một mình trong phòng, tôi chưa kịp buồn chán thì đã được nghe tiếng bà bác sĩ và bệnh nhân ở phòng bên vọng sang:

Bác sĩ khám tổng quát và chích ngừa cho em để em về Việt Nam.

Bà bác sĩ cũng tò mò như tất cả những người đàn bà khác:

Ừa! Về Việt Nam làm gì mà năm nào cũng về?

Giọng kia nói như rên rỉ:

Bác sĩ quên rồi sao? Năm ngoái bác sĩ cũng hỏi em câu này, em nói rồi mà. Tại thằng chồng em, nó về, nên em phải về theo canh chừng. Bỏ nhà, bỏ công việc đi Việt Nam em rầu lắm. Nhưng không về thì trước sau gì cũng...mất chồng, con gái bên Việt Nam bây giờ trời thần lắm, giá nào cũng bám vô mấy cha Việt Kiều, bất kể già trẻ, xấu đẹp, handicap.

Bà bệnh nhân thật thà chẳng hiểu sự đời, một ngày bác sĩ khám và nói chuyện vặt với bao nhiêu người khách, về nhà bà còn chồng con, còn bao chuyện đời thường, thì giờ đâu mà nhớ hết những chuyện tào lao nơi phòng khám trong suốt một năm trời?

Mười lăm phút sau bác sĩ mới sang phòng tôi, hay đau bụng ngâm ngấm là đau bao tử nhẹ, nên tránh suy nghĩ, lo âu, phiền muộn. Bác sĩ vừa hí hoáy viết toa thuốc vừa dặn dò thế sau khi đã khám bệnh cho tôi.

Bước ra ngoài tôi thấy ba mẹ con chị Lý đã ra về, còn bà to mập làm trọng tài đột xuất lúc nãy vẫn ngồi đợi chồng, các ông bà già về hưu thế mà hạnh phúc, đi đâu cũng có nhau. Bà rảnh rang nên thoải mái và bao dung ngồi đợi bác sĩ bao lâu cũng được, còn những người như chị Lê thị Lý kia, bận chuyện con cái, chuyện nhà, người ta xót xa từng giây từng phút đợi chờ là phải rồi.

Tôi chào thăm: “Thôi, bà ở lại thêm tí nữa nhé, thấy ai cần thì giúp đỡ, làm phước”.

Khách ngồi đợi vẫn đông, bác sĩ tha hồ làm việc và đồng thời tha hồ hốt bạc. Hèn gì ai cũng ước mơ con cháu mình học làm bác sĩ.

Tôi lái xe đến nhà thuốc tây của một người Việt Nam làm chủ, cách phòng khám bác sĩ không xa. Tôi luôn ủng hộ đồng hương khi chọn bác sĩ gia đình, chọn nơi mua thuốc.

Ông dược sĩ chủ tiệm là một người trung niên, vui tính. Người ta nói rằng ông không thích đi làm thuê, dù lương bổng cao, quyền lợi đầy đủ, mà thích làm chủ công việc của

mình, giờ giấc tự do thoải mái.

Cửa hàng thuốc khang trang, rộng rãi, ông chủ tiệm sắm một bộ cờ tướng để quý đồng hương ai rảnh cứ việc vô đầu vài ván cờ cho vui, nên luôn có kẻ ra người vào, luôn râm ran tiếng cười nói. Nếu khách không đánh cờ thì cũng ngồi rung đùi uống nước trà và tán dóc với ông chủ những khi vắng khách hàng mua thuốc.

Tôi vào gặp lúc dược sĩ đang bán thuốc, trong khi bàn ngoài có hai ông đang đánh cờ và mấy ông ngồi coi. Toàn là những ông tuổi xế chiều, tuổi về hưu, nếu không thì cũng đang bị lay off chưa có việc gì làm. Quanh quần ở nhà với vợ mãi cũng chán, nên đến đây giải trí cờ tướng hay nói chuyện trên trời dưới đất, mà không hề bị vợ xía vô, mắng át như ở nhà.

Tôi làm bộ ngây thơ, ngơ ngác hỏi dược sĩ:

Ở đây vừa là tiệm thuốc tây vừa là hội người già hả ông?

Hội hè gì. Đây là cửa hàng thuốc tây 100%, nhưng ai đến chơi cũng welcome.

Tôi ngợi khen và hứa hẹn:

Ông chủ thật là vui tính. Mười mấy năm nữa chồng em về hưu, chắc cũng sẽ đến đây góp mặt, anh ấy thích đánh cờ tướng lắm.

Một ông ngoài bàn cờ kêu lên:

Mười mấy năm nữa chồng chị mới về hưu thì chúng tôi đã vô viện dưỡng lão hay ngủm mất rồi.

- Bây giờ khoa học tiến bộ, điều kiện y tế cao, người ta khỏe mạnh và sống lâu hơn, các bác ạ.

Tôi mỉm cười chào mọi người, ra khỏi cửa hàng thuốc tây.

Ồi, đơn giản, tình đồng hương! Những người Việt Nam hồn nhiên và thân thiện, dễ dàng chia sẻ những câu chuyện buồn vui. Như chị Lý đi khám bệnh mang theo cả hai đứa con, làm như ở đâu có người Việt Nam cũng đều là hàng xóm của chị, cứ việc an tâm nhờ vả, gởi gắm con cái. Như bà đi diện con lai kể chuyện gia đình con cái, chuyện làm ăn cho một người lạ mới quen chưa đầy 5 phút, như người đàn bà than thở với bác sĩ chuyện theo chồng về Việt Nam.... Và như ông dược sĩ này, mở nhà thuốc và mở chỗ cho đồng hương ghé chơi.

Tôi cảm thấy lòng mình vui vui khi hòa đồng với những người đồng hương dễ thương đó.

TÌM EM TRÊN CÁNH ĐỒNG OẢI HƯƠNG.

(Cảm tác từ bài “ Oải Hương xứ nắng”

của Phan Trâm Thu trên báo TRẺ).

Đừng tìm em ở giữa phố đông,

Nếu ngày nào thấy vắng bóng em,

Những con đường em thường qua lại,
Em đã xa rồi. Tạm lãng quên.

Tìm em trên cánh đồng Oải Hương,
Đất trời bát ngát một mùi thơm,
Anh ơi, những cánh hoa màu tím,
Đã rủ em về từ tháng Năm.

Màu tím dịu êm đến nao lòng,
Em như say rượu giữa hư không,
Chén choáng vì sắc màu hoang dã,
Hoa Oải Hương nở khắp cánh đồng.

Nắng tháng Sáu cho hoa đẹp xinh,
Mùi Oải Hương ngây ngất gợi tình,
Làm ơn tháng Bảy đừng qua vội! *
Hoa sẽ phai hương, sắc sẽ tàn.

Em bước đi bên những bụi hoa,
Chạy dài thẳng tắp cõi trời xa,
Trên cánh đồng em là cơn gió,
Chẳng biết mỗi chân, chẳng nhớ nhà.

Hái những cành hoa để tặng người,
Cỏ khô buộc lại bó hoa tươi,
Chỉ là một món quà đơn giản,
Của tình em và của đất trời.

Em sẽ ngủ trên cánh đồng này,
Khi hoàng hôn khép lại đầu đây,
Mùi Oải Hương vẫn còn thao thức,
Trên tóc em và trên ngón tay.

Tìm em trên cánh đồng Oải Hương,
Em như trong một chuyện hoang đường,
Chìm trong hoa, mùi thơm kỳ ảo,
Anh chẳng thể nào nhìn thấy em.

** Hoa Oải Hương(Lavender)*

bắt đầu nở từ tháng Năm tới tháng Bảy.



Nguyễn Bạch Dương

CÂY ĐÀN BÈ

Anh ngồi dưới gốc cây cau
Để nghe vọng tiếng lá trầu gõ mưa.

Để coi con bướm về chưa
Mà bông hường nở từ trưa tới chiều.

Anh ngồi xuống, đợi tịch liêu
Mưa hòng lượm tiếng lá chiều cuối sân.

Xòe tay anh mãi tàn ngần
Năm bông lời cũng tuột dần kẻ tron.

Ngoái nhìn lại. Thấy thiệt hơn
Mới hay em đập bể đàn Thạch Sanh.

VỀ NÚI

Theo em về phố núi
Đuổi bắt những ngày mưa.
Tìm mối tình đánh rớt
Từ một buổi nắng trưa...

Đường Xương Rồng hoa đỏ
Thềm nhà kia gió bay
Chiếc lá vàng tội nghiệp
Lăn lóc giữa ban mai.
Như anh về đêm tối

Đi tìm hương Ngọc Lan
Như anh từ cơn gió
Đi tìm chốn mưa mau.

Theo em về phố ấy
Anh tìm lại anh xưa
Có chăng dòng suối vắng
Hát nhỏ lời vô tư
Có chăng dòng thác đổ
Phủ ngàn đá xanh rêu
Khi đời anh bủa ngập
Lạnh rớt xuống mưa chiều.

quán café my nương
Khi cúi xuống, gặp một vàng trắng vỡ
Rớt vào ly lấp lánh một nỗi buồn
Có bên nước, có con đò lặng lẽ
Trôi lênh đênh theo mắt ngó my nương.

Trái tim ngọc đựng một vàng trắng bạc
Nước mắt vui sao vỡ được tình người.

Chỉ là khách qua đường anh ghé vội
Sẽ mang theo đuôi mắt ướt my nương
Còn nước mắt choa nh xin gởi lại
Để mai kia khóc vỡ cuộc tình buồn.

Lời tượng đá

Tiếng ai ngoài ngõ trêu tôi ấy
Ồ không, không chim hót giữa ban trưa
Chiếc lá chao mình rơi thật khẽ
Chạm vào nỗi nhớ lúc xa nhau.

Em ở tuyệt mù làm sao biết
Tôi vừa hóa đá lúc trưa nay
Em ở tuyệt mù làm sao thấy
Tượng đá buồn tênh, giọt lệ đầy.



Ngô Nguyên Nghiễm

Trước Thánh Tượng

Quán Thế Âm Bồ Tát

Ma Ha Tát

1.

Hàng vạn tinh cầu bão lửa
Nhều xuống kim thân cổ Phật
Lành thay, giữa lộ thiên khuông Việt
Vi vu nghe điệu pháp thiên thu
Đâu đây xào xạc tiếng rừng tre
Xập xòe luân xa khổng tước.

2.

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát
Vi âm nhẹ bước qua tim
Buông thân năm vóc phong trần

Sao thấy nhẹ nhàng như bắc
Gió bước trên lưng tia chớp
Chập chờn móng bạc mọc ngang mây
Bảy sắc cầu lông lẩy xuyên mây

Tự viện hôm nay đông lũ khách
Chúng sinh vác ngược cuộc đời
Trái khổ đau rơi rụng lưng trời
Cát bụi võ vàng vó ngựa

3.

Thời gian cứ trôi đi nghiêng ngửa
Có – không khoảnh khắc vô tình
Trận lá vàng rắc kín quanh hồn
Hay sấm sét chạy quanh báo nghiệp

Trời đất mang mang vạn kiếp
Gởi sâu xưa lên áo thánh nhân

Bốn bề nhật hạt kinh tâm
Trái chưa kín lộ thiên Khuông Việt
Gió cứ thổi và mây phiêu bạt
Thương mười phương vũ trụ oằn vai
(Gánh khổ đau như thể hoang thai
Xơ cứng đơn điền quỷ đói!)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát
Chảy đầm đìa ngọn tháp Pháp thân...

4.

Khách chập chờn qua núi đá ngàn năm
Quang quả giữa không gian mật pháp
Nếu được gói đầu lên tia chớp
Thà hưởng một lần ánh sáng tâm kinh

Thiền viện ngập đầy tín hữu vong niên
Chát ngất túi ưu phiền gió bụi
Nắng lửa, mưa cuồng toan đánh bầy
Hồn chim xanh ký gởi thượng sư...

5.

Cầu vòng ẩn hiện xuống thiên thu
Hoa cỏ nở cạnh người phiêu bạt?
Lạ thay giữa con đường Khuông Việt
Mà thiền sư mấy bước oằn vai
Khổ đau đâu thể hoang thai
Gá ép nặng đơn điền ngựa quỷ?

Bước qua một đời đao tuế
Có – không như sấm giạt ngang mây.

6.

Thánh tượng chập chùng dưới bóng mây
Vẫn chạnh lòng xót đau trăm họ
Giữa thiền viện buồn thay nắng lửa

Mưa cường toan vây kín bản lai
Quá giang chưa hết đường dài
Pháp thân xót xa lục đạo

Vai đeo túi tử sinh hư ảo
Hồn chưa xanh ký gởi thượng sư...



Xuân Du
Mắc Cạn

Gần một tháng nay, chiều nào ông cũng ra ngồi trên chiếc sạp ghép bằng gỗ thông kê ở gốc me sau nhà. Ông ngồi bất động. Nét mặt buồn hiu. Đôi mắt đăm đăm nhìn về hướng núi Ông cho đến khi những đám mây đen trên đầu núi tan hết ông mới lúi thủi trở vào nhà. Nơi ông ở là một vùng nước trời nằm về phía tây tỉnh lộ 8. Những năm gần đây thường xảy ra hạn hán, mất mùa. Con suối sau nhà, nguồn nước duy nhất có thể dùng để cứu những thửa ruộng của ông cũng đã khô cạn, chỉ còn đọng lại những vũng nước đã ngả màu vàng sậm. Những con cá lòng tong mắc cạn ngoi ngóp trên mặt nước trông thật thảm hại. Đám bắp trồng ở miếng đất trước nhà, nguồn hy vọng duy nhất giúp gia đình ông giải quyết lương thực cho đến ngày giáp hạt cũng quíu cò héo rụi. Ngày ra tù, ông đưa vợ con từ vùng kinh tế mới trở về sinh sống ở cái làng nhỏ bé này, vì đây là quê quán của ông, nơi mà chính quyền bắt buộc ông phải cư ngụ trong thời gian còn “quản chế”. Trong số những người bà con thân thuộc, cũng có người muốn giúp ông nhưng một phần vì ái ngại, không muốn thân cận với một người tù “cải tạo” mới về. Một phần vì chính gia đình họ cũng đang lâm vào hoàn cảnh khốn khó bởi những năm hạn hán mất mùa. Trước những khó khăn chồng chất không còn lối thoát, ông phải thực hiện một quyết định táo bạo là đùm tùm cả gia đình chạy vào Long Khánh nhưng bị bức tường “hộ khẩu” chắn ngang, đành đội ngược trở về với hai bàn tay trắng. Kể từ đó, chiều chiều ông lại ra ngồi dưới gốc me ngó về hướng núi Ông. Những đám mây đen chợt tụ chợt tan như một trò chơi trêu người quái ác. Loài người tàn nhẫn với ông. Thiên nhiên cũng tàn nhẫn với ông...

Nhà ông cách thị xã Phan Thiết không xa, chỉ hơn 6 cây số, nên ông thường đạp xe đạp xuống thăm mấy người bạn tù đang sống trong cái thị trấn nhỏ bé, buồn hiu này. Trong

số bạn ông, có những người rất thiết tha với tình nghĩa bạn bè. Nhưng cũng có người (may mắn có chút ít thu nhập) thì lại thờ ơ lãng đạm cho dù ông chưa hề mở miệng nhờ cậy họ bất cứ một điều gì. Từ đó ông thường làm bạn với núi rừng. Ông theo những người trong làng lên núi phụ họ đốn củi hầm than (như một hình thức vãn công) để nhờ họ chở về, khi thì năm bảy cây tre, khi thì vài ba bó củi. Cũng may, trong lúc sống dở chết dở thì một người cháu ruột ở Sài Gòn giúp ông một số tiền đủ để sắm một cặp bò già và một chiếc xe bánh cây cũ kỹ. Từ đó ông thường lên núi một mình với một xị rượu, một ít gạo và năm ba con cá khô. Cuộc sống đơn điệu buồn chán ấy tiếp tục hành hạ ông sau những năm tù nghiệt ngã.

Chỗ ông ở cách núi Ông khá xa nên thường bắt đầu những chuyến đi vào lúc xế chiều, khi mà ngọn gió mùa đông bắc từ biển đông thổi vào mạnh nhất, đẩy lên một vùng khói bụi mịt mù. Nhà thơ Huỳnh Hữu Võ tả cảnh này chỉ bằng một câu thơ mà mỗi lần đọc lên ông cảm thấy buồn da diết ...tháng giêng gió thổi mù như khói...!

Chiếc xe thông dong lăn bánh dưới ánh nắng chiều chói chang gay gắt. Ông ngồi tựa vào hông xe, ung dung thoải mái như một khách nhàn du, mặc cho hai con bò già an phận kéo chiếc xe qua từng thước đường như một nghĩa vụ thiêng liêng mà loài người đã áp đặt lên nó từ cái thời xa lắc xa lơ nào đó. Hai bên đường lác đác năm ba căn nhà lợp tôn cửa đóng kín mít. Những con chó già ốm nhom nằm ngủ trước nhà cũng giật mình ngược mõ sủa vu vơ. Những con bò thả rong đi lang thang trên cánh đồng chỉ còn trog gốc rạ. Ngọn gió mùa đông bắc mang theo mùi khói đốt đồng quét vào người ông rất rát.

Nhìn cảnh vật xác xơ nơi đồng khô cỏ cháy dưới ánh nắng chiều chói chang khiến ông nhớ lại căn nhà nhỏ bé ẩm cúng của ông bây giờ đã lọt vào tay kẻ khác. Trong thời gian đi lính, dù số lương ít ỏi, vợ chồng ông cũng dành dụm tạo được một căn nhà nằm trong thị xã, tuy nhỏ bé nhưng cũng xây gạch đàng hoàng. Trước nhà cũng có những chậu hoa mai hoa sứ. Mỗi lần nghỉ phép ông thường dắt mấy đứa con ra sân đùa giỡn. Đùng một cái ngôi nhà tự nhiên đổi chủ. Khi ở tù về, mỗi lần ngang qua căn nhà, đứng ngoài đường nhìn vào, ông cảm thấy xót xa đau đớn nhưng rồi cũng đành ôm mối hận lòng lui thủi bỏ đi. Rồi ngày tháng qua mau. Rồi niềm đau vơi dần. Nhưng cái cảnh nghèo đói vẫn bám sát theo ông, đè nặng lên người ông, khiến ông như một con cá lòng tong mắc cạn, thả nổi cuộc đời, mặc cho định mệnh đẩy đưa...

Càng vào sâu. Địa hình càng phức tạp. Đường núi chông chênh quanh co khúc khuỷu. Hai con bò già hì hục kéo chiếc xe qua từng thước đường gập ghềnh sỏi đá dẫn vào chân núi.

Rừng ngàn năm vẫn buồn.

Chôn sâu niềm u uẩn.

Người ngàn năm vẫn còn
Đi trong vòng lẩn quẩn...

Ông đọc lăm thăm trong miệng mấy câu thơ vừa mới làm rồi cầm xì rượu lên mở nắp. Mùi rượu mía bốc lên hăng hắc khiến ông nhớ quá cái mùi hennessy mà trong đời lính tráng ông đã nhiều lần thưởng thức qua. Ông thở dài sườn sượt, đưa mắt ngó về phương tây. Những đám mây tụ về đỉnh núi bàng bạc mờ lung. Cánh rừng cũng trở nên yên ả mờ màng sau một ngày gió mùa lồng lộng thổi. Một vài chiếc lá vàng nhạt lững lờ rơi xuống đầu xe. Một tiếng hú đơn điệu phát ra từ một hóc hiểm nào đó của núi rừng. Ông nghiêng tai lắng nghe, bất chợt nhớ lại lúc còn trẻ ông đã từng đọc qua tác phẩm The forest call của Jack London. “Tiếng gọi của rừng thẳm” là tiếng gọi gì vậy nhỉ? Ông quên mất nội dung câu chuyện. Có thể là tiếng gọi của bầy lang sói. Có thể là tiếng gọi của một gã tiểu phu. Có thể là tiếng gọi vô âm của một đóa lan rừng... Quả thật ông không còn nhớ được gì, nhưng ông quả quyết đó là tiếng gọi của núi rừng, tiếng gọi vọng đi từ núi rừng!...

Tiếng hú im bật. Núi rừng cũng trở nên lạnh lùng khó hiểu. Chiếc xe vẫn lầm lũi vượt qua những triền núi cheo leo, bánh xe nghiêng lên những phiến đá lồi lõm tạo ra một thứ âm thanh cộc cằn khô khốc. Ông vẫn ung dung tự tại ngồi tựa vào hông xe như một vị hoàng đế đang chễm chệ trên chiếc ngai vàng.

Mặt trời ngã xuống như một thân cây tróc gốc. Bóng tối tràn về bao trùm vạn vật. Bóng tối luôn là thủ phạm tạo ra muôn vàn hiểm nguy bất trắc. Cái vẻ hiền hòa an phận của núi rừng phút chốc cũng trở nên hung hiểm dị thường. Ông điều khiển cặp bò rẽ vào một láng trống nằm cạnh một con sông nhỏ với dòng chảy hiền hòa trong mùa nước cạn. Cho bò uống nước xong, ông nhặt một mớ củi khô nhóm lửa nấu cháo. Ông đổ nửa chén gạo vào cái song nhỏ xíu với hai chén nước rồi bắc lên cái bếp dã chiến kê bằng ba cục đá. Tiếng sôi ùng ục từ song cháo phát ra nghe buồn đứt ruột. Ông bê song cháo trút hết vào cái tô rồi gấp hai con cá bỏ vào. Mùi cháo và mùi cá nướng quyện vào nhau bốc lên thơm phức. Ông nhai ngấu nghiến cái đầu cá rồi từ từ để cho chất mặn, chất béo, chất ngọt thấm vào đầu lưỡi như một vị đế vương đang thưởng thức một món sơn hào hải vị gì đó. Bữa ăn chiều của ông là vậy! Một chút lương hồ lông bông trút vào cái bao tử rỗng téch chẳng thấm thía vào đâu. Ông thu dọn bát đĩa bỏ vào bao cát rồi chui vào gầm xe.

Nằm co ro trên tấm nylon với một cảm giác cằn cào khó chịu, giấc ngủ khó lòng tìm đến với ông. Ngủ không được, ông lại chui ra ngồi bên đống lửa. Đêm càng về khuya, núi rừng càng lộ ra cái vẻ hung hiểm kỳ bí của nó. Một vài tiếng kêu rì rào của một con chim ăn đêm vọng lại từ khu rừng bên cạnh làm ông thấm buồn. Ông lại lan man nghĩ ngợi về thân phận con người. Mới ngày nào còn là một học sinh với bao niềm ước

mơ, hy vọng. Mới ngày nào còn là một sinh viên sỹ quan với bộ quân phục ủi hồ láng bóng đi bên cạnh người yêu trên đường phố Sài Gòn. Mới ngày nào còn quần quýt bên vợ con trong ngôi nhà thân yêu vào những ngày nghỉ phép. Rồi giờ đây một mình ngồi giữa núi rừng thâm u trùng điệp, bóng tối vây quanh. Nỗi cô đơn lại hiện về phủ kín hồn ông...

Mặt trời đã lên cao. Những giọt nắng quái ác xuyên qua cành lá đậu lên tấm thân gầy gò héo hắt của ông. Một con chim đứng nhìn dáo dác rồi bay vút vào khu rừng phía trước. Một con sóc chuyền nhanh qua trước mặt. Một chiếc lá còn xanh yếu mệnh nhẹ nhàng rơi xuống nằm lơ lửng trên đám lá khô. Nhịp sống quanh ông diễn ra đơn điệu đến rợn người. Ông dụi tắt điều thuốc rồi uể oải đứng lên tiếp tục đi tìm những khúc củi nằm rải rác trong khu rừng giữa trưa hừng hực nóng. Mồ hôi trên lưng áo bà ba đen của ông bị sức nóng hong khô tạo thành những vết loang lổ trắng đen trông giống như một bức tranh trừu tượng.

Loay hoay cả ngày với những khúc củi oằn vai khiến ông cảm thấy toàn thân mệt nhoài rồi rã. Màn đêm núi rừng buông xuống thật nhanh. Ông ngồi vắt vẻo trên chiếc xe chở đầy than củi xuyên qua những khu rừng chồi nối tiếp nhau trải dài hàng chục cây số dẫn về ngôi làng bé nhỏ của ông, nơi có những vũng nước ngả màu và những con cá lòng tong mắt cạn...



Nguyễn Đức Nhơn

Biển Và Tôi

biển quê tôi muôn đời ôm bóng nắng
còn cát nằm phơi ngực trắng quanh năm
cũng có lúc biển vô tình dậy sóng
mây bốn mùa theo gió núi về thăm

em xa vắng có nhớ mùa hạ biển
thành phố buồn vẫn đợi bước chân em
biển Cali mỗi lần nghe sóng vỗ
có làm em nhớ nỗi buồn tim

nhớ những lúc xôn xao mùa biển động
lũ học trò vắng bóng những chiều hôm
tôi và em vẫn thì thầm trong gió
đợi đêm về nghe sóng vỗ triền miên

em yêu dấu có bao giờ em khóc
khi cuộc đời là hai ngã chia ly
tôi và em xa nửa vòng trái đất
biển mũi lòng thương kẻ ở người đi

thôi em nhé vốn là loài chim biển
chim vô tình cánh bạc vỗ bờ xa
biển và tôi đã mấy lần bật khóc
biển muôn đời vẫn dạo khúc tình ca.



Phạm Ngũ Yên

Thư viết từ đường Heatherglen

(riêng tặng Mục Sư Trần Xuân Hà)

Hãy để tôi như một cái ấn nơi lòng chàng
Như một cái ấn trên cánh tay chàng
Vì, Ái tình mạnh như sự chết
(Nhã Ca, đoạn 8 câu 6)

1.

Nơi một góc phố nhìn ra con đường chạy ngang khu Little Sài Gòn, hôm qua sương mù che kín một vùng công viên của người Việt Tị Nạn. Trạm xe buýt đầu ngày lướt thướt trái tim đầy những mưa bụi. Vài người Việt Nam ngồi co ro ngồi chờ xe nhìn ra dòng mưa buổi sáng dưới những ngọn đèn muộn. Dưới những nụ hoa đêm còn khép nép trong khi cuộc đời mang trên vai nó một dòng sinh lực không hề cạn.

Mỗi thành phố đều có một đời sống riêng và một dáng vẻ riêng. Westminster cũng vậy. Những cây Italian Cypress có những ngọn mượt mà xen lẫn những lùm cam trĩu trái, khi tôi trở về Cali. Tôi đi qua những con đường quen thuộc dẫn đến những địa chỉ mang hơi hám Việt Nam. Những linh hồn Sài Gòn và những trái tim miền Nam chứa đầy điệp lục

tổ.

Những con đường nào tôi đã đi qua lạ xa mà rất gần gũi. Những hàng quán mang dáng dấp một Sài Gòn – Chợ Lớn xưa. Nhìn đâu cũng thấy người Việt và người Tàu qua lại, mua bán. Cười nói. Nhìn đâu cũng thấy những dòng chữ quảng cáo quen thuộc gợi nhớ một miền Nam sung túc an bình. Hình như trên vỉa hè sáng nay, tiếng chim kêu không ngớt một thời mê sáng của quá khứ. Thời của những bàn tay nằm thõn thức trong những bàn tay. Cùng những bước chân quần quít đuổi theo những thơ ngây đã mất. Từ mảnh sân nhà ai xanh rục một bờ cỏ tương tư, những chùm hoa thạch thảo đang trở trần một mùa Thu đã chết.

Không có hơi thuốc lãng mạn nào bay quanh quẩn trên chiếc khăn len người tình để nhớ về một vùng trời thanh xuân Đà Lạt, và tâm hồn ai đang nhức nhối một quá khứ đau buồn. Hãy tưởng tượng một hôm nào trái tim không còn biết thõn thức một tín hiệu trong lồng ngực già nua khô khốc. Trong khi bàn tay run không thể vươn ra với hái những trái cây đời. Hãy tưởng tượng một hôm nào đi qua khoảng sân xi măng quanh hiu, nơi có những chiếc lá vàng khô mới vừa rụng xuống, lòng trống vắng nụ hôn giờ chia tay. Và cuộc đời nghe ảo não những hồi kèn thua trận.

Buổi sáng nay cũng vậy. Ly cà phê ngập ngừng trên môi rét căm của người bạn và chúng tôi cùng ôn lại một chút quá khứ tàn phai của ngày xưa. Ngôi trường cũ. Thời mới lớn biết tương tư đuổi theo những tà áo dài trắng cùng lớp, lòng không tin những chuyện hoang đường. Những bài thơ viết vội không dám trao đi vì nghi ngờ lòng thành khẩn của mình không bay xa hơn nhịp đập của một cánh bướm. Năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm. Những người con gái ngày đó bây giờ vẫn còn đẹp khi gặp lại. Chỉ duy có tình yêu bỏ đi những nông nân. Quá khứ nào cũng ủ chất men làm chết ngất những ly rượu đời và em sang sông như một loài sáo.

Có một chút lướt thướt của mưa và một chút gió thổi về làm ly cà phê lạnh tanh. Hai con chim bồ câu trên chup đèn trước một quán ăn. Chúng chia sẻ cùng nhau một chút rét ngọt đồng lõa. Bên kia công viên mặt hồ mù mịt như bị cuốn trôi theo những màn sương. Hai vòm cây không còn lá cong đầu vào nhau. Hai người trẻ tuổi nơi cửa ra vào cũng chầu đầu vào nhau thâm thỉ. Quá khứ son trẻ hiện về làm nhói một chút trong tim.

2.

Buổi sáng đầu tuần mát rượi một không khí Đà Lạt. Bậc thang mênh mông về khu Chợ Hòa Bình đầy người. Thiếu vắng màu áo len xanh trên thềm đường dẫn xuống bến xe đò trước rạp Ngọc Lan. Nắng trở mình xô giạt những cánh lá. Tâm hồn tôi đang thênh thang một cõi sương mù mông mị. Nghe lạnh ủa về làm nhớ một bàn tay.

Ngày nằng theo chồng không có một vương thiệp gửi qua đường bưu điện. Người lính không đợi chia tay mới tập biết thất tình. Bài hát ngày nào nghe lạc lõng giờ nghe như ám đủng vào tôi:

Năm năm rồi không gặp

Từ khi em lấy chồng
Anh dặm trường mê mãi
Đời chia như nhánh sông
Phong thư tình ngậy đại
Và vai môi rất mềm
Những hẹn hò cuống quýt
Trên lối xưa thiên đường

Ngày nhà em pháo nổ
Anh cuộn mình trong chăn
Như con sâu làm tổ
Trong trái vải cô đơn
Ngày nhà em pháo nổ,
Tâm hồn anh rướm máu
Ôi nhát chém hư vô

Anh một đời dong ruổi
Em tay bế tay bồng
Chiều hát hiu xóm đạo
Hồi chuông giáo đường vang.

(Phạm Văn Bình)

Khi tôi quen nàng, tôi chưa biết uống cà phê và chưa biết hút thuốc. Giờ khi xa nhau, tôi đã biết tường tận cả hai điều đó. Đời sống quân ngũ làm cho người ta tập nhiều thói hư tật xấu. Những đứa con trai vào đời mang trong lòng một chút kiêu bạc. Một chút buông thả. Vì họ muốn làm người lính chai sạn, trưởng thành.

Một người đi là xa hẳn. Khó lòng để tìm lại trong ý ức cũ một màu áo rực rỡ. Tôi nhớ tiếng cười của nàng trong veo giữa từng sợi nắng. Nàng đã mười tám hay mười chín tuổi? Đâu có ai đếm được thời gian trên môi của người con gái, khi tóc chưa cháy và má vẫn thắm màu? Nhưng đã có thời tôi uống say những hương sắc đó như người ta nhấp quá đà một hơi rượu cay.

Khi tôi biết về nàng, tôi chỉ là một gã con trai vừa rời bỏ tuổi thơ để cuốn theo dòng đời. Qua những cơn mưa mùa Thu úa vàng, mùa Hè cũng vừa bằng bật tiếng ve.

Tuổi thơ tôi chạy đuổi theo một con đom đóm lặng thình bay qua vườn nhà ngoại. Ánh sáng thoi thóp từ bụng của nó làm đau mảnh trắng rằm. Bên giếng khuya ai khua gàu múc nước?

Tuổi thơ tôi cũng chạy đuổi theo cánh diều chao đảo trên không. Đuôi của nó vướng víu trên hàng giây điện. Tôi buồn như chưa hề biết vị ngọt của đời. Thời gian sống sờ sờ khôn lớn.

Người đàn bà ra khỏi đời một người đàn ông, luôn để lại những bão tố.

Tình ta như hàng cây
Đã yên mùa bão gió
Tình ta như giòng sông
Đã yên ngày thác lũ

Thời gian như ngọn gió
Mùa đi cùng tháng năm
Đuổi theo mùa đi mãi
Chỉ còn anh và em
Cùng tình yêu ở lại

Kìa bao người yêu mới
Đi qua cùng heo may
Chỉ còn anh và em
Cùng tình yêu ở lại...
(Xuân Quỳnh)

3.

Ngồi bên nhau trong quán cà phê giữa một ngày mưa bão, đôi lúc chúng tôi không nhìn thấy hết được vẻ diễm lệ của thành phố California. Con đường Westminster đang có những cây anh đào non mới vừa ra hoa. Đây là lần thứ hai chúng tôi gặp nhau tại Quận Cam. Và là lần cuối cùng gặp nhau trong đời.

Anh Trần Xuân Hà đang là một Mục Sư Baptism. Ngày còn ở Việt Nam tôi và anh là hai tín đồ Tin Lành. Cùng có chung một quá khứ sôi nổi những mối tình bèo bọt. Cùng khoác áo Truyền Tin khi vào quân ngũ. Cùng làm việc chung một quân trường. Anh bên Trợ Huấn Cự của Trường. Còn tôi Huấn Luyện Vô Tuyến Viễn Ấn. Anh giải ngũ trước tôi vài năm vì phổi của anh có vấn đề- nghĩa là có vết nám- Anh là một người rất đẹp trai. Ngày còn học Trung Học, anh có hình chụp được trưng bày làm mẫu tại tiệm ảnh Tây Hồ, trước phòng Thông Tin Vũng Tàu. Bây giờ, nhìn lại, thấy anh vẫn còn những nét quyến rũ của một người đàn ông đẹp trai. Ngoài vẻ đẹp của dung mạo, anh còn chụp hình, vẽ rất giỏi và biết thêm điều khác. Đã nhiều lần, anh dùng bàn tay tài hoa của mình để trang trí nhà thờ trong những dịp lễ lạc. Nét cọ của anh xử dụng mang một màu sắc mạnh mẽ, dứt khoát. Giống như tính tình anh.

Cũng nên nói thêm một tài năng khác ở anh là anh nói chuyện rất lưu loát. Chính điều này đã nhen nhúm trong lòng anh ước vọng trở thành Mục Sư sau này.

Sau ngày miền Nam sụp đổ, tôi trở về Vũng Tàu sống cùng gia đình. Gặp anh đang trở

thành thợ sửa đồng hồ. Những ngày Chủ Nhật ngồi cùng anh trong nhà thờ Tin Lành. Sau đó ra ngồi ở quán cà phê của Tăng Nhuận. Đôi khi chúng tôi ra ngồi ngoài bãi biển, buổi chiều sau khi rửa việc. Anh có một ước mơ bình dị nhưng cũng rất lãng mạn khi một lần anh tâm sự với tôi là, bao giờ được định cư tại Hoa Kỳ, hành động đầu tiên là anh và tôi sẽ gặp nhau dưới chân Tượng Nữ Thần Tự Do ở Nữ Ước. Chúng tôi sẽ sờ tay lên trên những phiến đá mang hơi thở của Tự Do. Để biết rằng đời sống này Hạnh Phúc không phải là điều không thể với tới được. Hạnh phúc là một điều có thể sờ thấy được bằng tay và nhìn tận mắt.

Rất tiếc, mơ ước tầm thường đó không xảy ra. Không bao giờ có dịp xảy ra.

Chúng tôi cùng được định cư tại Hoa Kỳ trước sau một năm. Anh đi theo diện ODP, do nhạc phụ anh là ông Trần Văn Thông (?) bảo lãnh. Ông Thông là cựu Huấn Luyện Viên đội tuyển túc cầu quốc gia thời Đế Nhị Cộng Hòa. Còn tôi đi theo diện PIP, vì vợ tôi làm việc cho Chính Phủ Hoa Kỳ.

Chúng tôi không tiên liệu được những khó khăn về công việc làm ăn, về những dịp tiện để có thể đi từ tiểu bang này sang tiểu bang khác. Nó không đơn giản như một người Việt Nam đi từ Vũng Tàu lên Sài Gòn hay từ Sài Gòn lên Đà Lạt. Nước Mỹ bao la quá. Cơ hội và thời gian có thể đến với người này mà không đến với người kia.

Lúc tôi còn bận bịu sinh kế tại Austin, thì nghe tin anh thi vào học ở Thần Học Viện Tin Lành. Một thời gian sau anh trở thành Mục Sư Hội Thánh Baptism tại vùng Norway, California, cách Santa Ana về phía Bắc chừng 30 phút lái xe.

Về Cali thăm anh lần thứ nhứt, tôi có nhắc đến chuyện gặp nhau dưới chân Nữ Thần Tự Do. Anh chỉ cười và nói mình chờ một ngày nào khác. Cuộc đời còn dài mà. Quả cuộc đời cũng còn dài thật. Năm đó chúng tôi chưa đến 60.

Một hôm, trên đường điện thoại viễn liên có tiếng của anh gọi đến: “Tôi đi thư viện Norway thấy tác phẩm Hoa Bluebonnets Cho Hai Người của anh trong đó”. Tôi ngạc nhiên: “Làm sao sách của tôi lại trôi giạt đến đó được?” “Không biết” Anh trả lời. “Norway là một quận nhỏ mà có sách của anh thì hi vọng nơi khác cũng có”. Tôi đáp: “Hi vọng như vậy”...

Lần khác, anh cũng gọi đến cho tôi sự ngạc nhiên, cũng trên đường dây viễn liên: “Tôi mới vừa nghe Bích Huyền đọc bài thơ của anh trên đài VOA”. “Bích Huyền là ai?” Tôi hỏi. “Là người phụ trách chương trình phát thanh VOA bằng Việt Ngữ tại quận Cam”. “Bài thơ tựa gì vậy?”. “Tôi không nghe kịp. Anh Hà trả lời. Tôi ngoài sân bước vào thì nghe bài thơ đang đọc. Hình như nội dung đề cập đến sinh nhật của con gái anh. Chị Bích Huyền đưa lên chương trình nhân ngày Father’s Day, cùng với một số bài thơ khác. Chị ấy cũng không biết anh ở đâu nên có vài lời xin lỗi tác giả”. “Khỏi cần. Mai một qua Cali tôi tìm gặp cô ấy để bắt cô dẫn chúng mình đi uống cà phê”.

Tôi nhớ bài thơ tôi viết trong thời điểm lang thang ở Sài Gòn, trong những tuần lễ trước khi rời Việt Nam. Tôi viết một mạch bên hông Nhà Hát Lớn (Hạ Nghị Viện). Giữa tiếng

rao vặt, tiếng xe cộ huyên náo, tiếng cười nói của những trẻ nhỏ chơi quanh đây. Bầu trời xanh chói với những đám mây trên đầu. Có tiếng chim ríu rít trên một khung cửa tò vò. Bàn chân ai vừa dẫm lên những vỉa nhựa đường nóng bỏng, thoi thóp một thời phồn hoa.

Bài thơ nói lên tâm sự của một người cha trong thời đại xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nghèo túng không có tiền để mua cho con món quà ngày sinh nhật. Bài thơ gửi đăng trên báo Văn của Mai Thảo, tháng 8 năm 1991, có tựa là “Mùa Mạc Lan Cuối Cùng”. Mạc Lan là tên của một loại lan hoang dã bên vệ đường. Có thể Bích Huyền trích từ những trang báo đó chăng?

Sau này khi trở lại Cali lần thứ nhì. Tôi và anh Trần Xuân Hà và Bích Huyền tình cờ gặp nhau nơi tòa soạn Nhật Báo Người Việt, đường Moran. Chị Bích Huyền đặt đài phát thanh trong cơ sở của nhật báo Người Việt. Mỗi buổi sáng chị đến đó để làm chương trình phát đi. Giống như một định mệnh. Tôi nhắc lại bài thơ. Nhưng Bích Huyền đang bận nên không đưa chúng tôi uống cà phê như tôi đòi hỏi. Tôi cho chị nợ và nói thêm “kiếp sau sẽ trả”. Bích Huyền lúng túng không dám trả lời. Văn chương chữ nghĩa đã là một cái nợ đời. Tại sao lại còn làm khó khăn nhau bằng một cái nợ khác? Tôi nghĩ và đọc thơ Nguyễn Bính:

Lòng tôi rồi những tơ đàn
Cao vời những ước đầy tràn những mơ
Lòng cô chẳng có dây tơ
Ước thì thật thấp mà mơ thật nghèo

Hồn tôi giếng ngọt trong veo
Trăng Thu trong vắt biển chiều trong xanh
Hồn cô cát bụi kinh thành
Đa đoan vó ngựa chung tình bánh xe.

Rời khỏi tòa soạn báo Người Việt, tôi và Trần Xuân Hà đi uống cà phê. Vẫn quán cà phê quen lần trước. Trần Xuân Hà vẫn tươi tắn tráng kiện. Vài câu nói đùa với nhau trong khi ký ức vỡ òa những chuyện xưa. Những chuyện không đầu đuôi và cũng không có thứ tự. Nhớ đến đâu chúng tôi nói đến đó. Mái tóc của anh lúc đó đang sớm những sợi bạc bên thái dương. Còn tôi, may mắn hơn và chỉ có vài năm sau, khi xảy ra biến cố 9-11. Nhưng đã có một chút mộng mên của sóng trong tâm hồn hai chúng tôi. Đã già quá rồi phải không? Tôi hỏi. Anh cười: “Người xưa nói 60 mươi năm cuộc đời. Người nào qua tuổi 60 mà còn tồn tại năm nào thì coi như được Bonus của Chúa năm đó”.

Tôi không nghĩ đó là câu nói hay nhứt và cuối cùng của một người bạn nói cho một người bạn. Đôi khi tôi không nghĩ anh là một Mục Sư. Vì tâm hồn anh còn lãng mạn

quá. Anh chưa đứng hẳn về một phía nào của cuộc đời. Giữa trần tục và thanh thoát. Giữa đạo và đời. Nhưng tôi vẫn thấy mến anh nhiều nếu anh vẫn là một tín đồ đơn thuần như ngày còn ở Việt Nam. Tôi sẽ thoải mái san sẻ lòng tôi với một người bạn thân thay vì phơi bày ra với một Chủ Chăn. Tôi cũng sẽ sôi nổi để bàn luận cùng anh về những nhân sinh quan không trang trải một niềm tin nào, ngoài niềm tin về con người và cuộc đời. Tôi sẽ mạnh dạn ngồi xuống với anh trong một quán xá bên đường và ồn ào kêu một hai chai bia để cùng cụng ly như ngày xưa từng ngồi tại bờ biển cũ. Tôi sẽ nghe giống với anh nhịp đập thốn thức từ một buồng tim non yếu, giống như nhịp vỗ triền miên của sóng vào ghềnh đá. Vào khoang thuyền. Trong khi cuộc đời ngầy ngất ngoài kia.

Đôi khi chúng ta không đi qua đời sống này bằng một khung cửa hẹp, như khung cửa của Chúa Giêxu từng khuyên bảo môn đồ. Nhưng chúng ta sẽ khó lòng vượt qua những bất hạnh, những chông chênh với cõi lòng thanh thản để ca ngợi hạnh phúc luôn miêng. Vì chúng ta là con người trần trụi trước những cám dỗ dung tục

Cho nên, tôi không thể không đau lòng khi nghe tin người bạn thân, Mục Sư Trần Xuân Hà đã đột ngột về với Chúa.

Anh được Hội Thánh Baptist tại vùng Waynesville, North Carolina mời về giảng Lời Chúa. Đang lúc đứng trên bục giảng sáng ngày chủ nhật cuối tháng 5. 2005 anh đã quy xuống vì chứng tai biến mạch máu não. Trên đường đưa vào bệnh viện, anh đã mất.

Chúa đã rước một tôi tớ Chúa về nhà của Ngài một cách yên tĩnh.

Hình ảnh của anh Trần Xuân Hà trong phong cách hầu việc Chúa, gợi tôi nhớ về những nén bạc và người quản gia trong Kinh Thánh. Thiên Chúa đã đặt trong tay anh tài năng, ân tứ và việc phụng sự Ngài. Giống như những nén bạc để anh làm hành trang trên đường Thiên Lý. Anh đã làm hết sức của anh và kết quả là những nén bạc đã sinh lời cho Ngân Quỹ Nhà Chúa. Cánh đồng của Chúa đã chín vàng. Nhưng con gặt thì thiếu. Ngày niên thiếu anh mơ ước được làm một con gặt của Chúa trong mùa gặt, gánh những hạt lúa bội thu về cất trong nhà kho Trên Trời. Những mơ ước khi còn ở quê nhà kia là những mơ ước không vinh quang và rất nhục nhằn- đã chạm đến tầm tay anh khi ra hải ngoại. Nhưng buồn thay, Quỹ Thời gian dành cho anh thì đã hết. Anh lặng lẽ và tuân phục về với Chúa.

Khi viết những dòng này, tôi lục lại trong tài liệu cũ lưu trong computer của mình, tìm thấy những dòng tâm sự anh viết cho bạn bè, cho ngôi trường miền biển của chúng tôi, cho một tình yêu mờ nhạt thời niên thiếu. Anh cũng viết cho vợ mình, người phụ nữ thủy chung đi cùng anh suốt một đời thăng trầm, qua những đổi thay vinh nhục. Những dòng tâm sự chói lòa một định mệnh và cũng khép lại một định mệnh. Tôi xin trân trọng gửi đến bạn đọc đã từng yêu mến văn chương tôi, hãy đọc ở anh, để nhìn thấy một mặt khác của đời sống trong đó. Để ngậm ngùi với một lòng thuyền không kịp chờ hết một mùa trăng.

Những dòng tâm bút của anh, rất ngắn. Nhưng chín ửng một tình người.

Xin trích từ Trần Xuân Hà:

NHƯ CHUYỆN CỒ TÍCH (Vài kỷ niệm vụn vặt, xin dành cho những người tình cũ)

1. Gọi Nhớ Ngày Xưa

Hôm nay 28- 04, một trong những ngày dân mình lưu lạc tại Hoa Kỳ và nhiều nơi trên thế giới, kỷ niệm năm thứ 28 ngày bắt đầu bỏ nước ra đi.

Tình cờ đọc các thơ trao đi gửi lại của các người bạn (bạn của bạn mình), những người từng cùng chia sẻ buồn vui dưới mái trường Trung Học Vũng Tàu thân yêu, khi họ tìm cách nối lại sợi dây liên lạc đã đứt, hoặc gián đoạn, khi “on” khi “off” từ gần ba mươi năm nay, lòng mình se lại, dường như có một chút buồn len lén bước vào tim, phải chăng đó là kỷ niệm tuổi học trò?

Các bạn thân mến, có lẽ mình cũng từng ngồi chung một bàn, cùng chung một lớp, học chung một thầy với một số lớn các bạn có tên trong các thơ đó; nhưng không phải Trung Học Vũng Tàu, khi mà cơ sở nhà trường đã được xây thành hình chữ L (với hàng chữ đắp bằng xi-măng khá lớn bên cánh doi: TRI ÂN THIẾU TƯỚNG LÊ VĂN VIỄN), hay hình chữ U như sau này; mà lúc nó chỉ mới được xây lại vì đổ nát, sau trận bom đồng minh đánh hụt thành “Ông Dem” (11ème R.I.C.) bên kia đường, năm 1945.

Bảy giờ ngôi trường chỉ có một dãy, song song với Rue De Laboussière (nay là Đường Lý Thường Kiệt), có bốn lớp học, kể cả Lớp Tiếp Liên do Thầy Minh “Rờ Que”, ở đầu dãy, gần sân bóng chuyền và Văn phòng Hiệu Trưởng.

Đọc “ké” thơ các bạn gửi cho nhau, kỷ niệm thời thơ ấu chọt về trong tôi. Phải chăng kỷ niệm “ăn theo” hay chính là kỷ niệm của riêng mình? Tôi tưởng mình vẫn đủ tư cách hoài niệm về ngôi trường cũ đây kỷ niệm đó kia mà!

2. Tình Chi Đẹp Khi Còn Dang Dở

Câu thơ này, cho đến hôm nay, hơn nửa thế kỷ sau khi được thi sĩ Hồ Dzếnh viết ra, tôi thấy vẫn còn hợp thời. Đọc thơ các bạn, mình nhận ra trong từng câu gọi nhớ, một bàng bạc nuôi tiếc những cuộc tình không trọn. Nào là mối tình vô vọng với hoa khôi lớp học của người con trai đầy mặc cảm thua thiệt; tình sôi nổi như cơn sóng (thần) ngầm của cô học sinh mới lớn, với người thầy trẻ vừa ra trường; tình cao thượng của người học trò với ông thầy cũ trong vai trò đồng nghiệp, gặp lại nhau tại một tỉnh lỵ miền cao. Ôi! Có gì hạnh phúc cho bằng “Tha hương ngộ cố tri”. Tình của những bạn ráp nhau thành cặp uyên ương xứng lứa vừa đôi, từng làm ganh tị nhiều bạn trang lứa, những tưởng họ sẽ đi nhau đi suốt cuộc đời, nhưng lại gây gánh giữa đường, và cũng phải kể luôn đến những mối tình chung thân (khổ sai hoặc hạnh phúc) cho đến ngày nay. Tất cả những cuộc tình thành hay bại đó cũng đều để lại dấu ấn khá đậm trong tim người trong cuộc, và bây giờ nếu được phép hỏi lại, có lẽ tất cả đều biểu tỏ nuôi tiếc những xúc cảm thơ

ngày ngày nào, mong ước gặp lại nhau để nhìn lại hình bóng cũ.

Thiên nhiên, các bạn tiếp tục gặp nhau trên E-mail như bấy lâu nay, hình ảnh người trai hào hoa, hùng dũng, người em nhỏ bé, dịu dàng, thơ ngây sẽ vẫn còn sống mãi trong tâm khảm; nhưng nếu gặp nhau chắc sẽ không ít thất vọng. Thà đừng gặp nhau có lẽ tốt hơn. Thật, “tình chỉ đẹp khi còn dang dở”!

3. Con Đường Mang Tên Em

“Con Đường Mang Tên Em” là tựa đề bản nhạc rất phổ thông đầu thập niên 60. Bài hát bắt đầu bằng câu: “Kể lại chuyện hai chúng mình, khi em với anh...” Các bạn đã nhắc lại chất giọng khàn đục của Kim Hoa, cô ca sĩ học sinh đầy triển vọng, từng làm nhức nhối nhiều con tim mới biết yêu. Cho đến hôm nay, tuổi mình đã vào ngõ “tri thiên mạng”, mà vẫn còn nhớ ngày đó như mới hôm nào. Đó là chuyện hai chúng mình trong bản nhạc, còn chuyện của riêng hai chúng mình cũng không phải là chuyện vui, cuộc tình chúng mình không là cuộc tình lãng mạn; nhưng chắc chắn là thơ mộng. Thơ mộng vì nó không phải là tình đầu của anh và em, mà cũng không phải là cuộc tình cuối để thành vợ chồng. Nó thoáng qua cuộc đời mình như ga xép dọc đường tàu, hình như có một chút thiếu hụt và uẩn ức bằng bạc nào đó mà anh không nhận ra.

Ngày xưa, như chuyện cổ tích, có một chàng họa sĩ lãng tử, phiêu bạc giang hồ, đến khi mỏi gối chồn chân, dừng lại quê nhà, gặp người con gái vẫn còn đáng đáp e dè vụng dại và (khi không lại...) thương người ta. Tình yêu nhẹ nhàng và trong sáng, không tỏ tình, không ước hẹn. Cũng vì mối tình pha-lê đó, chàng ghi lại trên khung bố, bằng chất liệu sơn dầu, cảnh con đường nhỏ, hai bên hai hàng bàng lá đỏ đặc thù quê hương, và ngay điểm mạnh của bố cục 1/3, là người con gái trong tà áo dài màu huyết dụ, đang bước đi mờ ảo gần cuối đường, như điểm hẹn cuộc đời chàng chọn. Nếu bức họa sơn dầu đó đáng gọi là tác phẩm, thì tác phẩm có tên là “Con Đường Mang Tên Em”. Nhưng thực tế không hay ho như vậy, “Đường chẳng riêng hai chúng mình, nên khi vắng anh, đường đã thay tên”.

Bức tranh hiện không biết vào tay ai. Con đường đó ngày nay vẫn còn bên chân Núi Lớn quê mình; chàng họa sĩ đó, giờ đây tóc đã điểm sương, có lần trở về thăm lại con đường xưa, lòng chàng ngậm ngùi vì mọi vật đều đổi thay. “Người xưa năm ấy, nơi này còn đâu!” (Thơ TXH)

4. Người Em Gái Tôi Thương

Tôi không tin số mạng, nhưng dường như có một trùng hợp ngẫu nhiên giữa tên em và cuộc đời. L.H., tên em có nghĩa là biển nước mắt, vậy làm sao vui cho được?

Những ngày chớm thu, Vũng Tàu không vui cũng không buồn, trời chỉ chột nắng chột mưa, chỉ có tiếng xào xạc lá bàng rơi, thùy dương vi vu trong gió.

Lần cuối ngồi với em tại sinh tố Phương Lan, đầu chợ cũ, gần mười một năm trước, là

một chiều thu như vậy. Im lặng thật lâu, em chỉ hỏi tôi: Hôm nào anh chị đi? Tôi trả lời bằng quơ: Vài hôm nữa. Còn tôi, thay vì hỏi thăm gia đình em, về Phát, chồng em, tôi chỉ hỏi: Em lúc này ra sao?

Hôm đó vai em gầy hơn, đôi tay em mảnh hơn trong một cơ thể vốn đã gầy và mảnh mai từ nhỏ. Em cho biết là em đang đau. Từ lâu, anh biết sức khỏe em không tốt lắm, mà hạnh phúc cũng không trọn vẹn. Anh cũng chẳng hỏi em đau ra sao.

Cũng tiếng nói ngập ngừng như ngày đầu gặp anh, giọng kim pha đồng đó, cũng đôi mắt u uẩn đó, nhưng ngày xưa, khi trên sân khấu, em hát nhạc tình với tất cả trái tim rực lửa của người con gái thời chiến loạn. Anh từng ngồi nghe em hát; nhưng chưa bao giờ là thính giả của em tại Trúc Giang, nơi mà bấy giờ hằng đêm em có một vai trò khá bận rộn, nơi mà Thái Châu cũng từng có mặt; nhưng nhiệm vụ anh chàng vẫn còn nhỏ bé lắm so với em.

Mẹ em thương anh, anh Long của em cũng mến anh. Long và anh học chung nhau từ lớp Ba tại trường sân vận động, từ khi gia đình em rời Sa-đéc đến đây định cư. Các anh gọi anh Long là Long Sa-đéc, để phân biệt với Long Bình-mực là vậy. Từ đó, Long và anh học với nhau đến hết tiểu học. Sau này, kẻ trước người sau vào quân ngũ, chúng anh gặp lại nhau trong quân trường và chung ngành chuyên nghiệp.

Ngày đó, thỉnh thoảng đêm đêm, anh và các bạn đồng ngũ ghé qua quán nhà của má em ăn chả giò. Món chả giò bà làm ngon thật, cuộn chả nóng hổi dòn tan, thấm dấm nước chấm vừa miệng. Lúc bấy giờ anh như người trong gia đình em. Có thể lắm, má em và Long cũng muốn anh trở nên thành viên của gia đình bà. Anh thương em từ đó.

Về tình yêu và tình thương anh rất rạch ròi; với em, anh không bước qua ranh giới tình yêu mà chỉ dừng tại vị trí tình anh em thuần khiết, và bằng tình cảm đó, anh giữ mãi cho đến ngày nay.

Em vẫn là “người em gái tôi thương”.

5. Những Cây Điệp Sân Trường.

Những cây điệp trong sân trường chúng tôi, bông điệp không là loại bông đẹp, chỉ là những sợi tua tua non mềm như chùm bông ráy tai của người thợ hót tóc; tôi còn nhớ như in, đến mùa, rụng tím sân chơi. Chúng tôi thường gọi loại điệp này là cây còng, hay cây me tây. Không biết nó có mặt nơi đây từ bao giờ; nhưng lúc chúng tôi lên lớp nhì, lớp nhất, được về đây học, thì đã thấy chúng nó đứng đó, và bấy giờ, thân cây đã cần cỗi, vỏ cây cũng đã nứt nẻ, xù xì lắm rồi.

Hai hàng điệp im lặng đứng đó, đã là chứng nhân nhần nhục của nhiều thế hệ tuổi trẻ Vũng Tàu, vô tình đến, rồi đi như những giòng sông nhỏ.

Tôi chỉ biết lớp cao nhất và xưa nhất tại đây, dưới tàn điệp này, là lớp Nhứt ông Đốc Dương (1947-1948). Thầy Dương mặc quần short, áo chemise tay ngắn, giày Bata. Thầy dạy thật giỏi, thường ngồi trên bureau khảo bài học sinh, trò nào được gọi lên

bảng, mà làm sai, thầy phóng xuống, đá vào... đít, bất kể nam nữ, làm cô cậu học sinh chúi mũi. Giờ đây, nhớ lại những ngày ấy, mình thấy thầy cô quá nặng tay với học trò; nhưng đó không phải là những trận đòn hận thù, mà là yêu thương. Từ lớp của thầy, sau này có những người ra đời thành đạt, như Bác Sĩ Quân Y Trần Cao Để, Dân Biểu Hồ Văn Minh, Nhạc sĩ Khánh Băng, Mục sư Trần Văn Lang, và nhiều... nhiều anh chị khác nữa, trong thương trường, giáo dục và nhiều lãnh vực khác.

Hai hàng điệp vẫn đứng đó, vẫn chứng kiến các lớp anh chị ra đi, lớp anh chị mới đến, tới thể hệ chúng tôi, rồi các em, cũng tiếp tục đến rồi đi...

Những năm tôi học nơi đây (1952-53), trường chỉ dành cho nam sinh cấp Tiểu Học. Dưới bóng điệp già này, chúng tôi chơi đánh trống, bắn đạn cu-li, đánh bông vụ, lại còn đá banh nữa. Nhưng nhộn nhịp nhất là thời gian Thầy Đoàn Kỳ Quận, mà chúng tôi thường gọi thân mật là Anh Ba Quận, vừa tốt nghiệp Trường Thanh Niên Thể Thao Trung Cấp, về làm Huấn Luyện Viên Thể Dục, kiêm Văn nghệ cho nhà trường. Ngày ấy, sân chơi, giữa hai hàng Điệp, nhà trường dựng lên khung sắt lớn dành cho môn leo giây, hai bên có xà ngang, xà đôi, gần đó có hố cát hỗn hợp cho hai bộ môn nhảy cao và nhảy xa, lại còn có một giàn đu gỗ nữa. Từ đó, nơi đây, cũng dưới sự chứng kiến lặng lẽ của hai hàng điệp này, chúng tôi thích thú được Anh Ba Quận “hành hạ”. Làm sao không thích thú cho được, khi bọn con trai chúng tôi được tung tăng thoải thích trong giờ thể dục?

Giã từ Tiểu Học, chúng tôi ra đi như đàn chim nhỏ. Một số đông các bạn ở lại chờ trường mở cấp Trung Học, nên phải chịu trễ mất một năm. Trường Trung Học Vũng Tàu bắt đầu thành hình với mấy lớp Đệ Thất. Những năm này, hàng điệp già bắt đầu được chứng kiến những tà áo dài trắng nho nhỏ dễ thương, thấp thoáng trong sân chơi; nhưng có thể chưa có mối tình con nào xuất hiện, cho đến vài năm sau này.

Ngày đó, tôi không còn ở đây, nhưng chắc chắn dưới bóng hàng Điệp im lìm nhẵn nhụi, có những cuộc tình đầu đời nở hoa, những hò hẹn, những lá thơ nắn nót trên giấy học trò, trao vội cho nhau, cũng có những nụ cười và nước mắt của các bạn, của các em.

Thời gian bình thản trôi qua, các thế hệ học sinh cũng qua rồi lại qua. Thời cuộc đầy đưa, hôm nay, một số các bạn vẫn ở lại quê nhà, số khác “lang thang như người Do-thái”, lưu lạc kẻ đông người tây trên khắp cùng trái đất, cũng không ít bạn đã đi về cõi vĩnh hằng bình yên; nhưng hàng Điệp ngày nào vẫn đứng đấy, vẫn tiếp tục làm chứng nhân cho các thế hệ con cháu chúng mình.

Hàng Điệp già vẫn còn đó!

TXH (May, 2 .2003)

Những ngày mưa bão Cali

Em yêu dấu,

Dường như lâu lắm rồi, anh không còn thói quen viết cho em những dòng chữ thể này,

như anh đã từng làm trong thời gian đầu mình mới quen nhau.

Trời Cali hôm nay chớm Thu, dù ánh nắng Hạ gay gắt vẫn còn lẫn khuất đùa nghịch, chột đến, chột đi, như tính nết bất thường đáng yêu của cô bé mười bảy năm nào.

Hơn ba mươi năm rồi chớ ít ỏi gì, nhưng anh thấy dường như chỉ mới hôm qua. Ngày đó, Saigon cũng vừa vào Thu, nắng đã dịu, nhưng bầu không khí vẫn còn nồng mùi đất ẩm sau cơn mưa. Em tròn mười bảy, anh hơn hai mươi. Lẽ ra với tuổi đó, em vẫn còn được ngồi trong lớp với các bạn; nơi đó, sau hàng song vuông cửa sổ, em vẫn có quyền thả hồn mơ mộng, dành đôi phút nhìn ra khoảng trời thênh thang, bên kia đường Phan Thanh Giản, ngắm hàng sao đen, nghe lá nhỏ tâm sự rì rào; lòng em có thể chùng lảng khi chột nghe tiếng chuông chùa Xá Lợi bên kia hông trường vọng lại, để liên tưởng đến tiếng chuông chùa Long Giác trong Hồn Bướm Mơ Tiên. Em có quyền, em có quyền tiếp tục hưởng cuộc sống êm đềm bình thường như bất cứ thiếu nữ nào.

Nhưng số phận đã an bài, mẹ em đột ngột ra đi, và đây cũng là lý do em phải từ giã khung trời mơ mộng, rũ bỏ ước vọng tương lai, như rời khỏi tấm thảm hoa đang dật dờ dang trên khung cử. Em phải rời bạn bè, rời trường lớp thương yêu, rời tổ ấm gia đình, để ra đi tìm sống, như chim non lạc đàn trong bão tố. Trong cơn bão đó, em gặp anh.

Ngày đó, anh cũng đã rời ghế nhà trường để vào quân ngũ như các bạn anh, như các thanh niên thời chiến. Anh gặp em, chúng mình gặp nhau và yêu nhau. Anh không nghĩ chuyện chúng mình là ngẫu nhiên. Mọi tình của chúng mình không suông sẻ gì, nó cũng trắc trở, và đầy thử thách. Nhưng để bù lại những bất trắc đó, nó cũng lãng mạn, dễ thương. Và như em thấy đó, chẳng những chỉ lãng mạn và dễ thương thôi đâu, chúng mình cũng còn được hưởng phần thưởng quý giá: dường như mỗi chúng ta là con hình trong trò chơi Puzzle, mà chú bé vui mừng tìm được đúng hai mảnh ráp khớp vào nhau, hai nửa mảnh đời đã tìm được nhau để trở nên một.

Những ngày mới quen nhau, anh về lại Saigon của anh thời học sinh, cũng là Saigon của em thời hoa mộng, cũng là vùng trời chung của nhiều tâm hồn riêng lẻ. Anh đưa em thăm lại những kỷ niệm ngọt ngào của em, kỷ niệm đời học sinh lưu trú của anh. Chúng ta uống lại ly nước mía Viễn Đông, tìm hương thơm vị ngọt ngày cũ; chúng mình đứng bên cội me già, ăn miếng phá lấu, viên ruột vịt, quán cặm vào que tăm, giản dị bình thường. Em yêu dấu, còn nhớ không, những chiếc bánh mì cóc Bru điện, đĩa cơm gà xé Thanh Bạch, ly sữa “soóc” Xuân Hương, cốc kem Brodard, những món ăn thật tầm thường, nhưng ngày đó sao ngon quá đi thôi! Bây giờ, đối với chúng mình, sơn hào hải vị của vua chúa ngày xưa, yến tiệc linh đình ngày nay, chắc chắn không thể nào ngon hơn. Ôi! Nhà ảo thuật đã có thể làm chiếc khăn tay biến thành con bồ câu trắng bay ra khỏi chiếc nón như thế nào, thì tình yêu và kỷ niệm của chúng mình cũng đã biến những điều đơn giản thành quý giá, và hạnh phúc thăng hoa như vậy đó!

Hôm đó, từ nhà Brodard, tay trong tay, chúng mình lang thang trong lòng phố hẹp, khu phố cũ có một chút đáng đáp Paris, lại còn có lá me bay bay trong nắng ấm nữa. Chúng

mình ghé qua Phòng Thông tin Đô thành, góc Lê Lợi – Tự Do, nơi thường triển lãm tranh ảnh. Hôm đó, người ta đang trưng bày ảnh nghệ thuật dự thi. Mình đến đây như những khách thưởng ngoạn vô tình. Cũng vẩn tay trong tay, chúng mình nhón nhờ ngắm từng tác phẩm mà không sợ thời gian phiền nhiễu. Mình còn nhiều thì giờ bên nhau mà! Phải không em?

Bấy giờ, dường như em đặc biệt chú ý đến những tác phẩm mà tác giả đã hào phóng dành quá nhiều cho những khoảng không gian, mà chủ đề lại bé nhỏ một cách không cân xứng. Hình như em xúc động. Em thắc mắc tại sao tác giả lại chịu chụp ảnh một hai người nhỏ tí tẹo, đang gánh gồng, bước đi tại một điểm nào đó giữa đời cát bao la? Tại sao họ ghi lại hình ảnh chiếc thuyền nhỏ bé đang nhảy sóng, như chiếc lá nhỏ trong chảo dầu sôi, được cố ý đặt tại một trọng điểm mà chung quanh chỉ là mây nước? Tại sao tác giả tấm ảnh kia lại cho chú bé lui cui bắt ốc tại một nơi xa lắc trên góc ảnh mà phần còn lại chỉ là bãi bùn bên bờ nước đen? Tại sao và tại sao?

Ngày đó, anh chưa biết gì về nhiếp ảnh, nhưng có một chút hiểu biết về bố cục hội họa và tạo hình. Tuy vậy, anh không lợi dụng những hiểu biết ít ỏi về sơn cọ dao bay đó mà “hù dọa” em. Hình như lúc đó anh chỉ triết lý: “Những khoảng trống đó được tác giả cố ý để làm nổi bật chủ đề nhỏ bé. Con người nhỏ bé nhưng vẫn tồn tại trước thiên nhiên và hoàn cảnh, có lẽ đó lại lợi thế của nhiếp ảnh so với hội họa. Em thấy không, dù con người nhỏ xíu trong không gian rộng lớn, vẫn làm cho bức ảnh có ý nghĩa và giá trị, không khác nào những khoảng trống có thể xảy ra trong cuộc tình chúng mình, nó chỉ làm tăng thêm hạnh phúc khi chúng mình lại được gần nhau, miễn là em vẫn còn yêu anh như bây giờ”. Anh nhớ, lúc đó em cầu vào tay anh và nói: “Xi! Anh xạo hoài!”

Hơn ba mươi năm trôi qua như giấc mơ.

Sáng hôm qua em soạn lại ngăn kéo đựng đủ thứ linh tinh mà từ lâu lắm rồi anh không đụng đến. Trong giữa đám giấy tờ lộn xộn đáng cho vào sọt rác đó, có một tấm ảnh cỡ 4” x 6” anh chụp hồi nào không nhớ nữa; anh chỉ nhớ lúc đó máy ảnh anh còn tấm phim cuối cùng trong cuộn phim chụp gia đình mình vào lễ Chúa Giáng sinh. Để lấy phim mang đi tráng, anh cầm máy ảnh ra sân chụp con ốc sên đang bò trên lá huệ một cách tình cờ.

Tấm ảnh không chụp ai, nên chẳng để kỷ niệm, cũng không người sở hữu, anh lấy riêng ra để dùng ngăn trang sách đọc dở. Bây giờ thì nó đang nằm trước mắt em. Cũng đôi mắt ấy, neho lại như ngày xưa, ngày mà em ngắm các tấm ảnh trong phòng triển lãm, giờ đây đã có con chim nhỏ nào vô tình bước trên đuôi mắt để lại dấu chân. Cũng mái tóc đó, ngày xưa đen dày, em có thói quen hất ngược về sau mỗi khi muốn nói hay phản đối anh điều gì, nay mảnh hơn và ẩn hiện những sợi xám như làn mây nhẹ. Em cười buồn, nhưng đầy vẻ hạnh phúc, em nói: “Anh biết không, từ ngày mẹ mất, ngay cả khi thời gian mình sống với nhau, có những khoảng thời gian em phải lặng lẽ độc hành như con ốc này. Nhưng bây giờ thì em không còn ao ước gì hơn, em biết rồi, những khoảng

không gian trống trải trong cuộc đời chỉ có thể làm tăng thêm hạnh phúc cho những người thật sự yêu nhau” như anh đã nói ngày nào.

Em nhìn anh âu yếm. Phải chăng chân hạnh phúc là đây? (Trần Xuân Hà)



Tuấn Đình

Vu lan nỗi nhớ

Xanh giọt đắng, tách trà thơm
Chút ngần bóng xế lạng buồn hoài vương
Vu lan tháng bảy phượng hồng
Xứ người thắng hội đời còn thiết tha

Thiên đường nào, nhớ trong ta
Mẹ hiền kỷ niệm quê xa mịt mù
Tha hương một kiếp viễn du
Dư hương ngày cũ bụi mù thời gian

Hết thật rồi, nợ trần hoàn
Đời thôi hiu hắt mơ màng tình xưa
Thêm nỗi nhớ, hàng giậu thưa
Có loài hoa đỏ ban trưa nhánh sâu

Lung linh giọt nắng lòng đau
Trên cành chim hót nghẹn màu tương tư
Giờ đây xa thăm ngục tù
Quê hương nghèo, tựa trăng lu bên trời

Năm dài tháng lụn ngày vơi
Nghe chừng lần lửa đơn côi hồn chìm
Ước chi mình hóa thành chim
Bay qua bể ái mà tìm người thương

Cõi lành thăm thăm mù sương
Mẹ hiền cực lạc mười phương an bình

Quê nghèo ơi! Thấu chẳng tình
Bên ni biển nhớ mà mình băng khuâng
Chiều mơ

Cõi trần tiêu sái nhất sinh
Câu thơ lục bát chút tình nước non
Xa ngàn dặm, lắm mối mòn
Tìm nghe vò võ bên dòng trầm luân

Như dòng chảy, mạch nước ngầm
Cõi tôi chữ nghĩa âm thầm thời gian
Tình quê năm tháng bể bàng
Tắm thân hạt bụi gian nan xứ người

Như sương lãng đãng góc đời
Em yêu ngà ngọc bên trời hư vô
Ngày xưa hoa bướm đại khờ
Một thời mật ngọt bây giờ mây trôi

Băng khuâng từng giọt gọi mời
Lang thang con chữ tả tôi ghép vần
Rối ren bằng trắc giận hờn
Cho ta nhưng nhớ nước non quê mình

Công viên vắng, mãng trời xanh
Có đôi chim nhỏ bay quanh mặt hồ
Thơ buồn lặng lẽ chiều mơ
Chập chờn phượng đỏ hững hờ mây bay
Như vừa chiêm bao

Đêm qua nổi nhớ còn đầy
Sáng nay se lạnh trời mây chút buồn
Chớm thu cây cỏ mờ sương
Đưa nhè nhẹ ngọn gió mon tiền hè

Bước chân đi, buổi thu về
Nghe nặng nặng mối tình quê mơ màng
Như lục bát ghép trọn vần

Thơ thôi dang dở mấy hàng về tim

Chùm ký ức, sợi tơ tình
Chuyện ngày xanh thưở vụng tình người mong
Dáng em vóc ngọc má hồng
Cây si sầu đợi mỗi mơn sớm trưa

Nghe như trời đã sang mùa
Có con bướm trắng cợt đùa hoa xinh
Cúc vàng khoe sắc hữu tình
Hình bóng cũ, chợt lung linh theo về

Gió đưa gió thổi sau hè
Thôi sắc biếc lá trở về cội xưa
Hồ trường đã cạn hay chưa
Ta hồn chợt tỉnh như vừa chiêm bao.



Nguyễn khoa

Nhớ quê nhà

Chợt nghe ai nhắc tên làng cũ
Cảm xúc trong ta nổi nhớ nhà
Cứ ngỡ cuộc đời trên xứ lạ
Làm mình quên lãng chốn quê xa

Chợt nghe tiếng gọi thân thương quá
Vọng lại trong ta mối cảm hoài
Như tiếng chân ai quen thuộc ấy
Như lời thỏ thẻ của người yêu

Chợt thấy trong tranh thành phố cũ
Lòng buồn nhớ lại nẻo đường xưa
Đường đi về sớm nắng chiều mưa

Đường hò hẹn đón đưa tình tự

Chợt thấy trong phim dòng sông cũ
Bồi hồi nhớ lại bến phà xưa
Nhớ những ngày lông lộng gió mưa
Sông nước mênh mông sâu biệt xứ

Chợt thoáng nghe hương loài hoa cũ
Ngâm ngùi nhớ đến mảnh vườn xưa
Đêm về đứng tựa bên song cửa
Chờ đón ngọt ngào hương gió đưa

Làng cũ, đường xưa, hương gió tỏa
Dòng sông, bến nước, mảnh vườn hoa
Đã xa hun hút ngàn dặm thăm
Nhớ chốn quê cha mắt lệ mờ
Trở lại đường xưa

Tôi trở lại
Con đường xưa thanh lịch
Lá me bay loang loáng gọi hồn thơ
Gót chân khua trên hè phố mong chờ
Con gió nhẹ băng khuâng người năm cũ
Tôi trở lại
Hành lang Eden quyến rũ
Chiều hẹn hò trước thư quán Xuân Thu
Tay đan tay quanh lối nhỏ bước mau
Sợ trễ xuất truyện phim tình dang dở
Tôi trở lại
Quán xưa La Pagode
Hương moka ngây ngất mộng ngày xanh
Đốt thuốc bay từng lọn khói mong manh
Ngắm đại lộ xôn xao mờ nhân ảnh

Tôi trở lại
Thánh đường xưa óng ánh
Đôi tháp chuông vun vút tận trời cao
Nghe từng hồi tiếng kiếng đổ xôn xao

Hồn sức tinh phận mình thân viễn khách.



Đàm Trung Pháp

Vài nét đặc thù về

các ngôn ngữ “giả cây”

Trong thời Pháp thuộc, một nông dân Việt được mướn để làm vườn trong tư dinh viên công sứ người Pháp tại miền thượng du Bắc kỳ. Một hôm, một con hổ lọt hàng rào vào vườn, đạp nát các luống hoa, rồi lững thững trở về rừng. Buổi chiều khi viên công sứ về nhà, thấy những vết chân khổng lồ trên các luống hoa, ông không hiểu là trâu bò nhà ai đã dám cả gan vào tận tư dinh công sứ phá phách như thế. Người làm vườn giải thích cho chủ rõ là hổ đấy chứ chẳng phải trâu bò nào đâu, “Lúy tí ti dôn, tí ti noa, lúy gằm, lúy gừ, lúy măng-dê me xừ, lúy măng-dê cả moa” (Nó tí ti vàng, tí ti đen, nó gằm, nó gừ, nó xực ông, nó xực cả tôi). Vậy mà ông tây thuộc địa hiểu ngay, rồi há hốc miệng, vung tay lên trời và chỉ nói được hai chữ “Un tigre?” (Một con hổ à?) rồi té xỉu. Người làm vườn phải dìu ông chủ vào nhà và trong bụng mừng lắm, vì ông công sứ đầy quyền uy rõ ràng đã hiểu thứ tiếng Tây “giả cây” của mình. Đó là thứ tiếng Tây sử dụng cú pháp và lỗi phát âm Việt, trong đó ngữ vựng của hai ngôn ngữ phứa phừa giao duyên.

Tác giả bài này xin tạm dùng nhóm chữ “ngôn ngữ giả cây” với giá trị tương đương cho hai từ pidgin và creole trong tiếng Anh. Các loại ngôn ngữ pha trộn và có vẻ kỳ cục này tồn tại nhiều nơi trên thế giới, và là phương tiện truyền thông của đôi chác thương mại, của đời sống đồn điền, và của các cuộc tiếp xúc khác trong đó những người sử dụng ngôn ngữ khác nhau đã cùng nhau thỏa thuận về một tiếng nói mới. Có một sự khác biệt đáng kể giữa pidgin và creole: không ai sử dụng pidgin như một tiếng mẹ đẻ; và khi một pidgin đã trở thành căn cơ, phức tạp hơn, hữu hiệu hơn mà lại có người sử dụng như tiếng mẹ đẻ thì pidgin đó đã thăng hoa thành một creole. Quả thực đã có một số ngôn ngữ giả cây, tuy đôi khi vẫn mang danh pidgin, nay đã trở thành tiếng mẹ đẻ của nhiều người, điển hình là Tok Pisin ở Papua New Guinea và Hawaiian English ở Hạ uy di.

Đại đa số các pidgins thường không thọ, kể cả tiếng Pháp và tiếng Anh giả cây thịnh hành trong thời Pháp thuộc và trong cuộc chiến Việt Nam mà người Việt mệnh danh là “Tây bồi” và “Mỹ bồi.” Nhưng cũng có những creoles đã trở thành ngôn ngữ quan trọng, như Haitian French Creole được hơn 4 triệu người sử dụng tại Cộng Hòa Haiti, một thuộc địa cũ của người Pháp; Gullah, với trên 200 ngàn người sử dụng dọc miền

duyên hải đông nam Hoa Kỳ, là một ngôn ngữ lấy tiếng Anh làm căn bản, pha trộn với nhiều sắc thái ngôn ngữ Phi châu; và Jamaican Creole English được trên 2 triệu người sử dụng tại Cộng Hòa Jamaica.

Về nguồn gốc chữ pidgin thì không ai dám cả quyết. Có người cho rằng đó là cách người Trung Hoa phát âm chữ business, lại có người cho rằng pidgin phát xuất từ chữ Do thái pidjom (có nghĩa là đôi chác), cũng lại có người cho rằng chữ pidgin và chữ pigeon (có nghĩa là chim bồ câu, thường được huấn luyện để đưa thư) chắc chắn có liên hệ mật thiết! Còn chữ creole thì do chữ crioulo trong tiếng Bồ đào nha (có nghĩa đen là một người da trắng sinh ra và lớn lên tại một thuộc địa) mà ra.

Lúc mới xuất phát, các pidgins chỉ có một công dụng rất hạn chế, như để đổi chác hàng hóa giữa người Tây phương và người bản xứ Phi châu hoặc Á châu. Trong thế kỷ 19, các đồn điền do người Tây phương làm chủ thường có một số nô lệ nói vài ngôn ngữ khác nhau làm việc. Những nô lệ nào cùng nói một thứ tiếng thường bị chủ nhân không cho liên lạc với nhau, e rằng họ có thể cùng dùng ngôn ngữ đó để mưu mô trốn thoát đồn điền hoặc làm phản. Thành ra khi các nô lệ phải nói chuyện với nhau hoặc với chủ nhân, họ phải đồng ý phát minh ra một thứ tiếng nói mới với bản chất giả cầy.

Thoạt đầu, một ngôn ngữ loại này chỉ có một cấu trúc giản dị tối đa và một số từ vựng nhỏ nhoi. Các hình dạng để diễn tả số nhiều (như “books” và “houses” trong tiếng Anh), các tiếp vĩ ngữ để phân biệt nam và nữ (như “alumno” có nghĩa là nam sinh và “alumna” có nghĩa là nữ sinh trong tiếng Ý pha nho), các bảng chia động từ đều biến mất trong ngôn ngữ giả cầy này. Về từ vựng thì chỉ có từ 50 đến 300 chữ cho nên người nói tiếng này phải vận động tối đa lối nói quanh co, bóng bẩy. Chẳng hạn, khi muốn diễn tả ý nghĩ “Tôi đói bụng” thì tiếng Tok Pisin (do “talk pidgin” mà ra, lấy Anh ngữ làm chủ lực) phát ngôn thành “Bụng thuộc về tôi đi tản bộ dài dài” tức là Belly belong me plenty walk about.

Pidgin là sản phẩm của cả hai phe nói tiếng khác nhau. Trên lý thuyết thì cả hai thứ tiếng đều đóng góp về âm thanh, từ vựng, và yếu tố ngữ pháp. Tuy nhiên, ngôn ngữ có uy tín hơn (thường được coi là “thượng tầng” như tiếng Anh, Pháp, Tây ban nha, Bồ đào nha, Hòa lan) hầu như cung cấp phần lớn từ vựng, và ngôn ngữ kia (thường bị coi là “hạ tầng” như tiếng Tàu, tiếng Tolai, tiếng Hạ uy di, và các tiếng Phi châu) có ảnh hưởng lớn hơn về ngữ pháp. Điển hình là trong Tok Pisin 80% từ vựng là Anh ngữ, và ngữ pháp chịu ảnh hưởng lớn của Tolai là một thổ ngữ quan trọng trong gia đình ngôn ngữ Papuan.

Các pidgins khi trở thành creoles cần phải có chữ viết. Lối viết tốt nhất, theo ý kiến các nghiên cứu gia về ngôn ngữ giả cầy, là theo cách phiên âm với mẫu tự la-tinh (thay vì dùng chính tả quy ước của các ngôn ngữ thượng tầng xuất phát từ Âu châu). Vì vậy mà tiếng Tok Pisin viết “too much” là “tumas” và mouth là “maus,” vì trong ngôn ngữ này âm “ch” và âm “th” đọc lên như âm “s.” Các thí dụ về Tok Pisin trong phần còn lại của

bài này đều được viết theo lối phiên âm đó.

Với Anh ngữ đóng vai trò thượng tầng, Tok Pisin là ngôn ngữ chính thức của khoảng 1 triệu người dân nước Papua New Guinea nằm trong Thái bình dương, phía bắc Úc châu. Ngôn ngữ này đã có một ngữ pháp chính thức và một từ vựng dồi dào. Hoàng tể Philip, phu quân của Nữ Hoàng Anh Cát Lợi, đã có lần thử nói Tok Pisin nhưng bị thất bại vì dùng sai ngữ pháp! Khi nghe ông diễn tả “hoàng tể” là “fella belong Mrs. Queen” thì dân chúng Papua New Guinea cười bể bụng vì ngữ pháp Tok Pisin của họ đã bị vi phạm một cách ngoạn mục. Phải nói “man belong kwin” mới đúng là Tok Pisin chính hiệu, vì trong ngôn ngữ này chữ “fella” (đọc và viết là “pela”) không có thể được dùng ở vị trí trong cụm từ của hoàng tể Philip với nghĩa “đàn ông” hoặc “chồng.” Trong khi đó, chữ “pela” (thoát thân từ chữ “fella”) chỉ dùng làm tiếp vĩ ngữ để đánh dấu tính từ hoặc số từ trong Tok Pisin, thí dụ “tupela blakpela pik” có nghĩa là “hai con heo đen” và “yupela” có nghĩa là “các anh.” Đây cũng là dấu hiệu cho thấy Tok Pisin đã trở thành một creole, tiến bộ hơn giai đoạn khởi thủy rất nhiều. Cùng trong tiến trình này, tiếp vĩ ngữ “im” được dùng để biến một tính từ thành động từ, như trong các thí dụ sau đây: “bik” (big, large) + “im” = “bikim” (to enlarge); “nogut” (no good) + “im” = “nogutim” (to spoil). Và sự thu gọn hoặc hoán chuyển vị trí các chữ trong câu cũng cho thấy Tok Pisin hiện đại mỗi ngày một thăng tiến hơn, chẳng hạn “kot bilong ren” (raincoat) = “kotren” hoặc “renkot.”

Nhưng có lẽ cách ghép những chữ căn bản vào với nhau một cách đầy ấn tượng để tạo ra những chữ mới trong Tok Pisin mới thực ngoạn mục, như các thí dụ sau đây: “mausgras” (cỏ mồm) = râu mép; “gras bilong fes” (cỏ mặt) = râu; “gras bilong hed” (cỏ đầu) = tóc; “gras antap ai” (cỏ trên mắt) = lông mày; “gras nogut (cỏ không tốt) = cỏ dạ

Trong cuốn sách mang tên Experiments in Civilization của tác giả H. I. Gogbin, xuất bản tại Luân đôn năm 1939, người đọc được thưởng thức một bài thơ rất cảm động viết bằng tiếng Tok Pisin bởi một nhà thơ khuyết danh, với lời lẽ giản dị bộc trực. Chỉ vì miếng cơm manh áo mà nhà thơ ấy phải bỏ quê nhà ra thành thị làm việc, nhưng trong lòng lúc nào cũng rộn lên một niềm thương nhớ quê xưa, người cũ:

Ples bilong mi i namerwan

Mi laikim im, tasol

Mi tink long papa, mama tu

Mi krai long haus bilong ol

Quê tôi hạng nhất trên đời

Tôi yêu nó, có vậy thôi

Tôi nghĩ đến cha và mẹ nữa

Tôi xót thương cho mái nhà chung

Mi wok long ples i longwe tru
Mi stap nogut, tasol
Brader, susa tu
Long taim wetim mi
Ol tink mi lus long si

Vì miếng ăn tôi xa nhà thực
Mà bỏ làm thì khó, thể thôi
Anh và chị thân yêu tôi nữa
Ngóng tôi về từ bấy lâu nay
Giờ chắc nghĩ tôi chìm sâu đáy biển

Nau mi kirap, mi go long ples
Mi nokin lusim mor
Ples bilong mi i namerwan

Phút này đây tôi đứng dậy, trở về
Vì không thể cách xa nơi ấy nữa
Quê hương tôi hăng nhất trần gian

Mặc dù nhiều người vẫn còn coi nhẹ các loại tiếng giả cây – người Pháp còn gọi loại ngôn ngữ này ở Phi châu là *petit nègre* (mọi đen con) vì nó ít từ vựng và dùng ngữ pháp thô sơ như con nít – các loại ngôn ngữ rất đặc thù này đã thành công trong sứ mệnh truyền thông giữa người với người, và đó là mục đích chính của bất cứ một ngôn ngữ nào. Chúng cũng chứng minh hùng hồn được khả năng sáng tạo của bộ óc con người khi nhu cầu truyền thông đòi hỏi. Đã đến lúc chúng ta phải nhìn những ngôn ngữ giả cây của nhân loại dưới một ánh mắt độ lượng hơn.



Trần Nguyên Đán
Lời ở chân mây

hôm qua đây salinger thả cái bong bóng đỏ lên trời
trời gió ôi chao gió

gió thổi chao chác bong bóng đỏ như lời ru cuối
và em phương trời nào có biết

và hôm kia tagore gửi tặng một quyển sách
giữa bầu trời đêm và xa lộ mịt mù sương trắng
rải rác, đôi khi, thỉnh thoảng, tình cờ, vô ý
màu trắng nhợt nhạt như cái nhìn của một nhân vật trong phim ảnh nào đó

rồi hôm nay frank sinatra mang đến một lời hát
với chữ nghĩa việt nam bay bổng của nam lộc
dòng đời dòng đời dòng đời
my way my way my way ..., my way

ở nước mỹ có ngày không xe chạy ngoài đường
chỉ có tiếng chim hót trong vườn
những front yard back yard được landscape đẹp để
hoa hồng không tình yêu

đợi tôi đến
mang những món quà của tôi đến, nước mỹ
hy vọng vẫn còn kịp
để cất tiếng chào buổi sáng, good morning America
ngồi im

ngồi im như thể pho tượng trên núi
áo quần trắng nhưng trái tim trần trụi
gió thổi tới
những hạt cát dày cũng muốn khóc

tôi vẫn nghe lời chim mỗi sớm mai
trong rừng thưa sau nhà
tôi vẫn thấy tiếng sóc nói loáng thoáng
giữa bụi bờ hoang vắng

và tiếng tôi khàn đặc
trong giếng sâu tĩnh lặng
như một kẻ không nhà tìm về
một chỗ không phải của mình

và chua xót biết mấy
lang thang mãi trong mùa không lối thoát
những hoa trắng vương vấn
sợi tóc ngắn sau ót

ngồi im như thể mình không biết khóc
mà thôi, trắng muốt nhiều khi
trắng không nói gì đâu
nói mà ai nghe
khi jesus đến

loanh quanh mãi trong ngõ cụt một hồi
rồi cũng turn about mà ra được
lạc đường ở washington dc một hồi
rồi cũng ra được
con chim lạc nhà
nhớ mùi hương cũ của ngôi nhà xưa tìm về
rồi cũng tìm ra được
một ngày nắng
cả thế giới nắng

đó là ngày mà chúa jesus đến
lúc đó trời mưa nhiều lắm
con bão mang tên người đàn bà
đẹp nhưng tính tình đồng đánh
phất cái váy dài bão tố đi ngang thành phố
làm nổi loạn sóng gió
nhưng cơn mưa đột ngột chấm dứt

vì jesus đã đi ngang qua đây
giữa cuộc hành trình dài muốn ngừng lại nghỉ ngơi
và thành linh thấy
người đàn ông đứng bơ vơ trong gió
khuôn mặt đầy nước mưa và nước mắt
người không nói gì hết
chỉ đến và dang rộng vòng tay

ngày đó thể giới bỗng ngưng nắng rực rỡ và ấm
không cần áo ấm
mà tâm hồn như chiếc áo mới sấy khô còn mới
thơm như những đóa hoa huệ
bay ngát trong không gian hương cỏ của vườn xưa
khi Jesus đến mọi vật đều trở nên thơm tho và mới
hơn tất cả mọi thứ

đó là ngày mừng sự hạnh ngộ của chim thiên di
không cần biết bao nhiêu năm
vì ngày tháng có nghĩa gì đâu
khi Jesus đến
những ngày mưa lê thê đã ngừng lại bên vệ đường
đưa mắt nhìn bầu trời trong sáng đầy mây và nắng



Phạm Tương Như
Vết đời

Chiều nhốt thời gian vào ngõ cụt
Biết làm sao ta vượt qua đêm.
Bên cầu sinh tử ngoài sáng tối
Về thiên thai tìm dấu chân em.
Ta thành hạt nước mưa trên đá.
Gội tóc em thơm nắng lụa đào
Ôm hoài mơ ước xanh như lá
Ngọn tóc thu đông lá đổi màu

Đêm nay trăng sáng rơi đầy lối
Ta nhạt vàng trắng để gói đầu
Khẽ đắp chăn em, trùm bóng tối
Trăng tàn ta biết ngủ nơi đâu.
Mắt em như suối nguồn tuôn chảy
Đôi mắt nhìn đời như ánh sao
Ta tìm giọt nước long lanh ấy

Mỗi bận nhớ người, thêm vết đau.

Tà áo nghìn trùng vương cát bụi
Chim bay mỗi cánh lạc đàn xa.
Ngày mai ản sĩ bao nhiêu tuổi
Gói tình trong lớp áo hoàng hoa.
Ta về đánh thức mùa thu chết
Gom hết lá vàng trả lại cây
Bao nhiêu thương tích, bao tì vết
Ném vào vô tận giữa cung mây.

Chuốc rượu

Chọn một góc đời, bên sông uống rượu
Nhờ có say trắng đáy nước trầm mình
Tìm bóng Hằng Nga, kết nghĩa lưu linh
Hồn Lý Bạch trong ta buồn hiu quạnh

Chiếc bóng đơn côi dưới dòng sông lạnh
Tình đã phôi phai sao mãi nhớ người
Chén rượu hương đời mấy lượt đầy vơi
Ai chạm bể ly cho đời dậy sóng

Ta cụng ly ta như hình cụng bóng
Cụng ly đầy nghe nhẹ tựa chân không
Rót rượu mời ta uống cạn biển lòng
Để nhớ thuở bẽ bàng say giấc mộng

Một mình ta ôm vùng trời lỏng lẻo
Chờ gió đưa mây tìm giấc mộng dài
Giữa biển đời ta còn biết đưa ai
Tình mới đó đã nhạt nhòa vọng tưởng

Say túy lúy để ta vui ngất ngưỡng
Vì đời như gió thoảng một cuộc chơi
Rượu bạc đầu tổng tiền tuổi đôi mươi.
Miền ký ức chỉ là hơi rượu đắng.

Nàng sang thăm mặc áo hường

Màu gì tôi cũng quá thương em mà !.

Áo hường càng đẹp làn da,
Chiều thu mặc áo hoa cà giùm anh.
Chỉ xin đừng mặc áo xanh,
Sợ em làm nhạt thiên thanh bầu trời.
Tránh màu biển sóng, mây trôi,
Vì anh rất sợ có hồi xa em.
Thôi thì mặc áo màu kem,
Biết đâu anh chẳng chết thềm môi ai.
Em đừng mặc áo hở vai,
Đôi bàn tay trắng đủ ngây ngất đời.
Tháng hè áo phượng hồng tươi,
Hàm răng hạt bắp, nụ cười đỏ môi.
Áo vàng! Kiêu lắm em ơi!
Anh quê mùa quá sợ lời thị phi,
Nếu em mặc áo rằn ri,
Nhỡ anh làm lính ít khi quay về.
Áo trắng em lột tóc thề,
Thì thôi hãy cứ vôn vê áo dài.
Nhớ về thêu một cành mai,
Để con bướm trắng đậu hoài vai em
Ra đồng nhớ mặc áo đen,
Tuổi em mười sáu anh quen lâu rồi.
Chẳng cần áo tiếp màu môi,
Hương thơm hơi thở bồi hồi lòng anh.
Áo em màu lá cây xanh,
Anh về thương cội nhớ cành vườn em,
Chỉ là trái ổi trái me,
Bỗng nhiên hai đứa e dè bên nhau.
Mai sau áo có phai màu,
Anh còn áo đỏ máu đào thương em.



Huỳnh Quang Thế
Đọc Lại Truyện Kiều

*(Mến tặng các em học sinh
Trung Học cấp 3 Việt Nam)*

Truyện Kiều của Nguyễn Du đã được giới văn học Việt Nam tán đồng là một tuyệt tác văn chương. Với tính cách này, truyện Kiều đã được đưa vào chương trình giáo dục, và thường được chọn làm đề thi Trung học phổ thông.

Truyện Kiều đã được rất nhiều nhà biên khảo thảo luận. Tuy nhiên, chúng ta đọc được rất ít bài viết mang tính chất thuần túy văn chương đề cập phân bố cục, các vai trò điển hình xã hội triều đại nhà Minh, những điểm hay trong việc xử dụng từ ngữ thích hợp với ngôn ngữ đại chúng, hay có tính cách so sánh với các áng văn khác nổi tiếng trên thế giới... Có những đoạn văn, nhà biên khảo này lướt đi không đề cập, nhà biên khảo thứ hai chỉ viết một mệnh đề chưa trọn một câu, các nhà biên khảo thứ ba, thứ tư viết được hai câu.

Vài năm trước đây, các thầy cô giám khảo kỳ thi Trung học đã đưa lên mạng bài thi của vài học sinh, phàn nàn tính cách yếu kém về văn chương của các em. Trong những bài này, chúng ta đọc được một câu đáng chú ý: Tiên sinh Nguyễn Du qua đời vài trăm năm, đã để lại “bí kíp truyện Kiều” vẫn còn làm khiếp đảm quần hùng. Cũng chỉ với một câu thơ lục bát tả tình, tả cảnh, thử hỏi các em thí sinh trẻ tuổi với bốn phận phải khai triển thành bài luận văn dài từ ba đến bốn trang giấy khổ lớn, có phải là điều khiếp đảm hay không. Bài luận của các em yếu kém thật. Nhưng điều đáng nói nơi đây là các thầy cô không có cái “dũng của kẻ sĩ phu” nói lên nền giáo dục đã đào tạo tình trạng yếu kém của các em, và tỏ ra không thông cảm tinh thần căng thẳng trước đề thi khó ảnh hưởng đến tương lai cả cuộc đời. Ngoài ra, các thầy cô không đưa ra bài giải đáp mẫu để các em tự so sánh, cam phận thi trượt, cố gắng học hỏi thêm, cũng như mọi người lên mạng thưởng thức văn tài của các thầy cô.

Trong tinh thần này, bài viết chỉ thảo luận câu thơ lục bát:

Vàng trắng ai xẻ làm đôi,

Nửa in gồi chiếc, nửa soi dặm trường.

Nàng Kiều được quan huyện Lâm Truy tha tội sống chung không hôn lễ với Thúc Sinh, và quan huyện chính thức tổ chức lễ cưới cho nàng Kiều với Thúc Sinh tại huyện đường. Sống chung gần một năm, nàng Kiều khuyên Thúc Sinh trở về nhà ở Vô Tích bày tỏ sự thật về tình trạng vợ thứ của nàng với vợ cả Họan Thư. Thúc Sinh lên đường trở về nhà. Đoạn thơ này mô tả :

Người lên ngựa, kẻ chia bào,

Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san.

Dặm hồng bụi cuốn chinh an,

Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.

Người về chiếc bóng năm canh,

Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.

Vàng trắng ai xẻ làm đôi,

Nửa in gỏi chiếc, nửa soi dặm trường.

Câu thơ “Vàng trắng ai xẻ làm đôi, Nửa in gỏi chiếc, nửa soi dặm trường” dường như dễ hiểu, nên chúng ta chưa thấy được bàn đến nơi, đến chốn. Nay xin phân tích ý nghĩa. Chữ “ai” là từ dùng chỉ một người nào đó (Từ điển tiếng Việt – Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội) . Nói một cách khác hơn, chữ ai chỉ một con người như chúng ta, không phải thần linh, chỉ có thể hành động một cách bình thường của con người.

Điều thắc mắc đặt ra là con người có thể xẻ làm đôi mặt trăng được hay không? Với người sinh sống nơi đồng bằng, mặt trăng lên cao trên ngọn cây, lên cao trên bầu trời và sau cùng lặn xuống dưới chân trời. Đối với những người sống nơi miền trung du hay thượng du, mặt trăng lên cao trên đỉnh núi. Đối với người miền biển, mặt trăng từ dưới nước nhô lên. Điều này cho thấy mặt trăng ở xa ngoài tầm tay của con người và luôn luôn xa cách. Như vậy con người có thể ở vị trí nào để có thể đưa dao ra xẻ mặt trăng? Việc này chắc chắn kẻ vô khả thi.

Quan sát hình dáng mặt trăng hiện ra trong những đêm mùng 6, mùng 7, mùng 8, mùng 9 âm lịch, chúng ta thấy trăng hiện ra đầy đặn rõ ràng hơn mỗi đêm. Trong đêm mùng 9 âm lịch, trăng hiện ra thật rõ, vừa đầy phân nửa bên trên, tức là phần từ giữa thân cây đa trở lên ngọn cây. Từ đường đáy ngang trở xuống hoàn toàn là màu đen của vũ trụ. Từ lúc 7 giờ đêm, trời vẫn còn sáng với mây ửng hồng ở phương tây, trăng đã hiện ra rất cao vào khoảng góc 75 độ so với chiều ngang mặt đất. Lúc 11 giờ đêm, trăng đã lên cao đến đỉnh, đường đáy ngang đã xoay nằm thẳng đứng. Ghi rõ phần này nhằm xác nhận trên trời chỉ hiện ra phân nửa bên trên của vàng trắng tròn, và không có nửa vàng trắng nào khác. Mỗi đêm trăng được đầy hơn và trở thành trăng tròn vào đêm rằm, mười sáu âm lịch. Sau đêm này, trăng bắt đầu khuyết bớt dần đến đêm 29 âm lịch, trăng chỉ còn là cái vệt nhỏ. Đêm 30 và mùng 1 tháng kế tiếp không có trăng. Chu kỳ xuất hiện của trăng xảy ra đều đặn từ nhiều ngàn năm .

Câu “Vàng trắng ai xẻ làm đôi” có tính cách xác định này biểu hiện trí nhớ không chính xác so với việc quan sát hiện tượng thực tế. Nó diễn đạt tính cách ảo tưởng về nửa vàng trắng khác xuất hiện cùng lúc với nửa vàng trắng hiện có trên bầu trời đêm. Người Trung hoa từ mấy ngàn năm trước, đã quan sát rất kỹ việc vận hành của mặt trời, mặt trăng và trái đất để dựa theo đó canh tác ngũ cốc nuôi sống. Họ nhận xét và dựa theo kinh nghiệm , đã tính ra được mỗi năm có 365 ngày, với bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, những ngày Đầu xuân, xuân phân, thu phân, hạ chí, đông chí. Âm lịch có những tháng thiếu, tháng đủ để ngày rằm đúng vào đêm trăng tròn. Sau những năm liên tục, âm lịch có một tháng nhuận để điều chỉnh lại cho đúng với thời tiết. Mỗi chu kỳ lớn là 60 năm, thời tiết trở lại tuần hoàn cũ. Người Trung hoa ngày xưa cũng tính được quỹ đạo của mặt trời, mặt trăng và trái đất biểu hiện bằng những vòng tròn lồng vào

nhau. Nhưng cho đến nay, trong lãnh vực âm lịch, chúng ta chưa thấy đề cập đến việc xuất hiện cùng lúc trong đêm hai nửa vàng trắng.

Vàng trắng, ai xẻ làm đôi,

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Trong quyển Truyện Kiều của Giáo sư Đặng Cao Ruyên, câu này được giải thích : “Sau khi đăm đăm nhìn người và ngựa từ từ nhạt nhòa rồi khuất dần sau ngàn dâu xanh hòa quyện với lớp bụi đường, nàng Kiều thần thờ, ngẩn ngơ trở về buồng cũ với chiếc bóng năm canh, lòng nghĩ ngợi mung lung, tưởng tượng như nhìn thấy bóng dáng chàng đang rong ruổi dặm trường dưới nửa vàng trắng soi rọi, theo dõi từng bước chàng đi và đồng thời, nửa vàng trắng còn lại chiếu xuyên qua song cửa in bóng trên gối chiếc trong khuê phòng nàng. Một hình ảnh tuyệt đẹp với tấm lòng chung thủy đăm thắm tuyệt vời của người vợ

trẻ có chồng đi xa lâu ngày”.

Trên đây có lẽ là sự hiểu biết không chính xác của đại chúng, do câu thơ gieo rắc vào tư tưởng nhiều thế hệ từ đầu thế kỷ thứ 19 cho đến nay. Làm thầy thuốc nếu sai lầm, chỉ làm chết một mạng người. Làm văn hóa nếu sai lầm, sẽ ảnh hưởng đến nhiều thế hệ mai sau.

Vấn đề bàn luận tiếp theo là ánh sáng của nửa vàng trắng chiếu xuyên qua cửa sổ, in bóng những chiếc song lên gối chiếc vào những đêm nào trong tháng, và khoảng giờ nào trong đêm? (không phải như Giáo sư Đặng Cao Ruyên diễn đạt “nửa vàng trắng còn lại chiếu xuyên qua song cửa”, vì không có yếu tố nào cho biết song cửa làm bằng vật liệu gì để ánh sáng có thể xuyên qua, và ánh trăng lại không xuyên qua những khoảng trống nơi cửa sổ. Ngoài ra Thúc Sinh vừa lên đường chưa trọn một ngày đêm, không phải đã đi xa lâu ngày).

Truyện Kiều xảy ra trên đất nước Trung hoa, dưới triều đại nhà Minh, vì vậy chúng ta cần biết qua chút ít về nếp sống của dân tộc này. Từ xa xưa trong điều kiện đất đai quá rộng, dân cư trú ngụ thưa thớt, người trung hoa đã xây cất nhà với mặt trước hướng về phương nam, và tường sau của ngôi nhà ngăn chặn luồng gió lạnh từ phương bắc thổi xuống. Phương hướng thực dụng này giúp cho việc khi mở cửa nhà ra vào không bị gió luồng vào lạnh cả ngôi nhà, đã trở thành tục lệ. Gian phía đông dành cho phái nam, thể hiện trong thành ngữ Rể đông sàng. Gian phía tây dành cho phái nữ, gian chính giữa dành thờ phụng Tổ Tiên, cũng là nơi tiếp đón thân bằng quyến thuộc.

Trong mỗi tháng, có những đêm mùng 9, mùng 10 là những đêm trăng tròn đầy đặn đến phân nửa vàng trắng tròn đêm rằm, đêm 16. Mỗi đêm trăng lên chậm một giờ, từ hướng đông, cùng với hướng của mặt trời lên buổi sáng, có nghĩa ánh trăng chiếu đêm mùng 9 ít bị ảnh hưởng hơn ánh sáng buổi chiều một giờ so với ánh trăng đêm mùng 8. Mỗi đêm trăng lên càng muộn càng tỏ rõ ngay khi lên khỏi ngọn cây, vì trời đã vào đêm lâu hơn. Đêm mùng 9, lúc 10 giờ đêm, đường đáy ngang của nửa vàng trắng còn nghiêng

về phương đông, chỉ có thể chiếu rọi vào phòng phương đông ngôi nhà, nơi phái nam trú ngụ. Lúc 0 giờ 30 sáng, trăng đã xuống phía tây còn khoảng góc 45 độ, vòng tròn phía trên của nửa vầng trăng đã xoay nằm bên dưới, và vừa hơn 1 giờ sáng, trăng đã lặn xuống.

Ngày xưa người ta phân chia thời gian buổi đêm làm năm canh: canh một từ 7 giờ đến 9 giờ, canh hai từ 9 giờ đến 11 giờ, canh ba từ 11 giờ khuya đến 1 giờ sáng (nửa đêm giờ Tý – canh ba), canh tư từ 1 giờ đến 3 giờ, canh năm từ 3 giờ đến 5 giờ sáng. Câu ca dao diễn tả việc người phụ nữ xử dụng thời gian lo toan việc nhà và nuôi chồng học hành: Canh một dọn cửa, dọn nhà, canh hai dệt cửi, canh ba đi nằm, canh tư bước sang canh năm, trình anh dậy học, còn nằm làm chi. Qua câu này, chúng ta thấy người phụ nữ vào giường nằm vào lúc canh ba, tức lúc 11 giờ đêm. Vào đêm mùng 9 âm lịch, trên trời có nửa vầng trăng sáng, nếu nàng Kiều bắt đầu vào giường nằm như câu ca dao, và trần trọc thao thức thời gian chưa đủ đêm dài, trăng chưa kịp soi phía tây vì đã xuống thấp và lặn. Như vậy mệnh đề “nửa soi gối chiếc” không xảy ra vào đêm mùng 9 hay mùng 10 thượng tuần.

Để chỉ thời gian trăng lên muộn sau ngày rằm, người miền nam ở nông thôn có câu “mười tám nãm đông trầu” nhằm diễn tả thời gian đốt vừa nãm đông trầu sau nhà để xua muỗi quá nhiều, trăng mới mọc lên. “mười chín nín một canh”

nhằm giải thích phải qua hết canh một, đến đầu canh hai, nghĩa là 9 giờ đêm trăng mới mọc lên. Sau ngày rằm, mười sáu trăng tròn, đêm 17 trăng đã bắt đầu khuyết dần nơi phía trước ngọn cây đa. Đến đêm 22, 23 âm lịch, trăng khuyết xuống nhiều chỉ còn lại nửa vầng trăng. Trăng mọc muộn và thời gian từ trên đỉnh cao đi về phương tây để lặn xuống đã quá nửa đêm canh ba và thuộc về canh tư kéo dài cho đến phần đầu của canh năm lúc bảy giờ ánh trăng soi rọi thẳng vào gian phía tây ngôi nhà, nơi dành cho phái nữ. Gần suốt trọn đêm dài thao thức ngổn ngang tâm trí, khi nhận ra ánh sáng nửa vầng trăng lọt vào khung cửa sổ, in bóng những chiếc song lên gối chiếc, nàng Kiều mới có thể nghĩ ra câu “nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường”. Như vậy thời gian câu thơ Kiều diễn tả, thích hợp vào đêm 22 hay 23 với nửa vầng khuyết, khoảng canh tư cho đến phần đầu canh năm.

Trong sự tuần hoàn của thời tiết đổi thay, từ khi chớm thu, khí trời chuyển sang mát mẻ, dễ chịu. Khi trời vào thu, thời tiết đã từ từ chuyển sang lạnh lẽo. Một phần những lá cây phong thay màu thành vàng xanh, dần dần tất cả lá cây phong đều vàng dẫn đến màu vàng rực rỡ thật đẹp để thơ mộng vào giữa mùa thu. Đến giai đoạn cuối mùa thu, lá cây phong chuyển sang màu đỏ tươi và dần chuyển sang màu đỏ thắm để khô héo lìa cành vào đầu mùa đông lạnh giá.

Câu thơ “Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san” diễn đạt những chiếc lá vàng tươi, đỏ thắm rực rỡ của rừng phong mùa thu đã thay màu thành những lá phong đỏ thắm, biểu hiệu tiến trình của việc tàn phai, gợi lên niềm cảm xúc man mác nỗi buồn chia ly

nơi miền quan san xa xôi. (Chính cái ải nhận quan san Họa Thư cao chón chở, cuồng phong nô vũ, nơi xa xôi ngoài chân mây, đã là niềm lo sợ cho nàng Kiều, vì lý do này, nàng Kiều mới khuyên Thúc Sinh về Vô Tích thu xếp).

Với yếu tố màu lá phong đổi thay lúc tàn thu, chúng ta có thể xác định được câu thơ “Vàng trắng ai xẻ làm đôi, nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường” xảy ra thích hợp vào đêm 22 hay 23 với nửa vàng trắng khuyết, khoảng canh tư cho đến phần đầu canh năm của tháng 9 âm lịch, thời điểm cuối mùa thu.

Chúng ta bàn tiếp về “nửa soi dặm trường”. Mấy chữ này thường làm cho người thưởng ngoạn câu thơ liên tưởng đến cảnh chàng Thúc Sinh cỡi ngựa dong ruổi dưới ánh trăng. Nhiều vị học giả cũng đã nghĩ như vậy. Ngày nay, chúng ta xem phim ảnh về cuộc sống của người Trung hoa ngày xưa, chúng ta hiểu được rõ ràng hơn. Người Trung hoa ngày xưa di chuyển từ nơi này đến nơi khác bằng cách đi bộ, cỡi ngựa, hay ngồi xe do lừa kéo, đều đi thành từng nhóm để có thể giúp đỡ lẫn nhau, cũng để tránh cướp bóc dọc đường. Đối với các tiêu cực vận chuyển hàng hóa hay hộ tống đoàn người ngựa đều có nhiều người vũ trang để bảo vệ an ninh, chống lại cướp bóc từ những sơn trại. Còn phần đường xá, chỉ là những con đường mòn xuyên ngang qua khu rừng, những cánh đồng hoang, đường sơn đạo ven theo sườn núi. Những thôn ấp là những tiêu mốc về địa điểm trên lộ trình. Dọc theo những đường mòn thông dụng, người địa phương có dựng những mái tranh làm nơi ngừng nghỉ giữa trưa hay chiều tối, để bán nước trà nóng, rượu, thức ăn và nước, cỏ cho lừa ngựa. Thông thường sau một đoạn đường dài ai cũng phải dừng lại nghỉ ngơi, ăn uống, và phải ngủ lại ban đêm, ngày mai mới đủ sức lực đi tiếp, và tránh một mình đi ban đêm dễ bị lạc đường và bị cướp bóc.

Thúc Sinh một mình, một ngựa từ Lâm Truy về Vô Tích trên con đường dài (dặm trường) phải đi nhiều ngày. Với lối di chuyển của người Trung hoa ngày xưa mất rất nhiều thời gian, Thúc Sinh phải chịu đựng nhiều mệt mỏi. Chuyển về Vô Tích cũng không phải là chuyện gấp rút cần di chuyển nhanh, và tránh di chuyển đơn lẻ trong đêm, Thúc Sinh cần phải nghỉ lại ban đêm. Chúng ta có thể cho rằng Thúc Sinh ngày đi, đêm dừng nghỉ nơi quán xá dọc đường, và không xảy ra cảnh “dưới ánh trăng soi, Thúc Sinh cỡi ngựa dong ruổi dặm trường”.

Còn nàng Kiều, sau nhiều năm lưu lạc cũng vào khoảng 30 tuổi, đủ hiểu biết mọi người di chuyển đường bộ, dù bằng phương tiện nào, cũng cần phải nghỉ ngơi vào ban đêm để còn đủ sức lực tiếp tục đi những ngày sau cho đến nơi. Như vậy, nàng Kiều chỉ đơn giản nhớ đến Thúc Sinh với nửa vàng trắng soi con đường dài thăm thẳm, lộ trình Thúc Sinh phải đi để về đến Vô Tích. Điều này có vẻ hợp lý hơn.

Câu thơ: “Vàng trắng ai xẻ làm đôi, nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường” mới đọc qua, ai cũng tưởng đã hiểu rõ ràng. Nhưng với phân tích này, những hiểu biết của thời tuổi trẻ vẫn chưa đủ.

Nhà biên khảo Vân Hạc Vân Hòe giải thích theo nghĩa bóng: “vàng trắng tròn dùng để

biểu tượng sự đoàn viên xum họp, nay vợ chồng chia lìa nhau, thì vàng như bị chia làm hai”.

Giáo sư Thanh Lãng cho là “mối tình chớm nở của Thúc Sinh và Kiều cũng đã tan rã với cảnh trăng vỡ làm đôi”. Diễn tiến câu chuyện đến đây cho thấy Thúc Sinh và Thúy Kiều đã được quan huyện Lâm Truy tổ chức lễ cưới tại huyện đường, hai vợ chồng đã sống chung gần một năm. Điểm này cho thấy Giáo sư Thanh Lãng không nắm vững vấn đề với chi tiết, và không cân nhắc tư tưởng diễn đạt, đã nhận định sai lầm về thời gian lùi trở lại thời điểm “mối tình chớm nở” giữa Thúc Sinh và nàng Kiều.

Nhà biên khảo Vân Hạc Văn Hòe và Giáo sư Thanh Lãng đọc từ đầu truyện Kiều chỉ vừa đến câu này, mà đã nói được sự tan rã mối tình của Thúc Sinh và Kiều lúc sự kiện chưa xảy ra, là việc nhận định thiếu yếu tố xác định hỗ trợ. Vì lý lẽ này, những nhận định không có giá trị.

Giáo sư Hà Như Chi nhận định: “Hai câu cuối lại càng tài tình hơn nữa, Chỉ một vầng trăng mà soi cảnh lữ thứ, vừa soi chốn cô phòng, chẳng khác nàng Kiều và Thúc Sinh hai người ở hai nơi mà cùng một lòng sầu nhớ”. Chúng ta không tìm thấy câu thơ nào diễn tả lúc đi đường Thúc Sinh sầu nhớ nàng Kiều, vì chỉ mới xa cách nhau chưa tròn một ngày đêm. Chúng ta chỉ thấy ý nghĩ riêng của Giáo sư Hà Như Chi gán ghép thêm cho Thúc Sinh sầu nhớ nàng Kiều. Có lẽ việc này giống như nêm mắm muối muối cho thêm phần mặn mòi câu chuyện, và chắc chắn không phải tư tưởng của tác giả Nguyễn Du.

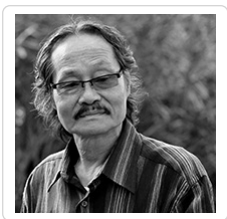
Điều đáng buồn là các học sinh ngày xưa của các vị giáo sư danh tiếng, hay độc giả của các nhà biên khảo, ngày nay có thể là các thầy cô đang giảng dạy những học sinh của những thế hệ hiện tại. Những hiểu biết sai lầm nhỏ ngày xưa với những đổi thay của thể chế xã hội, giờ đây trở thành những hiểu biết sai lạc lớn lao quá nhiều .

Cùng các em học sinh, với mọi trường hợp, cũng xin chúc các em trong tương lai có được một nền giáo dục tiến bộ tốt đẹp, những kiến thức văn hóa thế giới hiện đại, những tư tưởng khai phá để góp phần xây dựng đất nước Việt Nam thịnh vượng, hùng cường.

Huỳnh Quang Thế

Tham khảo:

*Truyện Kiều: tác giả, nhân vật và luân lý – Đặng Cao Ruyên [Hoakỳ 2005] *Truyện Kiều chú giải- Vân Hạc Văn Hòe [1961] *Bảng Lược Đồ Văn Học Việt Nam- Thanh Lãng [1969*Nguyễn Du toàn tập- Nguyễn Thanh Giang [1996]*Việt Nam Thi Văn Giảng Luận- Hà Như Chi [1970]*Văn Hiến- Nhiều tác giả [Hoakỳ 1979]



Túy Hà

Người đi

tiệc rượu chưa tàn

(Thương quá Phương Triều)

Phương Huynh từ giả văn đàn,
Cuối Thu Cúc nở, Sen tàn đầu Đông
Đã qua rồi những bão giông,
Vẫn còn lưu dấu những dòng mực rơi.

Một đời chữ nghĩa không vơi
Ý trung tình ngoại, rong chơi trăm đường.
Cười ngày buông súng vãn tuồng
Khóc đêm quá hải tha phương lạc bầy.

Ngộ ra giữa xóm mộ đầy
Những oan hồn sống như cây dật dờ.
Ngộ ra ở giữa đôi bờ
Lăn ranh sinh tử sợi tơ vô tình.
Ngộ ra, múa bút vẽ hình
Quê hương xa lắc, bất bình hí ngôn.
Hai tay nhúng mực chiêu hồn
Những oan khiên giữa chiều hôm mộ đời.
Âm thanh vỡ,
Tiếng ma cười
Chân tê gối bại
Không lời thở than.
Như từng bách, giữa đông hàn

Vẫn nghiêng bầu rượu tiệc tàn cạn hơi.
Dấu là giọt sữa đất người
Cầm hơi để nhớ một thời nắng mưa.

Nghĩa là tính nhân lũy thừa

Coi thường số mệnh, coi đời phù sinh
Tâm người
Ý bút phân minh
Chép thơ, gọi bạn, nói tình nước non.
Trăm hoa nở, bút chưa mòn
Phong trần phiêu bạt vẫn hồn nhiên thôi.
Phương huynh ơi!
Lỡ một thời
Thân tàn chiến bại vẫn tươi máu hồng
Vẫn là Việt Nam trời đông
Hồn huynh chắc sẽ vượt sông trở về.
Còn đây bến giác bờ mê
Câu thơ Nam bộ, chân quê riêng mình.
Khói nhang vương vấn bóng hình
Lạy này tống tiễn hương linh mãi phần
Cõi người
Huỳnh đã thành nhân
Cõi vô cùng ấy, thành thân tự thân.
Chén này gom hết phong vân
Đệ huynh cạn hết, trăm phần tiếc thương.



Nguyễn Thế Giác

Mua lấy chữ nghĩa Thánh Hiền

Tôi cố gắng hết sức, mò mẫm đi qua vùng ruộng rộc (ruộng dưới miền đất thấp) cả chiều dài miền hạ bạn, vừa sông ngòi chằng chịt, vừa bờ đê ngăn nước mặn và biết bao con đập có bờ kè cao chát ngất rộng mênh mông, của một miệt quê heo lánh, phần thì không ngớt ve vuốt, nâng niu chịu đựng con ngựa sắt, vì vốn dĩ người chủ trẻ măng của nó, cũng đã từng ngao du sơn thủy, thường xuyên trên lưng loài kỳ mã này, cho nên dù muốn dù không, cũng cảm thông đến con Xích Thổ kiệt xuất của giống dân Âu Tây biến chế đầu tiên, cho các Quốc Gia trên thế giới làm phương tiện giao thông, sau kỹ nghệ xe hơi, tàu biển, ca nô.

Người xưa thường ví von:

- Đường dài biết sức ngựa! (trường đồ tri mã lực).

Bởi thế, tôi thăm thương và quý mến con ngựa ấy vô cùng, lúc thì kè nó theo sát bên cạnh, chốc chốc lại còn vui vẻ cõng trên đôi vai, thủ thủ lời trần tình chí cốt, cùng một khối kim loại kông kên, gồng mình cố quên đi nặng nhọc, miệt mài lội qua mấy con sông cạn và những cánh đồng cỏ Nắng hoang dã từ lâu đời, mọc phủ bờ dày đặc, thành một vùng không thể canh tác được, chạy dài hun hút tận cuối chân đồi, có đoạn nước lúp xúp, cỏ Bông trôi lơ lửng, như hăm hở chào đón bước chân người, cho dù thời ấy vẫn còn trai trẻ với thân hình vạm vỡ, nhưng đôi chân thiếu điều cũng muốn đại hăn ra.

Ông Cha mình lúc nào cũng tỏ ra thâm thúy trong những lúc so sánh:

...Tuổi mười bảy bẻ gãy sừng trâu!

Sức Hạng Mã đâu không thấy, nhưng đồ hào quang đom đóm, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, thế mà lặn lội gần nửa ngày, nhìn lại mới chỉ tới được Triêm An Lạc Điền, vùng ven biên của chợ Vạn Gò Bồi, còn hai phần ba đoạn đường nữa, mới đến Thị Trấn Qui Nhơn, nơi mà Thầy Mẹ tôi đã đóng tiền nội trú, muốn cho cậu con trai được lột xác trưởng thành, học hỏi những điều mới lạ, trau dồi kiến thức của người thành phố, nếu may mắn hơn, sẽ có nhiều cơ hội tiếp nhận được những gì mới mẻ từ các Quốc Gia lân bang, du nhập vào đất nước kém mở mang, nhất là khoa học kỹ thuật, đang là chìa khóa lần dò mở tung những cánh cửa bí mật trên hoàn cầu, cho nhân loại chút hào quang tối thiểu của vũ trụ.

Thời ấy, muốn về Tinh gặt hái thêm chữ nghĩa, cầu cạnh tương lai sáng lạng, Cha Mẹ phải có tư tưởng rộng mở và thái độ dứt khoát, cho con cái ra khỏi cái quỹ đạo quê mùa, mới mong những người trẻ nhận được chút ánh sáng văn minh, từ thế giới phổ cập vào những quê hương lạc hậu.

Ca Dao Việt Nam có câu thật nông nân, đã lưu truyền trong dân gian, không biết từ thời nào, nhưng mãi đến nay, vẫn còn truyền khẩu và tưởng chừng là kim chi Nam, cho các nhà hàng hải muốn vượt đại dương:

Không đi khắp bốn phương trời.

Ở nhà với Mẹ biết đời nào khôn.

Chấp nhận để con cái khăn gói lều chõng ra đi, là cả công trình dự định kiến trúc qui mô, một lâu đài hạnh phúc cho thế hệ tương lai, vừa chắt chiu đối với Thầy Mẹ, vừa mong sao người trẻ quyết chí khắc phục, cả hai như mẫu địa bàn, sẵn sàng hướng dẫn một hướng đi đúng, cho người sử dụng. Đạo cha mẹ lại có trách nhiệm nhiều hơn, nhất là quan tâm đến người trẻ còn nặng nợ bút nghiên, đèn sách, ăm ắp kỳ vọng vào một ngày mai, cho mạch đời con cái mình vươn lên, để cuộc sống có nhiều ý nghĩa, những thăm mơ một tân khoa về làng tràn trề hy vọng, lúc nào cũng được vực dậy từ tâm tư cầu tiến thầm kín.

Cũng vì gia phả từ xưa có một học vị khả dĩ với đời, cho nên các đảng sinh thành nào lại không hãnh diện, cố gắng đáng công việc nhà, dành dụm chút ít tiền bạc, bằng mọi cách khả thi, nhồi nhét ý tưởng tìm Thầy, mua lấy chữ nghĩa thánh hiền, ưu tiên về nhu

cầu sở học, đối với con cái mình.

Tuy rằng, thừa hiểu gia cảnh không mấy khả quan đi nữa, thậm chí có gia đình ước mơ những người trẻ thành đạt trên con đường công danh và sự nghiệp, đã không quản ngại gì đến mồ hôi nước mắt. dù phải đi ở đợ, nhả nhục khếp mình của một con sen hoặc đưa thân làm tên đầy tớ hèn mọn, cùng lắm chịu cảnh tá điền, cung phụng cho một chủ nhân ông, miễn sao nhận được tí tiền còm, móm sù cho con ăn học, trong thâm tâm chỉ mong ngày trông đêm đợi, con cái khỏi phải lo lắng, yên chí dùi mài kinh sử, nuôi dưỡng ý tưởng mở mang trí tuệ, để sau này trở thành hiền nhân quân tử là đủ rồi.

Thời ấy, chính ngoài xã hội không ngớt ra rả đánh giá: Sĩ, Nông, Công, Thương, mà kẻ sĩ còn ở trong ngôi vị và hấp lực tuyệt đối, làm mực thước cho sự thăng tiến, cho nên con người chẳng ngừng nuôi lấy hoài bão khiêm nhường trì chí mua lấy chữ nghĩa lập thân, để được:

... Rồi sẽ có một ngày bằng vàng bìa đá!

Thú thật, đi học ở tỉnh thành xa xôi, tôi chẳng hề vui thú gì lắm, vì lúc nào cũng ám ảnh nỗi khó khăn, cật lực của thân bằng quyến thuộc, chắc chắn không thoát khỏi cảnh chân lấm tay bùn, quanh năm suốt tháng chống chọi với thiên nhiên, nơm nớp cùng đói nghèo bệnh tật, như một hệ lụy canh cánh bên người:

Trên đồng cạn dưới đồng sâu.

Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.

Đi học xa vừa không muốn chỉ vì quyền lợi riêng tư của chính mình, mà làm nặng gánh cho cả gia đình, nhất là Cha Mẹ ngày một tuổi hạc chất chồng, càng thêm vất vả, tới ngày vật lộn vì sinh kế, những mong thế hệ tương lai có một chỗ đứng khiêm nhường trong xã hội đương thời.

Đã vậy, nhiều lúc tôi ngồi trầm tư, buồn nhớ quê nhà, tưởng chừng sẽ không khỏi mang phải tâm bệnh!

Chẳng những thế, riêng mình còn cảm thấy một mất mát lớn của tuổi trẻ. Nhìn lại từ thuở nằm nôi, đến lúc trưởng thành, lúc nào cũng mãi mê hương đồng cỏ nội, thế mà nay lại phải đành đoạn rời xa hàng tre, bụi trúc, chia tay cả lũ bạn bè quần đùi áo cánh, cùng trang lứa rong chơi, đã một thời u quạ, nháy dầy, đánh giấc giả, xung hùng xung bá, kể cả thống lĩnh binh bị của đội quân tí hon hỉ mũi chưa sạch, từ làng trên đến xóm dưới.

Chưa hết, vào cứ mỗi trưa hè, rủ đi bắt tổ chim Đồng Độc, rình rập chim Sẻ sù môi cho con ở mái đình làng, còn hẹn nhau ra sông câu trê, đặt lờ, cắm trúm... Rồi, dọc ngang bơi lội, thỏa chí vẫy vùng từ đầu nguồn tới hạ bạn, ngâm người dưới giòng nước, cả ngày dài tắm nắng, da dẻ sạm đen như con rái cá, bên cạnh những Mỹ Nhân Ngư trong làng, trở mắt trừng nhau, kéo dài hơi thở bằng những bong bóng tình yêu, ngôn ngữ chỉ có dấu giọng và cứ vậy tha hồ hớp sóng, đuổi gió chẳng muốn lên bờ.

Phải thành thực mà nói, đi học vào thời điểm đó, sẽ không tránh khỏi thiếu thốn đủ thứ,

biết làm gì hơn, để khỏi phụ lòng đáng sinh thành, tôi cố khắc phục mọi chuyện, như người lớn tuổi, lo lắng cho chính mình vậy. Nhất là bao giờ cũng thủ phận của một học trò nghèo, lặn vệt thương lòng, xem ra lúc nào cũng rỉ máu, đâm chiêu về khung trời có nhiều ước mơ của tuổi trẻ, tưởng chừng nổi ngậm ngùi ngự trị trên vùng xót xa, cho nên cứ khóc thầm hoài: Bởi vì nhớ nhà vô cùng!

Nhiều lúc con ma gây nên nỗi nhớ trăm kha ấy, đồng loã với thất tình, đã gặm nhấm lần hồi sinh lực, của một chàng thư sinh hiếu học, làm mất lần... mất hồi cả ý chí phấn đấu, từ bình sinh tuổi trẻ, nhìn đi nhìn lại không thể tìm lời vỹ về nào hữu hiệu, những mong xoa dịu linh hồn thương tổn, một sớm một chiều cho được.

Nội mơ màng đến hình ảnh Thầy Mẹ tôi, cứ mỗi hoàng hôn đến sớm hơn thường lệ, lụ khụ dắt nhau ra đầu ngõ, ngồi dựa bên hàng rào chè, cho tay ngắt những đợt trà non, đưa vào miệng nhai ngấu nghiến, rồi ngửa mặt hóng ngọn gió Nồm từ biển Nam Hải diu dặt phả vào, qua cánh đồng lúa mùa, mã con gái mơn mớn, cố thả mắt nhìn về chân trời xa xăm, chắc chắn đáng sinh thành không khỏi tượng hình thằng con trai đồng dạng, trong thị giác chẳng chịt tẻ bào thương cảm, giữa lòng con người thật thà chất phát, đầy nhiệm thể cô đơn, trôi lung linh trong cù lao di động và dàn dựa nước mắt ngậm ngùi, ngập lụt cả vông mô điêng điếng.

Cứ mơ màng đến người thân yêu trong gia đình, là hai giòng nước có vị mặn cổ hữu rịn ra từ khoé mắt bầm đen, rồi chảy miệt mài lên vùng bình nguyên phúng phính, chưa hơn một lần nếm phải mùi vị phong trần, của giông bão cuộc đời, nên chẳng làm thành vết tích tình yêu của mùa niên thiếu bao giờ.

Bỗng dưng, tôi lại nhớ đến ngôi từ đường cổ kính của Nguyễn tộc, mà Thầy tôi là cháu Đích Tôn được thừa hưởng cả Hương Hỏa Từ Đường và lo lắng thừa tự, nhang khói cúng kính ông bà. Tuy mỗi năm chỉ có một lần, nhưng dịp ấy, đại gia đình đoàn tụ, làm sao tôi quên được những gương mặt thân thương của họ hàng, bà con cháu chắt Nội Ngoại, trong ngày lễ Tế Hiệp đó.

Con đường tương lai tuy xa diệu vợi, nhưng mầu nhiệm thay, như có ai trả tôi về với hiện tại, trên lối đi, tuy bì bõm dò la sông rạch, tôi không ngớt liên tưởng đến những gì thân quen của quê hương nhỏ, trong túi hành trang bé của đời mình, mỗi lần như thế, lại càng chán ngấy người lên, khi nhìn qua một lộ trình gian nan, dài ngút ngàn, đang mặc cả và thử thách thằng con trai, tuổi ăn chưa no lo chưa tới, nhưng giàu ý chí cũng như ham học chẳng kém ai.

Kìa là giòng sông không lớn lắm, uốn mình theo bờ tre doi đất, nằm vắt vẻo trước mặt, nhưng lưu lượng thừa sức tràn bờ ruộng nhỏ, đủ lượng nước nuôi sống đồng lúa tuổi đồng đồng đang ngậm sữa.

Sông Sa lờ đờ, như con bệnh đến hồi mệt mỏi, giòng nước chẻ đôi làng tôi và thôn Triêm Ân, ra thành hai vùng mầu mỡ như nhau, nước nguồn đổ đầy hằng năm vào chiếc điều gà, trước khi thoát ra đầm Thị Nại, phụ lưu của sông Cái, đã có công ương

ngọt phù sa cho cánh đồng bạt ngàn, con nước cứ thế trôi lững lờ, một cách bình thản, tưởng chừng vô tư lự, nhưng vẫn nhớ đến trách nhiệm làm tươi mát cánh đồng Hữu Pháp Vân Tập, cho nhà nông có vụ mùa vụ chiêm khả dĩ.

Ai đi qua Sông Sa một lần, cũng cảm nhận thích thú không ít, nội màu cát trắng ngà, lung linh tận đáy, gợn sóng nhỏ lăn tăn, ve vuốt làn da, thớ thịt, có khác gì bàn tay màu nhiệm của người tình, vỗ về trên thân thể chú học trò mới lớn.

Mơ màng nhìn giòng nước lững lờ trôi, thấy chưa đủ sức gom những cánh bèo lang thang đi về một mối, cơn gió nhẹ chỉ vừa gây chao động mặt sông, làm bờ cỏ lung, cỏ lất thập thò, như cố ý che khuất bóng bầy cá Luối, cá Bống Mú, cá Chốt động tình, từng đàn đua nhau lội ngược giòng, tung tăng tìm nơi kín đáo đẻ trứng, sinh con, trước một mùa Đông mưa dầm gió cuốn, cả ngày dài trời mây âm u băng giá sắp đến.

Nhìn đi nhìn lại, chẳng còn con đường nào để chọn, đành lặng lẽ cởi cả quần dài quần vào cổ, hy sinh chịu nhận nước chiếc xà lỏn cũn cỡn, để khỏi bị mang tiếng là cung xúc tu sĩ, hăm hở nghiêng người cõng con ngựa sắt lên vai, dọ dẫm chỗ nào lòng sông cạn nhất, cho khỏi ướt chiếc áo mới, màu kaki cứt ngựa, Mẹ vừa may cho, nhân mùa Tụ Trường. Thế là chân cao, chân thấp bước đi một mạch, mong sao qua khỏi trở ngại cuối cùng, mới tới được con đường Cái Quan, còn xử dụng đến chú ngựa sắt, cho mình đỡ đi phần nào hao tổn sinh lực.

Qua được bên kia bờ, tôi ngồi thở phào lấy sức, chờ hít thở chút không khí trong lành, từ đầm Thị Nại thổi vào, rồi hớn hờ lên pedal, chiếc xe đạp cuộc đò đông, màu xanh lá cây, sẵn sàng cho ông chủ trẻ của nó thao túng, tôi đạp muốn ngút hơi, cố tình chạy như bay biến, cho kịp đến Qui Nhơn trong ngày, như Thầy Mẹ vẫn thường căn dặn trước khi khăn gói quả mướp, chấp nhận giam hãm hình hài trong bốn bức tường chữ nghĩa.

Đến Gò Bồi, phiên chợ Dạng cũng vừa tan, những cô gái gương mặt còn trẻ măng, tóc chấm bờ vai mượt mà, nước da bánh mật, đẹp như thiên thần, hóa thân dân già, tay trong tay dung dăng dung dẻ, túa ra từ các ngả vào chợ, sững lững nhìn tôi, che miệng mỉm cười thật duyên dáng, rồi hè nhau tùm năm, tùm ba, có thể đang trầm trở về sự xuất hiện của thằng con trai nửa quê nửa Tỉnh, vốn dĩ các cô em chẳng biết tôi từ đâu đến, mà lại đi xe đạp, trông có vẻ nếu không con nhà, thì ít ra cũng là kẻ ở phố thị về thăm quê, vào dịp cuối tuần, trước khi trở lại trường dùi mài kinh sử.

Lần đầu tiên trong đời, của cậu bé nhà quê, tôi đã nghe từng cơn rạo rực dấy lên, trong tâm hồn phẳng phiu, giữa thềm ký ức đầy vẻ lạc quan, qua tâm tư đã chớm màu hạnh phúc, rồi cứ thế, chuyện gái trai điểm diện từng mối thương cảm, đan thành nỗi nhớ menh mông, giăng mắc trong trái tim bỏ ngõ, của chú bé dậy thì trước tuổi.

Tôi nhìn say sưa những viên ngọc quý, lăn lóc giữa miền quê heo lánh, đến nỗi không chớp mắt, vẫn biết tuy chưa được nghệ công tác tạo bao giờ, nhưng sừng sững một tòa thiên nhiên, trong chiếc máy chụp hình bén nhảy của chú bé nhà quê, chỉ nhìn cánh áo Bà Ba hờ nách, lồ lộ chữ V trắng nuốt, đủ làm điếng hồn thằng con trai mới lớn, đang

chập chững vào đời, tôi còn đứng ngây dại trước Vệ Nữ Thần, như ngọn cỏ hai bên đường, chờ chút gió Nồm đưa duyên động tình, hình như mọi giác quan của chú học trò, đều phó mặc cho những mù phù thủy trẻ, ranh mãnh, tha hồ di sơn hoán vũ, ra lệnh cho con đồng trước điện riu ríu làm theo, tôi cúi gằm mặt xuống, bẽn lễn bên cạnh con ngựa sắt, như thủ thi cùng người bạn đồng hành, vẫn biết lúc nào nó cũng vâng lời lời người chủ trẻ, tôi đưa tay vỗ về trên lưng con tuấn mã, không khỏi ước ao sao, được nâng niu và vuốt ve chữ V kia, để vo tròn ước vọng vào vùng khả ái, tôi bắt gặp trong tâm tư thâm kín, đã từng con dậy sóng ái tình, làm kẻ trông cây si chân đi không được, mới thấy câu thơ của thi sĩ thời tiền chiến, có sức công phá và chế ngự tâm hồn mãnh liệt, ngay từ buổi ban sơ:

Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy.

Ngàn năm hồ dễ mấy ai quên.

Thời thập niên 40- 50, mà có chiếc xe đạp, nếu không muốn nói là trường giả, thì cũng được sinh ra trong gia đình trên trung lưu, nên các em ước muốn làm người bạn đời của thuở thiếu thời da diết, nếu may mắn hơn, đi đến nâng khăn sửa đắp, cũng không đến nỗi gì, dù biết phận gái mười hai bến nước chẳng nữa.

Tuy không che giấu được vẻ bẽn lễn cố hữu, âu cũng là cái có làm duyên thật đó, nhưng nồng độ yêu đương không thể qua mặt được hệ thống hàn thử biểu bén nhạy, cộng thêm một chấn động đồ ghi nhịp đập trái tim, trước thời tiết và lòng người bất thường, nên các cô vẫn che nón hoặc tìm mọi cách nhìn trộm, ngó hầu chinh phục co được thẳng con trai miệt vườn, có lẽ với chú tâm của các cô, xem gã con trai ấy có hợp nhãn mình không, có còn tỏ ra trọng vọng và yêu thích mình về lâu, về dài nữa không?

Tôi lại bắt gặp thêm lối ngụy trang, xem ra có bài bản, không kém gì của các cô em ở tỉnh thành, bằng cách dùng năm ngón tay thay lược chải tóc, để có dịp nhìn lén qua mấy khe nón nà, thon gọn của búp đồng đồng, không ngoài mục đích tự do hơn, để con người quan sát một cách linh động, cho khỏi mắc cỡ. Chao ơi là tình cảm của các cô gái quê, nó dễ thương làm sao và hồn nhiên như thuở nguyên thủy của loài người!

Mê mẩn trước sắc đẹp trời ban, cho những kẻ thiếu ánh sáng văn minh, cả đời chịu giam hãm hình hài trong lũy tre làng, ngày lại ngày tìm vui trên cánh đồng bao la, sông dài ngút ngàn, tôi không khỏi suy nghiệm:

Định luật bù trừ của tạo hóa!

Kìa là những đường cong tuyệt mỹ, lồ lộ trong chiếc áo vải phin nồn, những núi đồi thoải thoải được gói ghém sau chiếc quần lãnh Mỹ A đen óng ả dễ thương, hớp hồn gã thư sinh chập chững vào đời, thế là tiếng sét ái tình đánh trọng thương, nửa đường muốn gãy gánh, làm quên bẵng cả lời Thầy Mẹ dặn dò, trước khi cậu con trai vâng lệnh song đường, ra đi mua lấy chữ nghĩa, cho bản thân mình. Mẹ tôi coi vẻ gằn gữ con cái hơn, nên không quên rí tai lần chót:

- Bằng mọi cách phải có mặt trong ngày Tụ Trường, nghe con! Các Frère dòng khó tính

lắm đấy.

Nghĩ đến đó, tôi lại nhăn mặt, có vẻ hồi hận, thế là hôm nay, vô tình mình đã lỗi hẹn cùng đáng sinh thành, tôi bây giờ nhìn lại, không khác nào như Lưu Thần Nguyễn Triệu lạc vào động Thiên Thai, mà quên mất đơn vị thời gian và chẳng còn nhớ gì đến ngày về trần thế.

Tuy nhiên, vẫn gom góp cả sinh lực, tưởng chừng năng lượng lẫn trốn ở đâu đó, trong thân thể tráng kiện, khi tinh thần đã bị tổn thương trầm trọng, hành động còn là yếu tố tâm lý, ít ra cũng cho tôi cảm thấy mình vẫn còn kiểm soát được lý trí, cứ thế yên chí đến mãnh lực, chỉ việc co giò muốn đạp lẹ qua bên kia cầu Gò Bồi, để còn kịp về Qui Nhơn, trước giờ hoàng hôn, điều đầu tiên là khỏi thấy tâm tư mình vụn vỡ trong màn đêm thập thò buông xuống, tưởng đã cố tình nhận chìm đời mình vào tối tăm. Chỉ vì có một bài tình ca đã xoáy sâu vào tâm tưởng, trong vùng đam mê của tuổi trẻ bông bột:

... Đường vào tình yêu có trăm lần vui có vạn lần buồn...

Nhưng, quá đổi ngạc nhiên không ít, cái quyền luyện vô hình kia, đã trì kéo tôi, làm cho thằng con trai có thừa nghị lực từ thuở ban đầu, đành dùng dằng, tiến thoái lưỡng nan.

Nhìn vào diễn tiến hiện tại, những thú vui trai gái, vượt qua bức tường lễ giáo, có thể mình sẽ không thoát khỏi tiếng chì, tiếng bác từ đáng sinh thành, làm cắn rứt lương tâm, chẳng tránh khỏi lời ong tiếng ve, mà có lúc mình nhớ không lầm, đã hứa cùng Thầy Mẹ, tạo một tín chỉ vững tâm cho người ở nhà:

- Tất cả chuyện gái trai, ong bướm, xin tạm gác ngoài tai, chỉ lo việc học hành.

Lục lại ký ức mình, kể cả đức vâng lời, như cũng thả trôi theo giòng sông Gò Bồi, hợp cùng cuồn lưu khác từ các vùng quê lân cận, đổ xuống nó bảy miệng, trước khi âm thầm xuôi vào đầm Thị Nại.

Có một điều lạ thay, khó lòng chứng minh sao cho ổn thỏa, hôm nay bỗng dưng thần trí tôi lại mềm nhũn như con chi chi đến thế:

- Bước đi một bước, lậy giầy lại dừng!

Lưỡng lự mãi, cố vực dậy chút nghị lực làm sống lại một thực thể còn lưu luyện trong người, thế là cuối cùng của trận chiến tâm lý, tôi tuyên xưng đã chiến thắng, bắt trái tim mình khép hờ, để lý trí khôn ngoan có đủ thời gian hành động, theo đồ án đã thiết trí từ trước.

Tôi lăm lăm đạp, con ngựa sắt cũng đảm đang ghê, không hề tỏ ra chướng ngại gì cả, mới đó mà đã bỏ lại sau lưng, hình ảnh các em gái nhí nhánh của Gò Bồi.

Có điều biết chắc, những người đẹp của hương đồng gió nội, sẽ không khỏi bùi ngùi, bên kia giòng sông nước xà hai, đang thắc thỏm thăm thương trộm nhớ, ân hận hơn nữa, có lẽ là chưa được cơ hội nào thốt nên lời nói ngọt ngào với chàng trai xem ra lý tưởng đó:

- Em đã lụy vì tình và yêu anh da diết!

Miên man trong suy nghĩ, thử thách nhỏ làm biến động đầu đời, đã cho tôi một bài học

quý giá, không thể nào để tình cảm phiêu lưu mạo hiểm trong vùng đam mê, khi công chưa thành, danh chưa toại, trong lúc đó, ở quê nhà, Thầy Mẹ tôi đã đặt hết kỳ vọng, vào thằng con khôn hơn trước tuổi trưởng thành, lại còn có sẵn một sa bàn lập thân với đời, cho tuổi trẻ cùng lớn theo ngày... tháng...

May mắn thay, tôi dừng lại đúng lúc, trước khi sa ngã vào một mê hồn trận nữa, đủ để chứng minh đã thấm nhuần lời người xưa và vẫn còn giá trị, dù thời gian có đổi thay cách mấy:

- Sắc bất ba đào dị nịch nhân! (nhân sắc không phải là lớp sóng làm dễ đắm thuyền).

Tuy con đường học vấn còn dài, liệu chiếc thắng an toàn có còn hiệu nghiệm, cầm giữ được cỗ xe rủi dong, từ giờ... phút... bình minh của chuyến khởi hành, đi mua lấy chữ nghĩa thánh hiền, làm vốn liếng lập thân.

Tôi phân vân mãi, thừa biết mình có giọng máu ham vui, cảm nhận tất cả mọi vẻ đẹp của thiên nhiên, ưu ái dành cho loài người, đi đến đâu cũng ngưỡng mộ những gì kỳ công mà tạo hóa tác thành, cho nên định ninh rằng, khó lòng cầm giữ vận mạng, cho khỏi cung đa đoan. Nhưng cũng tự an ủi, cố gìn lòng mình thanh thản, được lúc nào hay lúc đó, chẳng những đáp lại tấm thịnh tình của Thầy Mẹ, mà lương tâm không bị cắn rứt, khi cảm thấy hối hận dấy lên.

Nói gì thì nói, nhưng vẫn tranh thủ với thời gian, nhìn tổng quát lại lần chót, tất cả đều vào đó, co giò lấy sức, cứ việc thẳng tắp Tỉnh Lộ Gò Bồi Qui Nhơn, nhưng đến vùng nhà thờ Gò Thị, trời ngã bóng xế, thấy còn đủ thời lượng, nếu biết khắc phục. Tôi đổi ý định, muốn nán lại tham dự Thánh Lễ chiều nay, để mai này Chúa Nhật, ở Qui Nhơn rảnh rỗi trọn ngày, còn xếp đặt công việc học hành, cho buổi đầu tiên trở lại trường, như Thời Khóa Biểu mà Thầy Mẹ đã ấn định từ trước.

Ngót tiếng đồng hồ để lòng mình về với Thiên Chúa, những ước muốn vụn vặt trong tâm tư thầm kín, đều dâng lên cùng Thiên Chúa quan phòng, tôi quỳ phía nam thanh, nhưng tính nào tật nấy, vẫn cứ về mắt nhìn qua bên kia phần nữ tú, để rồi không khỏi chấp răng chấp lưỡi, khi thị hiệu đã làm thỏa mãn phần nào, một trong ngũ giác quan, tôi gật gù thăm thì với riêng mình:

- Con gái xóm đạo Gò Thị, Xuân Phương đẹp vô cùng! Nhìn những vòng tay khoanh hờ trước ngực, trong nét mặt đoan trang, qua giờ Thánh Lễ, đã cho tôi một ấn tượng hạnh phúc như Đức Bà Maria ôm Chúa Giê Su hài đồng vào lòng.

Lại một một lần nữa tôi vô tình lấm đẫm đi vào đất Thánh. Những tấm lòng thánh thiện đang cao rao lời kinh tiếng hát, trong ngôi Giáo Đường cổ kính, đã Thánh hóa lòng tôi, như con chiên thuần thành của Giáo Phận.

Tan Thánh Lễ, tôi đi rảo một vòng, kia là Tượng ông Thánh Nam Thương, đứng sừng sững như mỉm cười cho gã con trai si tình, vẫn chưa tan niềm ao ước Tiểu Đẳng Khoa, để đi đến Đại Đẳng khoa, cùng các cô con gái Gò Bồi, giờ này đến mơ màng dựng lên mái ấm với các em xóm đạo Xuân Phương Gò Thị, rồi mai đây không khỏi thề non hẹn

biển cả người đẹp thành phố Qui Nhơn... từ đó tôi mới khám phá ra lòng người chất chứa một túi tham vô tận, đã không muốn để lỡ cơ hội nào, trong tầm tay có thể với tới một Thiên Đàng của hạ giới.

Như người vừa chợt giác Nam Kha, tôi cũng đã sống thực với hồn mình, tự nhủ thâm, phải phấn đấu với mơ mộng hão huyền, mới mong thoát khỏi những đam mê trần tục cám dỗ. Vả lại, thứ tình yêu một chiều, chỉ âm thầm đến rồi ra đi lặng lẽ, chẳng qua chỉ làm thỏa mãn trong chốc lát. Cuối cùng, rồi cũng cất lên lời than thống thiết với một rừng trách cứ ngồn ngang:

Người đâu gặp gỡ làm chi.

Trăm năm biết có duyên gì hay không?

Tôi đưa tay làm dấu Thánh Giá, cảm ơn Thiên Chúa đã rũ lòng thương một con chiên ngoan đạo, có nhiều ý chí lập thân, nhất là cho thằng con trai lần đầu tiên xa nhà, biết nỗi buồn sẽ gặm nhấm lần hồi, nên còn tặng thêm niềm vui đầu đời, cho gái trai trải lòng nhau, phải chăng như dấu ấn tình yêu Thiên Chúa, để tương lai mở mang nước Ngời.

Thế là tôi đã vượt qua mọi trở ngại, trên đường mua lấy chữ nghĩa thánh hiền, chế ngự được một phần ba đoạn đường dài, đưa mắt trông về phố biển, nơi mà tôi phải về cho kịp chiều nay, để khỏi thất hứa.

Mặt trời sè sè trên đầu ngọn cây, nhìn những cụm mây chiều, ùn ùn nổi lên từ chân trời xa thẳm, có lẽ đang vun hơi nước, trong làn mây xám đục, chuẩn bị làm cơn mưa giông thường lệ cuối ngày.

Lòng tôi rộn rã, soãi người trên yên con tuấn mã, thu mắt nhìn chiều dài, qua trí tưởng tượng, không khỏi mơ màng đến buổi Tự Trường, hình ảnh rương nho nhỏ với linh hồn bằng ngọc, xếp hạnh phúc theo chương trình lớp học, đã làm cho tôi quên đi những nỗi nhọc nhằn. Rồi mai đây, biết bao người trẻ sẽ tìm vui với bạn bè cùng trang lứa:

Trong sân trường tường dạo giữa đào viên.

Quần áo trắng tựa như lòng mới mẻ.

Chân non dại nhẹ nhàng từng bước nhẹ.

Tim run run trong tình cảnh rụt rè.

Xong bốn phận đi lễ, xưng tội, của một con chiên thuần thực, tôi tiếp tục làm kiếp lữ hành, đeo lên vai đầy lời dặn dò, và cả hình ảnh Thầy Mẹ khả kính, một người, một ngựa, cứ thế đo đoạn đường dài.

Nhìn đi nhìn lại, vẫn còn trong vùng đất Thánh, hình ảnh những cô bé xóm đạo đã từng hóp hồn tôi, cứ lảng vảng và in đậm nét trong võng mô cậu học trò đa đoan tình ái.

Biết vậy, nhưng cũng cố nhắm mắt lại, cho linh hồn thanh thản phần nào, mong sao có bàn tay màu nhiệm, kéo tôi ra khỏi vũng lầy trần tục, ngõ hầu ổn định tinh thần, chế

ngự niên khóa đầu tiên, vốn hiểu rành rẽ: Vạn sự khởi đầu nan! Và phải biết tâm niệm lời người xưa: Đường đi khó, không khó, vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.



Nguyễn Hữu Nhật

Lệ Chi Viên

Sau ngày Nguyễn Trãi quy tiên
Vườn cây vãi, lệ chi viên, vẫn còn
Chỉ trừ cái tấm chiếu gon
Nhớ người tới độ màu son bạc dần.

Nguyễn Lập Đông

Ức Trai-NGUYỄN TRÃI

Chí linh thao lược
Lời hịch vang vang
Thơ thần đuổi giặc
Ngày mở thên thang

Côn sơn về lại
Chuyện còn mang mang...

Những con kên kên
Thời nào cũng vậy
Thời nào cũng có

“Kim cổ vô cùng giang mạc mạc
Anh hùng hữu hạn, diệt tiêu tiêu”
(Việc xưa nay – không cùng sông bát ngát
Anh hùng mang nỗi hận – ngàn lá lao xao)

Thơ làm khi nghe thi sĩ phiêu hốt

lạ nhất Việt Nam vừa qua đời: BÙI GIÁNG

“ Nẫu về xứ nẫu bỏ mình bơ vơ
Bơ vơ thì kệ bơ vơ
Nẫu về xứ nẫu viết thơ thăm mình”

Thơ giờ thôi đã về trời
Nói năng –năng nói cũng lời phù qua
Người về tiếc nẫu u-oa
Cổ tay đàn mía-vỡ nhòa chiêm bao

Đang cơn thịnh nộ mờ mờ
Rượu thơ, thơ rượu mờ mờ ngây ngây
Một hôm gió lông mưa ngây
Cái thơ réo gọi hóa nay đông lòng
Một hôm cái hăm gầu sòng
Tát trắng đầy cái gầu sòng trắng tinh
Trắng tinh, trắng tinh, trắng tinh
Trắng ơi! Trắng hỡi, lục bình trôi sông.



Nguyễn Tôn Nhan

Cuộc đời tư tưởng

Hoài Nam Tử

Tư tưởng triết học cổ đại ở Trung Quốc có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng triết học cổ đại Việt nam. Đó là sự thực không cần lý giải và hầu như ai cũng công nhận. Trong khu rừng rậm tư tưởng triết học cổ đại (nhất là trước đời Tần – Tiên Tần – như cách nói quen thuộc). Bộ Hoài Nam Tử (hay Hoài Nam Hồng Liệt) có giá trị đặc biệt. Rất nhiều lần, trong nhiều dịp trao đổi với học giới (nhất là Hán học giới), chúng tôi lấy làm tiếc, một nền văn hóa lớn riêng biệt như Việt Nam mà xưa nay chưa hề tiếp thu bằng cách chuyển dịch toàn bộ thư tịch văn căn bản nhất của Trung Quốc vốn được nước ta kế thừa ảnh hưởng từ lâu.

Tại sao một nền văn hóa vừa Phật vừa Nho (có thể vừa Huyền học Đạo giáo nữa) thâm

sâu như văn hóa Lý, Trần của Việt Nam mà chẳng ai quan tâm chuyển dịch những tác phẩm tổng hợp tư tưởng Tiên Tần sâu sắc, cụ thể như bộ Lã Thị Xuân Thu, Hoài Nam Tử?

Tại sao vào thời cận đại khi lớp những nhà Nho học cuối cùng phải bàn giao (miễn cưỡng?) di sản văn hóa tổ tiên lại cho lớp thanh niên Tây học đầu thế kỷ trước, họ chỉ chú ý chuyển dịch sơ sài vài bộ “tứ thư”, “ngũ kinh” (đã qua xác định của Tống Nho) không lưu ý gì đến “chư tử” hết sức quan trọng mà trong một bài ngắn này không thể nhắc đầy đủ hết được.

Là một hậu sinh, lại chỉ có công tự học ít nhiều, chúng tôi lấy làm tiếc khi phải tự nỗ lực đọc lấy từ nguyên tác các bộ kinh điển khó bậc nhất của tư tưởng triết học Tiên Tần. Có lẽ vì tiếc công, hay vì một cơ duyên “tiên thiên” nào đó, từ rất lâu, chúng tôi chìm đắm vào Đạo học Trung Hoa (như từ gần 20 năm trước, chúng tôi đã cho xuất bản Đạo Đức Kinh, Xung Hư chân kinh...)

Từ lâu Hoài Nam Tử đặc biệt quyến rũ chúng tôi, nhưng lại phải đợi đến “cơ duyên” gần đây, chúng tôi mới bắt đầu chuyển dịch bộ sách vô cùng quan trọng và hấp dẫn này. Trong lịch sử tinh thần của người Trung Quốc, thời “chư tử tiên Tần” rõ ràng là một thời đại huy hoàng. Thời đại này được coi là một “thời đại trực tâm” có sức hấp dẫn lớn. Đây cũng chính là thời kỳ tư tưởng Trung Quốc lên đến đỉnh cao nhất. “Chư tử” sống giữa thời loạn, cảm nhận được mọi sự đau khổ của kiếp nhân sinh, nhưng họ không đủ sức mạnh để quy định vào một dòng “chính thống” mà chỉ có khả năng tự do tư tưởng, từ đó tùy vào điều kiện riêng, tư tưởng của họ phát triển theo nhiều phương hướng để trở thành những học thuyết tư tưởng khác nhau. Giữa các loại tư tưởng khác nhau ấy cũng xảy ra nhiều cuộc luận chiến kịch liệt, từ đó hình thành nên cục diện tư tưởng “bách gia tranh minh” (trăm nhà đua tiếng) Đó cũng chứng minh cho sự tự do tư tưởng (vì chỉ có tự do tư tưởng mới “đua tiếng” được). Chính ở thời kỳ này, tư tưởng Trung Quốc đã bộc lộ khí chất cơ bản của nó; Khí chất cơ bản ấy là; tâm lý đạo đức được phát huy rất đầy đủ nhưng tâm lý trí thức lại không được triển khai như mong muốn. Đây là dấu ấn tư tưởng nhân sinh của Trung Quốc.

Quay trở lại thời đại huy hoàng này của Trung Quốc , chúng tôi muốn chọn bộ “Hoài Nam Tử” làm đối tượng vì tác phẩm này ra đời trong một xu thế phát triển tư tưởng rất đáng được chúng ta quan tâm. Xu thế này, chính là lúc tư tưởng Trung Quốc đang từ phân tán quay về hợp lưu tổng hợp. Phải chăng xu thế ấy có phần nào tương tự với xu thế ở Việt Nam trải qua “loạn thế” nửa thế kỷ qua?

Tư tưởng Trung Quốc thời kỳ tiên Tần biểu hiện thành “bách gia tranh minh”, đến đầu đời Hán đã được Thái sử công (Tư Mã Đàm, thân phụ Tư Mã Thiên) quy nạp thành sáu nhà (lục gia) Nho gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Đạo gia và Âm dương gia. Đến khi Hán Vũ đế độc tôn Nho thuật, cuối cùng hình thành cục diện cơ bản Nho và Đạo bổ sung, dựa dẫm lẫn nhau. Cục diện ấy kéo dài trong một thời gian dài đến tận lúc Phật

giáo du nhập vào và phát triển đủ thành một thế lực, cục diện mới thay đổi biến thành “tam giáo đĩnh lập” (ba tông giáo cùng tồn tại). Sự tổng hợp tư tưởng trong lịch sử Trung Quốc được hun đúc qua tiến trình đại thống nhất cuối cùng được định hình, đó là một tiến trình còn lâu dài nữa. Bộ “Hoài Nam Tử” ra đời giữa thời điểm tư tưởng tổng hợp, chưa tiến tới Nho thuật độc tôn, ra đời vào lúc chế độ đại thống nhất chính trị sắp sửa định hình nhưng chưa xác lập tối hậu, cho nên toàn bộ sách tư tưởng tự do để tiến hành chọn lọc, biểu hiện rất rõ nhiều tư tưởng mâu thuẫn, đưa ra rõ ràng tâm thái lưỡng lự giữa “thống nhất thiên hạ” và “giữ phong tục khác nhau”.

Vậy thì, chúng ta hãy tìm hiểu “Hoài Nam Tử” là tác phẩm ra sao? Khái quát đơn giản đặc điểm tác phẩm này, triết học sử Trung Quốc, đại khái thường dùng hai chữ “kỳ” (kỳ lạ) và “tạp” (lẫn lộn, phức tạp) để khái quát. Cho rằng Hoài Nam Tử kỳ lạ, có tới mấy tầng ý nghĩa: một là do số phận đầy bi kịch của tác giả, phủ lên tác phẩm nhiều màu sắc truyền kỳ. Tác giả Hoài Nam Tử là Hoài Nam Vương Lưu An và các tân khách môn nhân. Giới quý tộc vương giả đầu đời Hán đa số mê say chìm đắm vào thú vui nhan sắc, âm nhạc hoặc săn bắn rong dãi, riêng Hoài Nam Vương Lưu An dốc chí vào học thuật, nhún nhường chiêu nạp kẻ sĩ, tỏ ra có tư thái phong nhã cao thượng. Một chư hầu vương cao khiết chí lớn như thế mà cuối cùng rơi vào kết cục phải tự sát, liên lụy đến vài ngàn người phải chết theo. Hoài Nam Vương là vật hy sinh để lịch sử Trung Quốc tiến vào cục diện chính trị đại nhất thống. Cái chết của ông là một bi kịch của lịch sử. Quyền lực của tước vương đầu đời Hán cực lớn, trong nội bộ vương quốc của mình, chư hầu vương có quyền hưởng thụ tiền thuế, quyền phân bổ quan lại, quyền hành chánh, thậm chí có cả quyền phát hành tiền riêng, triều đình chỉ sai một chức “thừa tướng” tới giúp đỡ, có tác dụng giám sát và liên hệ với triều đình, do vậy những “phong quốc” (quốc gia được phong cấp cho tước chư hầu vương) nghiêm nhiên là một triều đình nhỏ. Phong quốc đầu đời Hán tự có hệ thống ghi năm độc lập. Ở Trung Quốc cổ đại, quan niệm về “chính sóc” và màu sắc y phục tượng trưng cho chính quyền, do đó một chính quyền mới lên ngôi, việc đầu tiên là phải sửa đổi “chính sóc” và màu sắc y phục. Các vương quốc đầu đời Hán không tuân thủ cách làm lịch pháp triều đình (“chính sóc” là một khái niệm thuộc lịch pháp) mà tự ghi năm (theo lịch riêng) chứng minh lúc ấy vương triều Tây Hán chưa chính thức hoàn thành được thể chế đại thống nhất. Thế nhưng, bấy giờ đại thống nhất đang là xu thế phát triển của lịch sử, triều đình cũng đang mong muốn dùng sức mạnh thúc đẩy nhanh xu thế này. Nhân vậy, giữa các vương quốc (được phong) và triều đình trung ương xảy ra nhiều cuộc đấu tranh giành giật quyền lực. Các loại đấu tranh xoắn xít với giành giật ngôi đế diễn biến thành nhiều sự kiện trấn áp mưu phản bị buộc tự sát “liên lụy đến chết vài vạn người” (tọa tử giásố vạn nhân, như sử chép). Đó là sự việc chấn động lớn đương thời. Lúc Hoài Nam Vương biên soạn bộ “Hoài Nam Tử”, ông có ý dâng sách lên triều đình đầu đời Hán Vũ Đế thay cho một kế sách, do đó ông còn tự đặt tên cho sách là “Lưu thị chi thư”: sách của

họ Lưu hoặc kế sách (trị nước) của họ Lưu (họ Lưu tức họ đang thống trị triều đình Hán). Tâm nguyện ấy của ông cuối cùng bị lật ngược mặt trái vì kết quả tội mưu phản dẫn tới. Bối cảnh lịch sử như vậy phủ lên bộ “Hoài Nam tử” một màu sắc truyền kỳ.

Mặt kỳ lạ thứ hai của Hoài Nam tử là nó lưu giữ được rất nhiều tư liệu tư tưởng Tiên Tần cho đến lúc bấy giờ. Hoài Nam tử không phải một tác phẩm “trứ tác” theo ý nghĩa hiện đại, nó không phải một “sáng tác phẩm” của Hoài Nam Vương và các môn nhân, mà là sách “biên soạn”, là sách do họ giải thích, chỉnh lý, chọn lọc từ các tư tưởng Tiên Tần. Có người cho rằng bất cứ câu văn nào trong Hoài Nam tử cũng có nguồn gốc xuất xứ sợ rằng hơi quá đáng, nhưng rất nhiều văn cú tư tưởng trong Hoài Nam tử quen thuộc là sự thực quá rõ. Chính nhờ vậy, khá nhiều sách vở thư tịch đã mất mát có thể dựa vào tư tưởng lưu giữ trong Hoài Nam tử mà khôi phục lại. Giá trị sử liệu của Hoài Nam tử rất cao, đó là điều đã được công nhận. Ví dụ tên gọi hoàn chỉnh của 24 tiết khí nông lịch là do Hoài Nam tử xác định sớm nhất. Hoặc hai thiên “Thiên văn huấn” và “Địa hình huấn” của Hoài Nam tử đã bảo lưu nhiều kiến thức về thiên văn, địa lý cổ đại Trung Quốc. Hoặc như thiên “Mậu xứng huấn” bảo lưu tài liệu tư tưởng của học phái Tử Tư, mà không thư tịch nào khác có thể so được.

Điều kỳ lạ hơn chính là khí chất tư tưởng rộng lớn kỳ vĩ của bản thân Hoài Nam tử. Hoài Nam tử có hùng tâm “lung lạc trời đất” (lao lung thiên địa) với ý muốn dung nạp mọi lãnh vực tư tưởng, tri thức vào một bộ sách và tổ chức chúng thành một hệ thống lớn. Có lẽ vì vậy trật tự tư tưởng của Hoài Nam tử tương đối khá hỗn loạn, tạp nham. Thế nhưng với tầm nhìn tư tưởng cao xa, với khí thế tư tưởng cao lớn hoành đại, Hoài Nam tử đủ đạt tới danh tiếng của một bộ “kỳ thư”. Tóm lại đây chính là bộ sách “lạ kỳ” khó hiểu mà từ lâu chúng tôi đã lưu tâm nhưng chưa dám bắt tay chuyển dịch.

Còn mang tiếng là “tạp” (hỗn tạp, phức tạp), ngay từ bộ “Hán thư” phần Nghệ văn chí đã dùng hai chữ “tạp gia” ở dưới tên sách Hoài Nam tử, rồi các sách sử đời sau đều học theo, hoàn toàn đồng ý xếp Hoài Nam tử vào loại “tạp gia”. Hoài Nam tử ra đời đến nay đã hơn hai ngàn năm, vẫn lưu truyền với danh nghĩa “tạp gia”. Nay truy tìm về nguyên nhân tư tưởng hỗn tạp trong Hoài Nam tử, đại khái có thể nhận ra mấy điểm:

Một, văn phong Hoài Nam tử phần lớn dùng câu đối ngẫu, phô trương khoe khoang theo kiểu phú đời Hán, chữ dùng lại hoa lệ trùng điệp nhiều màu vẻ. Nhiều khi câu văn rườm rà có ý vị ẩn dụ nhưng vì vậy, có đôi lúc trùng điệp. Đọc Hoài Nam tử dễ có ấn tượng rục rịch, đồng thời lại có cảm giác bị hình ảnh rục rịch nọ làm mờ mịt ý nghĩa. Cách hành văn Hoài Nam tử hình như không theo một con đường tư tưởng duy nhất, mà chỉ dựa vào một ý hướng gần gũi nào đó rồi tưởng tượng phóng túng thêm đồng thời đưa vào nhiều kiến thức khác. Có lẽ phương thức truyền đạt và phong cách ngữ ngôn của Hoài Nam tử là một trong nhiều nguyên nhân tạo nên ấn tượng phức tạp.

Kế đó, về tư tưởng, Hoài Nam tử ôm ấp hùng tâm quá lớn, hầu như tác giả muốn đưa vào sách mọi lãnh vực triết học tri thức. Một bộ sách như vậy cần có trật tự về kết cấu.

Về mặt này Hoài Nam tử tỏ ra rất yếu. Chính vì vậy, nội dung càng nhiều, càng tạo cho người đọc cảm giác càng hỗn loạn. Nếu coi Hoài Nam tử như tài liệu tưởng, có thể gọi đây là một kho tàng quý giá, nhưng nếu coi đó là một hệ thống tư tưởng, chắc chắn Hoài Nam tử khó tránh được tên gọi “tạp gia”.

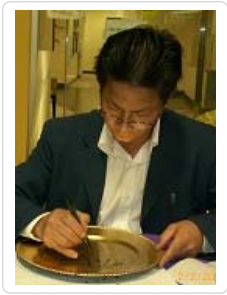
Sau cùng, lập trường tư tưởng của Hoài Nam tử chuyển biến du di không định hình. Lúng túng giữa truy cầu tự do của Đạo gia mà vẫn muốn bảo vệ trật tự Nho gia là nguyên nhân cơ bản dẫn đến rối loạn của Hoài Nam tử. Hoài Nam tử có ý muốn đứng trên lập trường Đạo gia để định hướng cho toàn bộ sách, điều đó rất rõ, nhất là dựa vào tư tưởng truyền thống của Trang Tử để đi tìm tự do. Hoài Nam tử coi giá trị bảo vệ trật tự Nho gia là gong cùm. Tư tưởng Trang Tử vốn nhiều mâu thuẫn khi ông muốn “tiêu dao du” đạt tới cảnh giới “chân nhân” khi vẫn còn ở trần gian hệ lụy. Hoài Nam tử cũng muốn vậy, nhưng với thân phận một “chư hầu vương”, rất cần trách nhiệm trị an đời, làm sao thoát ra khỏi giá trị về trật tự xã hội do nhà Nho khởi xướng. Khỏi mâu thuẫn, dù “bất đắc dĩ” đi nữa, dẫn tới nhiều lúc Hoài Nam tử ca ngợi tự do như Đạo gia nhưng nhiều lúc muốn điều hợp giữa Nho và Đạo, lập trường tư tưởng cứ lúng túng giữa hai bên là nguyên nhân căn bản tư tưởng hỗn loạn của Hoài Nam tử.

Sách Hoài Nam tử đại khái hoàn thành vào thời Hán Cảnh đế (ở ngôi từ năm 156 – 141 TCN). Hán Vũ đế lên nối ngôi (ở ngôi từ 140 – 87 TCN), khi được vào yết kiến vua mới, Hoài Nam vương dâng bộ sách lên cho cháu mình (tức Hán Vũ đế), vị hoàng đế mới trẻ tuổi, theo truyền thuyết rất thích văn nghệ tất nhiên vui vẻ nhận sách, “yêu sách nhưng cất kỹ” (ái bí chí như sử chép). Thế nhưng, vừa lên ngôi, Hán Vũ đế đã đưa ra “Thiên nhân tam sách” chứng tỏ để quan tâm nhất là muốn xây dựng và giữ gìn trật tự đại nhất thống, còn vấn đề trọng yếu Hoài Nam tử đặt ra lại là vấn đề tự do, ấy là việc Hán Vũ đế không quan tâm. Xét về tình huống thực tế phát triển tư tưởng đầu đời Hán, thời đại Hán Vũ đế là một bước chuyển biến, trước đây tư tưởng Hoàng Lão Đạo gia chiếm địa vị chủ lưu, sau khi Hán Vũ đế “độc tôn Nho thuật”, tư tưởng Đạo gia dần chuyển xuống thứ yếu, Nho gia trở thành chủ lưu. Phong cách tư tưởng thời đại thay đổi khiến vấn đề quan hệ xung đột giữa tự do và trật tự trong Hoài Nam tử không được chú ý nữa, đây là nguyên nhân sách Hoài Nam tử tuy được Hán Vũ đế thích nhưng cất kỹ trong bí các.

Suốt thời Tây Hán, không ai chú ý gì đến Hoài Nam tử, có lẽ vì vấn đề Hoài Nam tử đưa ra bị gác lại, hoặc có lẽ bị ảnh hưởng án ngục của Hoài Nam vương, người ta ngại nhắc tới tác phẩm ông. Phải tới đời Đông Hán, Hoài Nam tử mới trở thành sách thông hành với hai bản chú giải của Hứa Thận và Cao Dụ. Cao Dụ từng lớn lời ca ngợi “người có học mà không luận về Hoài Nam tử tức không biết sâu thẳm của đạo lớn đó” (học giả bất luận “Hoài Nam”, tắc bất tri đại đạo chi nhân dã).

Trên đây, chúng tôi khái thuật sơ qua để giới thiệu một phần diện mạo địa vị của Hoài Nam tử trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc cổ đại, sau bài tựa, chúng ta sẽ còn dịp

nghiên cứu kỹ hơn về tác phẩm lớn này. Xin nói thêm, riêng ở Việt Nam, điển cố văn học vẫn thường nhắc tới nhiều câu chuyện xuất xứ trong Hoài Nam tử như “mâu thuẫn”, “trăm sông về biển”, “Tái ông mất ngựa” mà chúng ta đã được biết từ lâu.



Như Phong

Gọi tình

Những hẹn hò xưa
Nay không còn nữa
Em đi rồi
Và tôi
Cũng thôi yêu
Còn lại nơi đây
Tia nắng rắng chiều
Hoàng hôn rụng xuống
Bên bờ sông
Kỷ niệm
Những kỷ niệm xưa
Bây giờ
Chết lịm
Gợn sóng trên sông
Reo
Khúc tình buồn
Trăng treo
Góc trời
Trăng buồn ủ rũ
Ta tìm về đây
Gió tạt
Mưa tuôn
Tiếng thông reo gọi suối về nguồn
Tiếng tim ta gọi tình khản cổ
Bên truông...
Mộng về với mưa

Em ơi trời mưa
Mưa mang về cơn gió bắc đầu mùa
Đêm qua gối chần trăn trở lạnh
Anh nằm gối giấc mộng xưa

Hôm ấy trời mưa
Chung vai
Dưới mái hiên chiều vì mưa bất chợt
Mưa như thủy tinh
Như màu áo em sáng nay vào lớp
Đẹp vô cùng

Mưa bây giờ viễn xứ
Không giống mưa năm nào
Cho em về đôi mẹ
Rằng sợ ướt áo...
Nên em ghé vào quán cà phê

Mưa bây giờ
Không còn như những giọt thủy tinh
Mà như những mảnh hồn tan vỡ
Rơi trên tóc anh
Sợi tóc rảy run theo từng cơn gió bắc
Vật vờ từ buổi trắng đầu mùa
Từ buổi yêu em trời đổ cơn mưa...
Nhạn về
gọi tiếng cô đơn

Trăng tàn
Theo cánh nhạn bay
Sương rơi
Trên cánh lá gầy dựng dựng
Cỏ hoa
Vàng tuổi gái xuân
Hồn người lữ khách
Rưng rưng nỗi buồn
Nhạn về
Gọi tiếng

Cô đơn
Khách ngôi say
Vọng quê hương mịt mờ
Xa xăm vọng tiếng ru hò
Đường về cố quận
Đôi bờ cách ngăn
Thương em
Xưa nhật vàng trăng
Cài lên tóc rủ
Nhọc nhằn tháng năm
Ta chừ
Tóc ngả màu sương
Mấy thu biệt
Dặm trường lãng du.



Phan Xuân Sinh

Sống với thời quá vãng

Lâu quá tôi mới trở lại quê nhà, thấy thiếu vắng một số bạn bè và người thân. Đủ biết tuổi của tụi tôi không còn nhỏ, đã bắt đầu xếp hàng để chờ nghe tên Chúa gọi. Gặp một số bạn bè cũ mà không ngờ rằng tuổi già đến nhanh thế, nhìn thấy một vài đứa như các ông cụ. Như vậy, mình mới thấy được chính mình cũng thế thôi, lẫn lẫn, già cỗi, và cuối cùng cũng đi vào con đường mà không ai thoát khỏi, không ai lẩn tránh được. Tôi dự những bữa tiệc bạn bè thiết đãi, cũng như đi uống cà phê buổi sáng. Mặc dù chúng tôi gọi nhau “mi – tau”, nhưng trong tiếng gọi đó nó có vẻ như ngượng ngập. Đúng ra trong cái tuổi của tụi tôi cách xưng hô với nhau cũng khác đi cho phù hợp, lớp con cháu nghe gọi trẻ trung như vậy thì chúng cười chết.

Đà Nẵng. Thành phố này là chiếc nôi ấm áp của đời tôi, sinh ra và lớn lên bằng những tình thương yêu đùm bọc bởi những người có tấm lòng rộng lượng. “Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi đi trên con đường dài và hẹp...”. Nơi đây, tôi bắt đầu đi học. Lủi thủi một mình với tập vở trong tay, không có mẹ “nắm lấy tay tôi..” như Thanh Tịnh đã diễn tả ngày đầu tiên đến trường. Mẹ tôi đã mất khi tôi chưa đầy một tuổi. Thế nhưng tôi đã lớn lên trong vòng tay của ngoại, các dì và cậu tôi. Những ơn nghĩa mà tôi nghĩ rằng không bao giờ tôi trả

hết được. Mớm cơm khi tôi chưa đủ tuổi để ăn, dành cho tôi những chén cơm trắng khi tôi biết nhai trong lúc ngoại, cậu và dì tôi phải trường kỳ ăn đòn. Tôi lớn lên bằng thiếu thốn khổ cực, nhưng ngoại tôi vẫn dành cho tôi những miếng ăn ngon nhất, sắm sửa cho tôi những bộ áo quần đẹp nhất. Tôi trở lại căn nhà của ngoại tôi khi xưa, căn nhà đầy ắp những kỷ niệm tuổi ấu thơ. Bây giờ ngoại tôi không còn nữa, nhưng khi bước vào nhà tôi cảm thấy đâu đây bước chân của ngoại, tiếng ngoại gọi tôi và dưới con mắt của ngoại bao giờ tôi vẫn còn bé tí. Tôi đến bàn thờ thắp nhang cho ngoại, nhìn ảnh ngoại bỗng dung tôi ngậm ngùi hồi hận. Ngày ngoại mất tôi không về được, tôi mang trong người một trọng tội với ngoại, nhưng biết làm sao khi mà còn quá nhiều cách trở. Chắc ngoại tôi sẵn sàng tha thứ cho tôi.

Mười lăm năm sau tôi mới trở lại quê nhà, thành phố không còn vóc dáng như ngày xưa. Lớn hơn, đẹp hơn và đông đúc hơn. Liêu (người bạn thân học một lớp còn sót lại, nhưng sau hai tháng trở về Mỹ thì Liêu cũng vội vàng ra đi) hay đến chở tôi đi đây đi đó, thăm người này người kia. Tôi cố tìm lại những nơi chôn mà thuở học trò hay lui tới, nhưng tuyệt nhiên không còn dấu vết. Đường Cầu Vòng được san bằng không còn cái dốc như ngày xưa, để tuổi học trò của tụi tôi thuở đó còm lưng trên yên xe vượt dốc. Tôi đi ngang qua đường Trần Bình Trọng (con đường khởi đi từ ngã năm vòng qua sau lưng bệnh viện Đa Khoa), Con đường này đã bao lần tôi đứng chờ Sách (người yêu của tôi thuở nào) bây giờ cũng lạ hoắc, tôi không còn nhận ra con hẻm mà tôi đã vào ra nhiều lần. Buổi tối tôi ra bờ sông Hàn ngồi trên ghé đá ngắm nhìn dòng nước trong. Ngày mới lớn tôi thích ra ngồi ở hàng ghé đá đó, có bóng cây mát rượi, có những con thuyền buồm trắng trên sông. Tôi mơ mộng về những nơi khác có cuộc sống tốt hơn, không có cảnh lam lũ như bà con tôi gánh chịu trên quê hương. Thế mà bây giờ tôi đang sống trên đất Mỹ, một đất nước có những cái mà tôi đã ước mong khi còn trẻ. Tôi lại mong trở về sống trên quê hương, trong cái nghèo nàn, cái khó khăn, còn chất chứa cả một tấm lòng mà không tìm thấy bất cứ đâu.

Trong một bữa tiệc tại nhà mợ Tâm. Bất ngờ tôi gặp lại Sanh, người con gái Huế mà trước đây tôi đã quen khi Sanh đang theo học sư phạm ở Huế. Sanh, chồng mới mất. Cách đây 15 năm Sanh và chồng có đến dự bữa tiệc cũng tại nhà mợ Tâm khi tôi ở Mỹ về đợt đầu. Chồng của Sanh cũng là nhà giáo hiền lành, ít nói. Nhìn hai vợ chồng vừa xứng đôi vừa hạnh phúc. Tôi cảm thấy rất vui, hình như chồng của Sanh cũng biết tôi là người quen với Sanh trước đây, nên khi nói chuyện anh ấy có vẻ bẽn lẽn, ngượng ngập. Tôi nghiệp, bây giờ cũng trong bữa tiệc tại nhà này, chỉ mỗi một mình Sanh đến. Trong nét mặt thoáng một chút buồn. Có lẽ trong những người bạn gái mà tôi gặp lại sau này, Sanh ít thay đổi nhất, có phong độ nhà giáo đàng hoàng và chừng chặc. Sau bữa tiệc chúng tôi ngồi lại ăn mứt uống nước trà, nói chuyện đủ thứ. Trong đời sống của Sanh hiện thời rất đạm bạc, đã nghỉ hưu, nhu cầu không nhiều và sống với con gái. Nhanh thật, khi quen nhau tụi tôi còn rất trẻ, mới đó mà bây giờ người nào cũng con cháu đầy

đàn.

Người thứ hai tôi gặp lại là người có nhiều kỷ niệm với tôi nhất tại Đà Nẵng, khi đó Sách còn đi học tại trường Bồ Đề. Tôi không biết ai nói với Sách là tôi về thăm quê nhà, nên một buổi tối Sách đến. Mấy chục năm sau chúng tôi mới gặp lại nhau. Ngồi trong nhà, đưa em vào báo cho biết là có một chị bạn của anh đến thăm. Tôi bước ra cửa không nhận ra được Sách. Có lẽ là lâu quá không gặp lại nhau, không ngờ là Sách đến thăm, mấy mươi năm thời gian làm thay đổi nhiều quá. Đứng trước mặt Sách mà tôi không ngờ rằng người đàn bà trước mặt tôi là Sách. Khi Sách cười tôi mới nhận ra. Trong tất cả những người tôi quen biết có lẽ Sách mang nhiều thay đổi nhất. Sách có chồng sớm, từ giả cuộc tình một cách vội vã. Sau một thời gian sống với chồng được hai con thì chồng tử trận trên Pleiku. Khi Sách mang con về Đà Nẵng thì tôi đang sinh sống tại Sài Gòn, cho nên chúng tôi không gặp nhau. Khi tôi có vợ, hai vợ chồng dẫn nhau về Đà Nẵng thì tôi có đến thăm Sách. Vài năm sau tôi nghe tin Sách tái giá, thôi như vậy cũng yên chuyện một đời người. Khi Sách đến thăm tôi cho biết đã ly dị người chồng thứ hai hơn năm năm rồi. Tôi sững sờ, không ngờ đời sống gia đình của Sách nhiều truân chuyên như vậy. Hèn gì trong vóc dáng khuôn mặt của Sách thay đổi nhiều quá, đến nỗi khi bất chợt gặp lại tôi không nhận ra. Tội nghiệp, đời người đàn bà chỉ có một thời và một lần định đoạt, trượt chân xem như hỏng cả đời. Khi nói chuyện về gia đình, Sách có vẻ cay đắng và u uất. Nhưng trách ai đây, khi mọi chuyện đều do mình định đoạt. Tôi hỏi Sách về con cái thì Sách cho biết hai đứa con của người chồng trước đều có gia đình, có cháu nội cháu ngoại. Còn hai đứa con của người chồng sau chưa lập gia đình nhưng đã ổn định công ăn việc làm.. Một đời người dù có nhiều rắc rối, có nhiều đa đoan, rồi cũng qua đi. Nhưng dù sao cũng cho ta một bài học với đời, một người nào đó đã nói “sống với cái gì, sẽ chết với cái đó”. Sống bằng tiền sẽ chết bởi tiền. Sống bằng danh vọng sẽ chết bởi danh vọng. Sống bằng tình cũng sẽ chết bởi tình. Nhưng trong tất cả cái “chết” đó ta phải chọn lấy cái chết nào dễ thương nhất. Trong lòng ta khi ra đi cảm thấy thanh thản nhất.

Trong thời gian ở Đà Nẵng, tôi muốn gặp lại một người bạn gái mà hơn ba mươi sáu năm tôi chưa hề gặp lại. Đó là Sâm. Tôi quen với Sâm khi tôi còn đi học mà Sâm lúc đó đã ra đời. Mỗi buổi chiều đón Sâm ở sở làm bằng chiếc xe đạp cà tàng, trong lúc Sâm đi xe vélo solex. Tình yêu thời học trò ngớ ngẩn thật, nhưng cũng dễ thương thật. Khi tôi vào lính thì nghe tin Sâm đã có chồng, trong thời gian này tôi cũng không bao giờ gặp được. Khi tôi bị thương vào mùa hè 1972, nằm ở Tổng Y Viện Duy Tân thì Sâm đến thăm, lúc đó Sâm đang có bầu. Sâm tới ôm tôi và khóc nức nở. Đó là hình ảnh cuối cùng tôi gặp Sâm lần chót và đó cũng là hình ảnh người đàn bà mà tôi không quên được. Khi tôi về có hỏi thăm Sâm thì người bạn của Sâm cho biết là lâu lắm rồi không gặp Sâm. Hình như Sâm đang sống với gia đình tại Tam Kỳ, và hình như Sâm bây giờ vất vả lắm. Chuyện về Sâm mơ hồ như vậy thì làm sao tôi tìm thăm được, nhất là thời

gian ở lại Việt Nam của tôi quá ít ỏi.

Tôi hay tới nhà của Đức, Thê (cả hai vợ chồng đều thân với tôi) cùng ở một xóm. Căn nhà của Đức ngày xưa ở cuối xóm, nhưng bây giờ thành phố mở rộng, làm ngay con đường lớn trước nhà vì vậy căn nhà trở thành có giá. (Ở Việt Nam nhà mặt tiền đường bao giờ cũng có giá trị). Hai đứa chờ nhau đi uống café như ngày xưa, thế nhưng bây giờ qua khỏi cái tuổi lê lết các quán café nhạc, ngồi ở mấy quán cóc bên đường lại thấy thích hơn. Vì ở cùng một xóm lại chơi thân với nhau khi còn nhỏ, nên Đức biết hết những người con gái mà tôi quen khi xưa ở Đà Nẵng. Đức có hỏi tôi đã đi thăm ai chưa? Tôi lắc đầu. Đức ngạc nhiên vì tại sao tính tình tôi thay đổi quá vậy. Tôi nói với Đức là mấy chục năm nay không gặp nhau, không biết gia đình họ ra sao mình tới thăm đôi khi gây trở ngại. Những ngày Tết tôi chỉ nằm nhà xem truyền hình và tiếp bà con, bạn bè.

Mùng tám Tết (2008) tôi đi Huế cùng với mấy anh em văn nghệ. Lâu quá tôi mới trở lại Huế nên cũng ngỡ ngàng mặc dù Huế ít thay đổi, thế nhưng lúc đầu đi trên những con đường mà tôi không thể nào nhớ ra được. Huế đang mưa, cái mưa của Huế dai dẳng và buồn ray rứt. Nhớ lại ngày xưa đứng trước cổng trường Bồ Đề Thành Nội đón Nguyễn, hai đứa che nhau mỗi một cái dù đi trong mưa (của một thời lãng mạn). Nhà Nguyễn ở ngoài bờ thành đồn Mang Cá lớn. Bây giờ Nguyễn đã chết trong một chuyến vượt biên cùng với chồng con trong năm 1985. Khi tôi về đến Sài Gòn thì dì của Nguyễn cho biết mẹ của Nguyễn cũng chết cách đây vài năm. Như vậy nhà của Nguyễn người khác ở, (vì gia đình chỉ có hai mẹ con và hai người đều chết). Sáng hôm sau chúng tôi ra uống café ngoài bờ sông, chính lúc này tôi mới nhớ được những con đường tôi đã từng đi qua, những địa danh của Huế mà tôi đã từng đến..

Tôi muốn đi thăm người Dì (chị ruột của má tôi) trước đây tu ở chùa Vạn Phước. Tôi nhờ anh Viêm Tịnh hướng dẫn đường đi. Lần cuối cùng tôi thăm Dì vào năm 1970 (như vậy đã 38 năm rồi), tôi không chắc Dì còn sống. Nếu Dì mất tôi nhờ chùa dẫn tôi đi thăm mộ Dì, để thắp một cây nhang cho Dì. Vị sư Trụ Trì trong chùa cho tôi biết Dì tôi mất năm 2001 và hôm nay chính là ngày giỗ của Dì. Chùa đang làm mâm cơm chay cúng Dì, có những người cháu gọi Dì bằng cô năm nào cũng từ Nghệ An vào cúng Dì, (như vậy những người này cũng gọi má tôi bằng cô ruột) mà hồi nào tới giờ tôi chưa hề hay biết. Đây là lần đầu tiên anh em họ hàng gặp nhau trong một trường hợp hy hữu là đúng vào ngày giỗ của Dì. Nếu tôi đi trễ một giờ thì các anh ấy đã lên tàu về lại Nghệ An. Không biết đây có phải là sự linh thiên của Dì đã dẫn dắt anh em chúng tôi gặp nhau, lần đầu tiên tôi mới biết được tông tích bên ngoại của tôi. Ngày xưa mỗi khi đến thăm Dì bao giờ cũng hứa là sẽ dẫn tôi vào nhà thờ họ Ngô ở Thành Nội, để tôi thắp hương cho ông ngoại, thế nhưng không có lần nào đi được. Má tôi mất sớm, Dì chưa cho tôi biết về tông tích bên ngoại nên tôi không biết.

Hồi tôi còn nhỏ, Dì từ Huế vào Đà Nẵng thăm tôi, bao giờ Dì cũng dẫn tôi đi ăn uống

rồi sắm sửa áo quần. Có lần Dì nói với tôi là má tôi thuộc con dòng thứ (nghĩa là vợ hai), có sự xích mích trong gia đình, nên bà ngoại dẫn má tôi về quê ngoại sống. Sau đó bà ngoại ra Đà Nẵng buôn bán rồi tục huyền với ông ngoại hai. Cho nên tôi là một nửa dân Huế và một nửa dân Quảng Nam trong người. Dì dặn tôi là không được bắt chước mấy ông Quảng Nam nói xấu Huế, họ nói gì mặc kệ, con mà nói theo họ tức là con chửi bên ngoại mình, má ở dưới buồn lắm đó. Không biết má tôi có buồn hay không, chứ tôi đôi lúc cũng cà khịa mấy cô bồ gốc Huế của tôi.

Sau này tôi hay liên lạc với anh Ngô Hồng Khanh, anh này gọi má tôi bằng cô ruột, gia đình anh đang sống ở Nghệ An. Anh cho biết là ngày xưa ông Tổ chúng tôi làm quan ở triều đình nhà Nguyễn, gia phả trong nhà thờ tộc ghi rõ điều này. Nhưng đến đời các cậu tôi thì gia đình chia làm hai phe, một phe tập kết ra Miền Bắc và một phe ở lại Miền Nam, đánh nhau chí chóe. Đến đời anh Khanh và tôi mới kết nối lại được. Anh Khanh bảo với tôi rằng mọi chuyện chính trị chẳng ra làm sao cả, dẹp nó đi. Bây giờ là lúc chúng ta tìm tông tích dòng họ, tìm nhau vun xới lại những đổ vỡ trước đây. Tôi nghĩ, một người lớn lên từ chế độ cộng sản, trưởng thành trong chế độ ấy thế mà còn tìm ra tông tích của dòng họ để kết nối bà con lại với nhau. Một việc làm đáng phục.

Trong chuyến đi Huế đó, cùng đi với tôi có các anh Viêm Tịnh, Phạm Ngọc Lư, Uyên Hà, Hạ Đình Thao (những nhà thơ miền Nam trước năm 75) cũng đến Chùa Vạn Phước với tôi, chứng kiến được cảnh anh em chúng tôi gặp nhau trong một hoàn cảnh thật đặc biệt. Người từ Nghệ An vào, người từ Mỹ về gặp nhau ở Huế ngay trong ngày giỗ đầu năm của Dì tôi mà tôi không hề biết trước, chỉ vô tình tới chùa hỏi thăm về Dì và vô tình gặp nhau như có một đấng vô hình giúp tôi tìm lại được tông tích bên ngoại, mà từ ngày ra đời đến giờ tôi chưa hề nghe ai nói. Tôi cùng anh Khanh ra sau chùa sư nữ thấp hương ông bà ngoại, các cậu dì đã mất. Tôi cũng thấy được nhà chùa đã chăm sóc các ngôi mộ của gia đình ngoại tôi một cách sạch sẽ. Các anh bạn cùng đi cũng công nhận rằng đây là một ngày thiêng liêng nhất đối với tôi, vì mọi sự gặp gỡ như có một sự sắp xếp của bề trên.

Ngày hôm sau trên đường trở về Đà Nẵng, các anh em cùng đi cũng phải công nhận rằng một chuyến đi chơi rất thành công trên mọi mặt. Gặp gỡ được những người làm văn nghệ Huế và được đón tiếp một cách ân cần. Riêng tôi được gặp lại gia đình dòng họ bên ngoại mà tôi tưởng chừng như đã đánh mất từ lâu. Má và Dì tôi chắc vui lắm khi biết anh em chúng tôi gặp nhau sau mấy chục năm không liên lạc được. Mấy chục năm đất nước trong hoàn cảnh chia ly và thù hận. Gia đình nào cũng có những trường hợp đau thương không ít thì nhiều.

Khi trở vào Sài Gòn để chuẩn bị trở qua Mỹ, ngoài một số bạn bè gặp lại, tôi thăm người bạn gái sống ở Bàn Cờ. Mấy chục năm nơi này thay đổi nhiều quá, cũng may gặp được đứa em trai của Ngọc Bích cho địa chỉ, nên tôi tìm nhà dễ dàng. Ngọc Bích trước đây là cán sự y tế, hiện giờ nghỉ hưu có hai con và ly dị chồng. (Sao tôi lại gặp mãi

cảnh này thế nhỉ? Những người bạn gái quen với tôi trước đây đều có trường hợp giống nhau, chồng không chết thì cũng ly dị). Ngọc Bích cũng không nhìn ra tôi, mà tôi cũng không nhìn ra được Ngọc Bích, như vậy đủ biết sự thay đổi khủng khiếp của chúng tôi mà thời gian đã bôi xóa hết. Đứng một hồi mới nhận ra nhau. Cũng như những người khác, kể cho tôi nghe về chuyện gia đình, buồn nhiều hơn vui, bất hạnh nhiều hơn bình an. Ngọc Bích nói với tôi là nhìn anh đủ biết anh chị rất hạnh phúc, không cần phải hỏi về gia đình. Đời sống của Ngọc Bích có vẻ khá giả, gia đình khang trang, sống với vợ chồng đứa con trai và cháu nội.

Vài hôm sau tôi đến thăm Nhơn ở Phú Nhuận. Nhơn không thay đổi mấy, trước đây Nhơn học luật năm cuối, nếu đất nước không thay đổi thì chắc bây giờ Nhơn trở thành bà Luật Sư rồi. Sau 30/4/75 Nhơn làm trưởng phòng kế toán cho một công ty điều hành tàu bè và đã hưu trí được ba năm nay. Nhơn ly dị với chồng hơn hai chục năm nay, ở vậy nuôi con. (Lại thêm một trường hợp gây cánh giữa đường. Hình như những người quen với tôi đều ở trường hợp giống nhau – ly dị hay chồng chết). Nhà Nhơn ở mặt tiền đường Minh Mạng, Phú Nhuận. Nên Nhơn mở một quán cơm trưa cho những công nhân viên ở các công sở gần đó. Tôi đến vào buổi trưa thấy quán cơm tấp nập. Như vậy cũng mừng là đời sống của mẹ con Nhơn không giàu có nhưng cũng đã ổn định. Người chồng cũ hiện định cư ở Pháp, có về vài lần và đề nghị hai người nói lại để bảo lãnh hai mẹ con qua Pháp. Nhưng Nhơn từ chối, chỉ muốn cho con đi thôi. Hiện thời cháu đang chờ thủ tục bảo lãnh của cha. Nhơn là một người rất có hiếu, anh em đông nhưng Nhơn phải nuôi người cha già lẫm trí, tận tụy chăm sóc cha, nên Nhơn rất bận bịu gia đình.

Ở Mỹ, tôi có gặp một cô bạn cũ ở Boston trước đây. Th..lấy chồng rất sớm khi tôi học đệ nhị, những mối tình học trò tưởng chừng nhớ nhớ quên quên, chóng đến chóng đi, chóng yêu chóng ghét, thế nhưng lại để những kỷ niệm khó quên trong đời. Th... khi qua tới Mỹ thì biết chồng mình đã có vợ khác, lỡ khóc, lỡ cười, đành phải chia tay. Tôi gặp Th.. trong một hoàn cảnh thật tội nghiệp. Mỗi ngày phải đi bộ ra trạm xe train để đi làm, trời mùa đông lạnh lẽo, đôi khi phải đội tuyết. Chẳng có ai giúp, các con thì đứa nào cũng có gia đình, phải lo cho gia đình của chúng. Còn mẹ phải tự lo lấy, tiếng Anh thì không biết, chẳng nhờ ai đỡ đần trong lúc tối lửa tắt đèn.

Tôi nằm ngẫm lại những người đàn bà quen với tôi trước đây, tất cả họ đều gặp bất trắc trong cuộc sống. Nguyễn đã chết trong chuyến vượt biển. Sách hay Sanh đều bị chồng chết, riêng Sách lại có thêm một lần ly dị với người chồng thứ hai. Th.., Ngọc Bích, Nhơn, ly dị với chồng, hay Sâm là người không bị trắc trở gia đình nhưng lại sống trong nghèo khổ. Tại sao lạ thế? Tại sao họ không được hạnh phúc? Không có một đời sống êm ả ? Tôi không có một lời nguyên rủa nào để họ phải chịu nhận những hình phạt. Lúc ấy xa nhau thú thật tôi có buồn, nhưng rồi mọi chuyện đâu vào đấy. Bao giờ tôi cũng cầu xin ơn trên cho họ được hạnh phúc. Có một điều tôi được an ủi rất nhiều khi gặp lại người cũ, ai đối với tôi cũng vui vẻ chân tình, chứ tôi không nghe một lời

oán trách. Ngày đó các cô đi lấy chồng, mình nằm nhà đắp chăn buồn không thể tả (..ngày nhà em pháo nổ, anh cuộn mình trong chăn, như con sâu làm tổ...), đúng thật, tưởng rằng có thể chết đi được. Nhưng rồi qua cơn đau đó, lại vùng dậy và cũng yêu tha thiết người khác, rồi cũng bị đá lăn lóc. Cứ thế tiếp diễn đến khi có vợ. Chấm dứt một thời trăng hoa, ong bướm. Vợ cũng tệ nhị không bao giờ hỏi về tình cảm trước đây. Mấy chục năm sống với nhau tôn trọng nhau và cũng tôn trọng đời tư của nhau, mà thiệt tình thì vợ chẳng có tư riêng gì hết. Mười chín tuổi lần đầu tiên gặp được “ý trung nhân”, rồi yêu và sau cùng lấy nhau. Chỉ có tôi cái background lộn xộn, vợ thương tình không đụng tới.

Những người quen biết với tôi từ Đà Nẵng, Huế, hay Sài Gòn đều có những hoàn cảnh giống nhau. Nhìn kỹ trên khuôn mặt mỗi người tôi thấy hàm chứa một nỗi u uất, phiền muộn, thật tội nghiệp. Khi nói chuyện về gia đình họ có vẻ day nghiêng và chán chường, giống như tâm trạng họ nhai một miếng thịt gân guốc, nhai mãi vẫn không tiêu hóa được, đành phải nhổ ra mặc dù họ không muốn làm vậy. Bây giờ chúng tôi đã bước sang tuổi già, nhìn cuộc đời không bằng bột như ngày xưa, chúng tôi trân trọng nhau, quý mến nhau. Trong lòng chúng tôi không còn những trách móc, tị hiềm hay oán hận, thù hằn, mà ngược lại chúng tôi thấy xót xa thương cảm về những trường hợp bất trắc như chính mình gặp phải vậy. Và một điều quan trọng chúng tôi trong lòng bao giờ cũng cảm thấy bao dung tha thứ, không cần biết lúc chia tay thuở đó lỗi thuộc về ai. Lỗi về ai, thì cũng đã rồi, đã qua. Tuổi trẻ không tính toán được những ân nghĩa mà chỉ tính toán được những tự ái vị kỷ, vì vậy đã đưa tới những nghịch cảnh mà sau những tháng năm nhìn lại thấy nó thật vô lý.

Dù sao đi nữa khi viết về một thời quá vãng, xin tất cả các bạn một thời là nhân tình của tôi, nhận nơi đây một lời xin lỗi chân thật nói lên tận đáy lòng của mình, dù trước đây sự việc tan vỡ cuộc tình do tôi hay không phải vì tôi. Nhưng ít nhiều trong đó cũng có tôi đã hình thành nên sự việc. Bây giờ ở vào cái tuổi của chúng ta mới nhận ra được giá trị chân thật của tình yêu, thì mọi chuyện nó cũng đã lỡ làng, đã được Thượng Đế an bài không thể thay đổi được. Dù sống thế nào bài học về kinh nghiệm cuộc sống, lý lẽ của trái tim bao giờ cũng dễ thương và đáng trân trọng. Nhân nhìn về những người xưa cũ, bây giờ mình lại nhìn về chính mình. Đời sống vợ chồng cũng giống như chén bát trong chạng, ba hồi cũng đụng nhau làm sao tránh khỏi, có cãi vả, có sóng gió, có bão táp nhưng chỉ trong tách trà. Sau những cơn địa chấn nhẹ đó mọi chuyện đều vào đấy. Bao giờ vợ cũng kính nể chồng, chồng cũng thương yêu vợ, tương kính nhau để sống. Chính vì lẽ đó mà không thể tách rời nhau được. Không ai tài giỏi cả, chỉ ý thức được trách nhiệm và chỉ có nhường nhịn nhau, đó là đỉnh đoạt mái ấm của gia đình.



Thái Bạch Vân

Yêu mãi

bóng nàng thơ

Sương pha mái tóc kiếp dâu tằm
Ý đẹp lời hay khúc nhã tơn
Cửa sổ vó câu tình vẫn đượm
Lòng sao yêu mãi bóng nàng Thơ

Vẫn vui thi nhạc chẳng ơ thờ
Lưu luyến một đời thỏa ước mơ
Tình tứ vẫn gieo khơi nhịp điệu
Thời gian dừng bước.. lắng hồn thơ

Tiếng ngâm dào dạt lòng hoang sơ
Nhạc khúc ly tao lượn lững lờ
Bóng nguyệt chập chờn rung đáy nước
Khiến chàng Lý Bạch khéo ngù ngơ

Thuyền tình nhàn nhã... sóng khua bờ
Thơm ngát hương hoa bóng tỏ mờ
Lã lướt cùng ai tiên tử mộng
Lòng sao yêu mãi bóng nàng Thơ!

Lời buồn trên đá

Kỷ niệm nào phôi phai
Lời buồn tô trên đá
Chợt mở bừng xót xa
Cho ngày dài héo hắt

Trời xanh ngả bóng tà
Mây hồng vương sắc xám
Lòng nhỏ giọt mưa sa

Đêm đọa đầy thức trắng

Bềnh bồng giữa ta bà
Bến mơ, thuyền trôi nổi
Cõi mộng chợt vỡ vàng
Nổi sầu buồn thăm thẳm

Ngày chảy dài Tha La*
Trường sơn im trải bóng
Nẻo tình bước lang thang
Nẻo đời du khắp khếnh

Đếm dòng thơ chứa chan
Đong tình thơ dấu ái
Vọng tình khúc sang trang
Đêm dài thêm, cô tịch
Buồn réo buồn miên man...

* Nổi buồn trên xóm đạo

Tứ tuyệt

Thái Bạch Vân

Hương hạnh phúc

Dòng đời mãi trôi... lặng lẽ trôi
Kỷ niệm nào rồi có pha phôi
Một thoáng bay bay, hương hạnh phúc
Dịu bước chân ta... đến cuối đời.

Chỉ thấy mình em

Giữa đám đông chỉ thấy mình em
Vì rằng mà lạ rứa... phải không?!
Bởi thương em đó... thương nhiều lắm
Niềm thương biết nói mấy cho cùng.



Vũ Linh

Độc Lục Bát

Hoàng Xuân Sơn

Họa sĩ Đinh Cường từ Virginia đến Houston triển lãm tranh lần thứ ba, lần này ngoài anh còn có Họa sĩ Nguyễn đình Thuận đến từ Nam Cali. Cả hai đã để lại cho giới thưởng lãm địa phương những ấn tượng sâu sắc về nghệ thuật sáng tạo và sử dụng màu sắc trong mỗi tác phẩm. Một già một trẻ cùng một trường phái nhưng mỗi tác giả có cách suy nghĩ và màu sắc riêng qua những bức tranh sơn dầu đã trưng bày tại Houston. Tại đây tôi cũng được hân hạnh gặp Hoàng Xuân Sơn và không ngờ anh và tôi có chung một người bạn Đinh Cường. Cái đáng quý ở anh, từ Quebec Canada bay sang để gặp gỡ và hỗ trợ bạn bè trong cuộc triển lãm vì rằng ngoài tài làm thơ, anh còn là một ca sĩ, một nhạc sĩ đã chơi đàn và hát chung với Khánh Ly trong đêm khai mạc phòng tranh tại Viet Art Gallery Houston ngày 19/01/2008.

Buổi đầu gặp gỡ, trong cái bắt tay tự giới thiệu về mình, tôi cứ mãi ngờ ngợ về cái tên Hoàng Xuân Sơn của anh, hóa ra anh chẳng xa lạ gì, là một trong số “mấy con ngựa” ở Thư Quán Bản thảo mà tôi quen biết và cũng mấy lần đọc thơ anh trên Tạp chí này. Mãi đến lúc cầm tập thơ “Lục bát Hoàng Xuân Sơn” do anh tặng, tôi có hơi ngạc nhiên và nhìn anh thêm một lần nữa. Sau mấy cái chớp mắt, tôi lật vội mấy trang, ngoài động thái lịch sự khi tiếp nhận một tặng phẩm, hơn thế nữa lại là một tặng phẩm chữ nghĩa. Một lẽ khác hay đúng hơn hai chữ “Lục bát” to đùng đứng trước tên Hoàng Xuân Sơn, nó đã làm cho tôi lúng túng và thậm khâm phục sự can đảm của tác giả mà tôi vừa quen biết. Vì rằng hơn năm mươi năm trước, tôi cũng tập tành làm thơ và thể loại tôi cho là khó làm được một bài thơ hay đó là Lục bát. Cho đến thời điểm này, ngoại trừ Nguyễn Du tiên sinh, một số thi sĩ tiền chiến cũng như về sau vẫn có những bài thơ lục bát hay xuất hiện nhưng vượt trội hơn cả, tôi nghĩ chỉ có Nguyễn Bính. Điều này rất có thể chỉ là cảm nhận của riêng tôi và với Hoàng Xuân Sơn tôi cũng chỉ ghi lại cảm nhận của mình sau khi đọc tập thơ do anh tặng chứ không hề làm công việc phê bình.

Nhìn một cách chung chung, văn học nghệ thuật nước ta kể từ sau 1954 cả hai miền đất nước có nhiều biến đổi. Ngoài Bắc xóa bỏ gần như hầu hết giá trị văn học nghệ thuật theo lẽ lối cổ xưa. Họ chủ trương văn học theo chiều hướng mới, văn học nghệ thuật nhằm phục vụ cho chế độ, cho con người mà đảng của họ đang nặn ra và hướng tới.

Trong khi Miền Nam cởi mở và tự do hơn, chấp nhận giá trị truyền thống cổ xưa đồng thời cũng sẵn sàng tiếp nhận những nhóm chủ trương đổi mới, sáng tạo trong lãnh vực văn học nghệ thuật, trong đó hội họa và thơ là rõ nét nhất. Cho đến sau 1975 những Văn nghệ sĩ Miền Nam lưu vong tiếp tục làm công việc đó và dường như những năm gần đây trong nước cũng có những biến chuyển đáng kể trong lãnh vực này. Tuy nhiên cho dù trong nước hay hải ngoại đã và đang làm cái công việc đổi mới trong lãnh vực văn học nghệ thuật nhưng đa số chủ trương một bài thơ, một bản nhạc và đặc biệt trong lãnh vực hội họa, tác giả sáng tác với cảm xúc, bằng suy nghĩ của riêng mình trong mỗi tác phẩm. Nhà phê bình cũng như những bậc thầy các trường phái, chưa chắc đã hiểu hết ý nghĩa của nó nếu không được sự diễn giải của chính tác giả, cho dù mỗi trường phái đều có những qui ước chung để đi vào thế giới của họ. Bởi thế, người thưởng ngoạn tác phẩm nghệ thuật bây giờ, không đơn thuần chỉ nhìn hay sờ mó mà cần vận dụng đến sự suy nghĩ nhiều hơn, óc tưởng tượng phong phú hơn, may ra mới bắt gặp những điều tác giả muốn nói trong tác phẩm.

Trở lại với tập thơ Lục bát Hoàng Xuân Sơn, phần mở đầu tác giả ngỏ:

Ừ! xem sáu tám ngược đời
chữ ngắt ngư chữ câu đòi đoạn câu
gọi rằng lục bát nằm lâu
ể mình đứng dậy thành câu thơ rời

Lời ngỏ này chẳng khác gì qui ước để đọc những bài thơ của anh và được tác giả minh họa ngay ở lời ngỏ bằng những “câu thơ rời” hay cũng có thể nói chữ ngắt ngư chữ câu đòi đoạn câu:

Ừ! xem
sáu
tám
ngược đời
chữ ngắt ngư
chữ
câu đòi đoạn
câu
gọi rằng
lục bát nằm lâu
ể mình đứng dậy
thành
câu thơ
rời

Chúng ta được Hoàng Xuân Sơn trao cho chìa khóa để mở cửa đi vào thơ của anh. Bên cạnh đó, chúng ta còn bắt gặp những cái dấu chấm nữa đời nữa đoạn như:

Cám ơn em, chiếc cổ tròn
vô thân áo. ăm. chút nồng nàn. xưa
cám ơn em vật trời mưa
nước hắt lưng. trộm. vai đùa cợt. hương
- - - - - (Cám ơn, trang 67)

Hay như là:
Nghiêm. đi qua đó. mặt buồn
mà trắng sáng rỡ đêm. khuôn hạ vàng
óng mềm hệ lụy đa đoan
thương vương mây cỗi xanh. toàn vẹn. im
thơ khúc mắc. dấu chấm. ghim
con rung hồi hả nghe lìm lìm. trôi
đừng nói. đừng. thêm nặng lời
mặt nghiêng qua đó
buồn khơi lạc dòng
- - - - - (Hạ tuyên, trang 108)

Những dấu chấm như thế rải rác trong khắp thơ anh và 141 bài thơ lục bát, không có một dấu chấm nào được sử dụng một cách bình thường cũng như không bài thơ nào có dấu chấm câu. Bên cạnh đó, anh còn dùng ký hiệu thay cho chữ (trang 40, 55 ...) và còn trình bày một bài thơ theo một hình thể nào đó (trang 10, 31, 49, 67...) mà chỉ có anh mới giải thích được. Tại sao ư? Tất cả những dòng thơ vắn vẹo, rơi rớt, bất thường này của Hoàng Xuân Sơn đã được một người “chữ nghĩa bẽ bẽ” Cao Vị Khanh, tác giả “Lệ từ nét ngang” giải mã trong lời bạt cuối tập thơ.

Chúng ta cứ tạm thời chấp nhận lời giải của Cao Vị Khanh trong nhóm Thư quán Bản thảo, vì anh là người gần gũi nhất với tác giả và có thể hiểu được Hoàng Xuân Sơn (Cùng ở Canada và làm việc chung sở) Tuy nhiên 141 bài thơ trong Lục bát Hoàng Xuân Sơn, ít ra anh cũng còn giữ được 15 bài “y như hồi nào tới giờ”, thế là thế nào đây Hoàng Xuân Sơn và Cao Vị Khanh?

Mọi việc xin hãy tạm để đó. Chúng ta đi xa thêm một chút về Hoàng Xuân Sơn, ngoài việc làm thơ anh còn sử dụng đàn, chơi nhạc cổ điển và hát những bài tình ca của Pháp, Anh.... Từ đó, tại sao chúng ta không nghĩ “những câu thơ rời” là một lối “viết hoà âm” của những anh sành nhạc? Ở đây có thể dành cho nghệ sĩ ngâm, biết đâu mai này nó còn dành cho những bản nhạc được phổ từ thơ của anh!

Thật ra, nếu ta sắp xếp lại những câu thơ rời của 126 bài thơ viết theo lối “Soạn hoà âm” và 15 bài có sẵn thì Lục bát Hoàng Xuân Sơn vẫn “y như hồi nào tới giờ”!

Hình thức Lục bát Hoàng Xuân Sơn là như vậy đó, còn nội dung thì sao?

Như phần nhận định trên, đọc- xem- nghe- nhìn một tác phẩm bây giờ không thể không động não, nếu đơn thuần là “thơ Hoàng Xuân Sơn” thì không có gì để nói. Đẳng này chọn “Lục bát” tức là Hoàng Xuân Sơn chọn một thể thơ có nguồn gốc của nó, có những luật lệ riêng của nó. Ngôn ngữ, vần điệu làm cho những câu thơ dễ nhớ, dễ hiểu và dễ đi vào lòng người nhưng nếu chỉ đơn thuần chỉ có thế nó sẽ không hẳn là một bài thơ lục bát. Cái hay của lục bát là ở chỗ đó, cái hay của Truyện Kiều cũng ở chỗ đó, cái tài tình của Nguyễn Du cũng ở đó. Và nếu ngày xưa, điển tích có một vị trí nào đó để làm nên thể thơ lục bát trong Truyện Kiều thì nay “lập thể, trừu tượng, siêu thực” là những thứ không thể thiếu trong một bài thơ hay một bức tranh của những tác giả hiện đại. Nhưng nếu vận dụng quá đáng hình thức trên, nhiều người cho đó là thơ văn thuộc loại “cõi trên”, chỉ có tác giả và thượng đế may ra mới hiểu được. Truyện Kiều trước đây đã đưa vào chương trình giáo dục ở Miền Nam, điển tích trong truyện đã làm cho người học nó mất ăn mất ngủ trong lúc thi cử. Cái khó của Lục bát là chỗ đó và Lục bát mãi mãi là Lục bát cũng ở đó, cho dù Hitler có lập thêm mấy ngàn lò thiêu thì người Do thái vẫn còn, nước Nhật có phải gánh chịu thêm mấy trái bom nguyên tử thì nước Nhật vẫn của người Nhật. Và cho dù có trải qua bao thế kỷ nữa thì thể thơ lục bát, Truyện Kiều Nguyễn Du vẫn “y như hồi nào tới giờ”!

Hoàng Xuân Sơn có lẽ cũng đã nhận ra lý lẽ này nên dù “thơ khúc mắc, dấu chấm ghim” nhưng nếu sắp xếp lại nguyên thể, chúng ta vẫn thấy những câu 6-8 mượt mà thân quen dễ hiểu và dễ nhớ:

Sáng nghe chim nhạn kêu bày
mới hay biến động mùa cây lá tàn
không chừng mây bão lần sang
núi chân người ở lang thang dậm về
- - - - (gọi bày, trang 11)

Lòng anh muốn nói đôi khi
nhìn con nắng hẹn nhớ gì mây bay
đêm trăng đòi hú gọi bày
sói hoang đồng nội nhớ ngày đi rong
lòng anh cũng muốn khóc ròng
sông xanh quê ngoại nắng hồng ngõ mai
sợi giảng tơ nhện u hoài
con chim sẻ nhỏ cùng thời lớn khôn.
- - - - - (tin thơ, trang 46)

Và bây giờ chúng ta thử lấy một bài thơ viết theo lối “hòa âm” của tác giả, sắp xếp lại theo trật tự của nó:

Buồn buồn công chị đi chơi
bé em ra ngõ nhà người nói thơ

hát cho đỡ tủi cơ đồ
trăm câu thân ái ru bờ bụi hoang
đầy thơ cho đựng bát vàng
ngiên trắng nhân loại bình an rót về
vịn em thơ đứng giữa hè
thấp tình chị sang mù mê bụi hồng

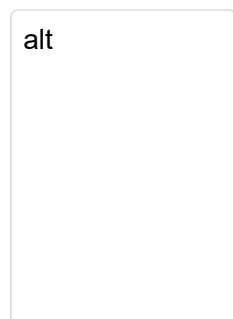
(Chị em thơ, trang 52)

Bài thơ chỉ có tám câu nhưng được sắp xếp lại, có ai nói đây không là bài Lục bát hoàn chỉnh với đầy đủ ý nghĩa của nó?

Thơ Hoàng Xuân Sơn chuyên chở tình người, tình bạn, sự rung động trước thiên nhiên và lay quay trong kiếp trầm luân. Tuy có thôn thức, có dâng trào, có nức nở qua những cái dấu chấm dứt đoạn chia lìa, những con chữ rơi rớt nhưng cũng chỉ là những bước fantasy của một điệu nhảy, vừa cổ điển vừa hiện đại của một nghệ sĩ chơi đàn và hiểu biết về âm nhạc.

Trong bất cứ lãnh vực nào sự sáng tạo và đổi mới cũng là điều cần thiết. Riêng lãnh vực Văn học nghệ thuật nước ta cũng đã làm những công việc này từ thế kỷ trước, rõ nét nhất là trong 2 lãnh vực thơ văn và hội họa. Tùy theo quan niệm về nghệ thuật để trả lời cho câu hỏi sự sáng tạo và đổi mới đó đã thuyết phục hay được chấp nhận đến mức độ nào. Nói gì thì nói, một thế kỷ cũng đã qua vẫn chưa có tác phẩm nào thay thế cho Truyện Kiều của Nguyễn Du và thế giới cũng chưa có họa phẩm nào khả dĩ hấp dẫn nhiều người như Mona Lisa của Vinci. Chính vì thế những người làm Văn học nghệ thuật vẫn phải tiếp tục tìm tòi, sáng tạo và đổi mới.

Tóm lại Lục bát Hoàng Xuân Sơn tuy hình thức mới lạ, mang tính sáng tạo và hấn anh cũng đã hiểu bên cạnh sự sáng tạo bao giờ cũng có sự đào thải, sẵn sàng ngồi chờ. Có lẽ vì thế, không ít thì nhiều anh vẫn giữ lại cái truyền thống của Lục bát, một loại Lục bát Hoàng Xuân Sơn với những âm điệu dễ nhớ, lời thơ dễ hiểu hay nói cách khác “vẫn như hồi nào tới giờ”!



Lê Hữu Minh Toán

Tình thơ tuyệt vời

Khuya nghe tiếng thở dài

Ngoài hiên mưa rả rích

Buồn réo buồn chơi vơi
Sầu réo sầu cô tịch

Ta yêu nhau một đời
Đường tình, dây oan trái
Đừng thở than người ơi
Hãy để lòng vương trái

Chuyện tình thơ sáng rỡ
Đẹp tựa ánh trăng soi
Hai vì sao sóng bước
Không còn thấy lẻ loi

Ta ôm choàng hạnh phúc
Đan mười ngón tay mềm
Hồn thơ... Ôi choáng ngợp
Hương nồng, khấn khít thêm

Như loài hoa nở muộn
Giữa đông tàn lẻ loi
Nhánh sông đời gợn sóng
Tình thơ, Ôi tuyệt vời...

Bóng nhớ

Xin đừng bắt bóng
Thả rong giữa ngày
Ai đi trong nắng
Bóng ngã trên tay

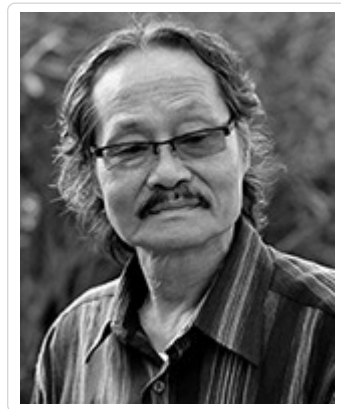
Tôi thả nắng tắt
Trên vai em nghiêng
Ngày dài vuột mất
Tình đau muộn phiền

Em giờ đã đi
Có còn quay lại
Tình vẫn đôi khi
Buồn ơi, tê tái

Soi gương giấu mặt
Mờ mịt cõi đêm
Bóng ai chìm khuất
Tôi mỗi mắt tìm

Em về trong mơ
Chập chờn hư huyền
Tôi mãi đứng chờ
Cuối trời tưởng vọng

Hỏi tội tình chi
Đọa đày bóng nhớ
Thôi biết nói gì
Tình ơi, trần trở...
tứ tuyệt



th.đoàn thý vân

Hoàng Tường:

NGƯỜI HÁT RONG

TRÊN NHỮNG DẠM DÀI NGHIỆT NGÃ.

Khi buông phím
Mười ngón tay nhỏ máu
Dấu ấn giang hồ
Trên thành gỗ lạng càm.
Và từ đó
Tiếng trầm tiếng bổng
Tiếng nhật khoan
Gợi nhớ quê nhà.
Anh ở thôn tư

Còn tôi ở phố

Phố thôn, thôn phố một đường thôi.

Người mãi mê theo dặm dài ca hát

Lưu xứ ai về thăm xóm tôi...

Khi Hoàng Tường nhận được đoạn thơ dờ dang này, tự dưng cảm xúc dâng trào và anh định đưa ngay vào nhạc. Thế nhưng, tác giả đoạn thơ trên vốn không phải là nhà thơ chuyên nghiệp chỉ là người mến mộ tiếng hát Hoàng Tường – Lại có ít nhiều ngẫu hứng với thi ca, đã vội vã yêu cầu Hoàng Tường đừng phổ nữa, bởi lẽ, để tìm ra một giai điệu (melody) thích hợp, chắc chắn người ca nhạc sĩ này phải để lắng tâm tư ru mình vào nốt nhạc. Nhưng đoạn thơ nửa vời chưa nói được gì. Hoàng Tường ngậm ngùi chịu ý tác giả. Cho đến nay giây phút cảm hứng kia vẫn còn là nỗi uẩn ức với Hoàng Tường. Cứ như là Yêu người mà người chẳng yêu ta.

Với tôi nói riêng và với những người Việt lưu xứ yêu nhạc, đang tạm cư ở vùng Nam Hoa kỳ này có lẽ không ai là không biết đến Hoàng Tường, người Ca nhạc sĩ đem tuổi đời thách đố với thời gian này là một trong những khuôn mặt được mến mộ của Nam Hoa kỳ nói riêng và Hải ngoại nói chung. Anh đã có trên dưới 10 Album ca nhạc riêng và chung. Số lượng không nhiều lắm nhưng lại chuyên chở một số lớn chất lượng đến người thưởng ngoạn.

Sáng tác của Hoàng Tường hàm chứa nhiều tâm sự của những người biệt xứ

Dù dưới hình thức nào – Một môi tình quê, đã xa, rất xa – một thời quân ngũ đã quá rã rời – một người mẹ hoài mong con trẻ, một người cha mơ thấy cò vàng, đàn em nhỏ chỉ còn trong trí nhớ mù khơi... và Hoàng Tường đã khởi đi từ đó, gắn bó với những dặm dài âm nhạc nghiệt ngã của riêng mình.

Tự tôi thường cho mình một ly rượu ngọt và buông tay trôi theo nhạc Hoàng Tường, trên dòng sông âm vang ấy, lãng đãng với khói sương tôi bắt gặp Hoàng Tường đang xót xa trước một cảnh hoa héo nhưng lại cũng đang gan góc hùng hồn thách đố với những nghịch lý của cuộc đời.

Giai điệu của anh, tiếng hát của anh có một chút gì Duy Khánh, nhưng không là đặc sản địa phương xứ Huế, có chút gì Chế Linh nhưng không là rên rỉ bi ai đến thê thiết rợn người của những bóng ma Chàm trên ngôi tháp cổ, lại có chút gì Nhật Trường nhưng không là điểm trang để mộng thường hóa ảo.

Hoàng Tường là Hoàng Tường, Một tổng hợp tuyệt vời giữa trùng trùng âm điệu để một đàn, một hát một rong chơi . Với chất giọng kim pha thổ nên anh vẫn thường tự mình xoay xở trên những cung bậc khác nhau của thế giới âm thanh vốn vô cùng vô tận. Có những lúc tiếng hát anh cao vút như mũi kiếm chọc thủng trời xanh. Lại có lúc rơi xuống hút hẫng trong tận cùng đáy vực thâm u. Và nét đặc trưng khó ai có được là giữa cái cực cao và cực thấp đối với anh dường như không biên giới. Tiếng hát anh là ngọn gió thổi đưa sóng nhạc, như chiếc đũa thần phù phép khi đưa lên thì ngàn

sao lay động và khi hạ xuống thì lặng lẽ như hơi thở nhẹ thoảng hương trầm mời gọi si mê.

Hoàng Tường không thuộc về những người làm nhạc nghệ thuật thuần túy (Art song) thường được hâm mộ ở thánh phòng. Lại cũng không là thành viên đơn thuần của âm nhạc quần chúng (Popular song) thường được phổ biến ở nơi công cộng .

Anh là cái gạch nối giữa hai thể loại trên, Có ai đó đã nói rằng, những lúc cao hứng Hoàng Tường chỉ với cây ghi-ta cũ cất lên những nhạc khúc tiền chiến vốn soạn riêng cho những dàn giao hưởng, chính anh đã đưa hơi thở thánh phòng đến với quần chúng và giúp quần chúng cảm nhận, thâm âm nhạc thánh phòng. Hoàng Tường là một kết hợp hài hòa giữa uyên bác và bình dân. Không khoa trương, không hợm hình – lặng lẽ nhưng vô cùng sôi nổi.

Rất tình cờ, tôi gặp Hoàng Tường một sáng mùa Đông bên thềm Cầu lạc bộ Bụi Vàng, chủ xưởng bởi nhà thơ Lan Cao (hỗn danh là Tống Giang của văn nghệ sĩ lữ thờ). Ở đây có cái vị thơm riêng của Cà phê thứ thiệt, phảng phất hành lang Thanh thế, góc nhỏ Givral, âm thầm La pagode. Có Paté chaud gợi nhớ bánh mì Bưu Điện Sài Gòn, có Jambon thịt nguội đưa cay cho những lưu linh hiền triết bất phùng thời. Ở đây là nơi gặp gỡ của những nghệ sĩ yêu chuộng tự do phóng khoáng, của những hảo hán không được vợ hoan nghênh. Ở đây, có đầy đủ Cầm – kỳ – thi họa. Có những mơ ước thăng hoa và cũng không thiếu những trầm tư thất chí.

Quán Bụi – dĩ nhiên không thể thiếu Hoàng Tường, người nghệ sĩ tài hoa này là một trong những quý khách ít khi có tiền lận lưng và vì thế cuốn sổ ghi nợ của nhà thơ Lan Cao mỗi lúc mỗi dày thêm tình nghĩa .

Hoàng Tường siết tay tôi thật chặt, dù chỉ mới hạnh ngộ lần đầu. Điều gây ấn tượng đậm đà nhất trong tôi là nụ cười – vâng – Hoàng Tường có nụ cười hiền như Bụt và ánh mắt luôn sáng lên rạng rỡ, khác với Hoàng Tường trên sân khấu. Hoàng Tường bằng xương bằng thịt trước mặt tôi là một mẫu người hiền hòa nhất mực, phong thái điềm đạm, tôi có cảm giác như đang đứng trước một nhà mô phạm. Cái chất nghệ sĩ tính của anh chỉ hiện rõ khi anh xoa tay cười cười và lắc lắc mái tóc mềm dài phủ gáy.

Hoàng Tường đặt nhẹ ngón tay trên thành ly bia sủi bọt, lịch lãm như một người sành điệu, anh nhấp từng ngụm nhỏ và từ đó hé ra một góc riêng tư. Hoàng Tường trưởng thành từ một vùng biển miền Trung đầy gió cát, say mê ca hát từ thuở thiếu thời.

Món quà quý giá nhất trong đời anh là món quà của Bố: Một cây Ghi-ta phần thưởng khi anh thi đậu vào đệ thất. Từ đó, anh không phải lội bộ hằng bốn năm cây số để ra phố chợ họp bạn nghe đàn. Cũng từ đó vương sơn đất nhà anh, có vườn cây Thanh Long bao bọc, đêm đêm khi ánh sáng đèn bật lên ủ ấm trái Thanh Long thì cũng là lúc tiếng đàn, giọng hát của những ca nhạc sĩ tương lai được dịp cất lên-hòa điệu với những làn gió muối từ bãi xa đang khẽ thì thảo. Và thánh giả ngoài những bạn cùng trường còn có cô bạn láng giềng con ông thầy dạy nhạc, lớn hơn anh hai tuổi vẫn thường khép

mình bên cửa sổ lắng nghe. Và chính những tiếng vỗ tay tán thưởng của cô bạn ấy đã đẩy anh đến với môi trường sáng tác-tình yêu cũng nở hoa theo từng nốt nhạc. Từ đây cho đến mãi sau này, trong nhạc anh lúc nào cũng ẩn hiện ít nhiều hình ảnh cô láng giềng dễ thương kia.

Hoàng Tường gật gật đầu, có chút ngậm ngùi và dường như đang nói với chính mình: cho đến nay vẫn thế, cô ấy, con ông thầy dạy nhạc đầu tiên, vẫn còn trong ký ức. Tiếng hát Hoàng Tường đã vươn dài theo những lá Thanh Long để tìm sang bên ấy. Tiếc thay cô bạn láng giềng không bao giờ còn được nghe Hoàng Tường hát nữa- Trên đường vượt thoát tìm tự do cô ấy đã chọn đại dương làm nơi an nghỉ để khỏi rơi vào tay hải khấu, ngọc trầm thủy thượng lâu rồi. Tôi cảm nhận được cái mát mát ngoài ý muốn kia và mỗi tình dở dang (tôi tạm gọi như thế) có lẽ đã tác động không nhỏ vào nội tâm của Hoàng Tường. Do đó khi nghe Hoàng Tường hát lên những nhạc khúc buồn – luôn luôn đọng lại những hạt thủy tinh chứa nhiều trắc ẩn. Nói như thế không có nghĩa là Hoàng Tường chuyên hát nhạc buồn. Ngược lại, như đã nói ở trên, Hoàng Tường là một nghệ sĩ đa dạng, anh không lệ thuộc vào một trường phái nào. Bằng chứng chúng ta có thể lắng nghe những lời tình buồn, lại cũng phần khởi hào hứng với những nhạc khúc đậm tính chiến đấu. Tuy không rõ ràng thách đố như chủ trương của Phong Trào Hưng Ca, nhưng cũng không thiếu cái hùng khí kiêu hãnh của một cựu quân nhân.

Hoàng Tường luôn chùng mực, dễ mên trong những trang phục giản dị, Cây Ghi –ta ngang tầm tay với, anh thường hát say mê như dồn cả máu tim mình vào ca khúc, Hoàng Tường lại càng thu hút hơn mỗi khi anh xuất hiện trên sân khấu với bộ quân phục thân quen của người lính QLVNCH và anh hát về lính như những ngày nào đi hát ở tiền đồn.

Hoàng Tường, ngoài chất giọng ,tài năng, sáng tác, còn được biết đến như một người hoạt động xã hội không mỗi mội, sự đóng góp của anh cho cộng đồng người Việt hải ngoại không những bằng lời ca tiếng hát không thù lao cho các hội đoàn, cơ quan từ thiện, cơ sở tôn giáo... Mà còn bằng chính những lợi nhuận thu được từ các Album nhạc của anh. Việc làm đầy ý nghĩa và âm thầm ấy chỉ có một số ít người biết tới.

Ngoài đời anh hào phóng, cởi mở bao nhiêu thì trong lãnh vực sáng tác anh rất chọn lọc và cẩn trọng, anh là một trong những nhạc sĩ hiếm hoi thích đưa thơ vào nhạc.

Và vì thế nhạc anh vẫn thường gây ấn tượng cho những người yêu thích thi ca và thử hỏi người Việt ta ai mà chẳng tích lũy một số thi ca làm vốn, Hoàng Tường đến và gần gũi với quần chúng từ sở thích trên.

Kẻ viết bài này thực sự không phải là một người sành nhạc, nhưng khởi đi từ những làn điệu thi ca, tôi thực sự mến mộ Hoàng Tường. Tôi cảm ơn quê hương đã nuôi dưỡng Hoàng Tường từ trong gió cát – Cây xương rồng cuối cùng đã trở hoa.

Tôi ghi lại những dòng này không có ý đánh bóng tên tuổi của Hoàng Tường. Bởi vì tự anh đã phát sáng – Ghi lại để kỷ niệm một gặp gỡ đầy hạnh phúc giữa xứ người lưu lạc

tha phương.

Cám ơn Ca nhạc sĩ Hoàng Tường, người hát rong không mệt mỏi, cám ơn câu lạc bộ Bụi Vàng, cái lữ điểm cuối cùng trước khi xuống thuyền vào Lương Sơn Bạc, Cám ơn nhà thơ Lan cao người chủ nợ đầy hào sảng và cám ơn những ly bia Hoàng Tường trả hộ, đã cho tôi thêm nhiều hứng khởi để làm thơ.

Và như một chia sẻ tâm sự với Hoàng Tường tôi tạm mượn chút ý tình của thi sĩ Nguyễn Hữu Nhật viết từ Na- Uy xứ lạnh tình nồng, thay cho lời kết:

..... Vì em anh biết yêu đàn / Tơ rung lời gỗ chứa toàn máu say/ Biết ai thương đời ngón tay...

Tôi dừng lại ở đây khi chương trình nhạc yêu cầu vừa phát với những ca khúc trích từ CD mới nhất của Hoàng Tường: Ta Không Thể Làm Ngơ. Vâng – làm sao làm ngơ được với một ca nhạc sĩ mà tâm huyết đã dành trọn cho phong trào tranh đấu đòi dân chủ và nhân quyền vì thế mỗi một ca khúc là một tin thời sự nóng bỏng.

Nhạc của anh như những trang nhật ký không thể thiếu của người Việt lưu vong.

Bạn tôi ơi! ly rượu vẫn chưa vơi.

th.đoànthyvân

LƯU THÁI DZO

Qua đôi mắt em

Ta giữ trong tim kỷ niệm buồn
Từ em chưa nhạt phẩn, phai son
Từ ta, gương sủng còn chung mộng
Thì bỗng Hưng Thần cướp miếng ngon.
Thưở đó Trời cho ta vận may:
Hậu phương, tiền tuyến nhớ thương đầy
Mở đường giầy nóng trao tình vội
Ngõ trời chim trời hết lượn bay.

Tình ta chỉ có nợ, không duyên
Nên tuổi so le lẫn bạc tiền
Ngăn cách tình đầu non độ chín
Dù thề hẹn, vẫn dễ chao nghiêng.
Ta giữ trong tim môi mắt em
Nhắc ta thương nhớ mắt môi hiền
Của từng em gái Quê Hương mẹ
Hóa món hàng rong bán lấy tiền

Trang trái nợ nần, chạy áo com

Tác vàng, tác đất đã không còn
Khi tay phù thủy vờn dài mãi
Tận xóm thôn nghèo, đói, ốm nhom.
Ta giữ trong tim kỷ niệm buồn
Từ em quên bên đờn chiều hôm
Từ ta thôi nhớ duyên tình cũ
Thôi, nhắc nhở nhau nhớ cội nguồn.



Xuân Bích

Đêm vui

Đêm vui nhìn lại dấu chân
tật nguyên trên lối di phần cô liêu
những bông hoa tím ban chiều
đủ cho đêm vắng dựng triều kén sâu
bâng khuâng cung thức vực sâu
nghe đêm róc rách bên cầu chơi vui
tình yêu đơn vốn không lời
người yêu điên vẫn gọi mời khổ đau
giận hờn là chuyện của nhau
niềm vui nước mắt loài sâu ái tình
cô đơn là của một mình
từ trong xa vắng hiện hình vào thơ
hôm qua rồi cũng bây giờ
ngày mai chưa đến vẫn ngờ là đây
gặp nhau là hẹn chia tay
mỗi người một ngã lưu đầy thời gian
mỗi tình yêu một bất an
mỗi người yêu một dối gian cho mình
con tim vờ vĩnh làm thính
đôi mi trầm cảm nghiêng mình hỏi nhau
bao nhiêu tuổi nhớ trong đầu
từ sau lắng đọng nghe đâu... quên rồi.

Nắng chiều

Nắng trong vườn
nắng cuối sân
nắng chia nửa ngõ đường chiều
và em nghiêng lời nói
con chim bé lẻ giạt mình
anh nhìn lặng lẽ
mái đình nghiêng xiêu
chiều đang xuống chậm
dung nhan ngày vong thân
tiếng gió gần
khơi thơm vòng khói nhớ
những ngón tay gầy
vây quanh ly cà phê tuổi vắng
hương đắng trầm
lén pha vào đăm chiêu
một hoài nghi cho câu hỏi
- có phải là tình yêu
trời cali hôm nay vui nắng
gió se mình trên lối thảo du
hồn thơ viễn xứ
hóa thân thiên
trong cụm đời han dã tượng
của một hoàng hôn quen lối.

Những khoảng sống xưa

vẫn nhớ không lời giải đất cha
những ngày chưa biết nói yêu và...
một đêm hà nội quầng mi mắt
ôm ấu thơ mình đi rất xa

thành phố ru đêm bóng đợi hình
bồng đầu mù mịt khói đao binh
một lần với Huế nhìn thương tích
nhớ bến văn lâu khúc tự tình

vẫn nhớ cho mình khoảng sống xưa

sài gòn hoa lệ nắng mưa mùa
lá me bay nhẹ se đường phố
và những đêm mòn chuyện đón đưa

chung bước quân hành căng mắt sâu
pleiku phố núi lạnh kinh cầu
gió lửa thao thức vào gang thép
trộm gửi linh hồn trong hỏa châu

sóng biển thành nha một tuổi trai
chinh y sồn động dẫu thương dài
say hồn cát trắng vàng đêm sáng
nhớ những hoàng hôn trên gót hài

nếu phải như từng nghe tiếng hoa
làm sao quên được lối sơn đà
những con đường giốc xanh tình tự
và gió đòi thông nhuộm nắng tà.



Song An Châu

Tình anh vẫn mãi đậm đà

Mong em về lại quê nhà
Tình anh vẫn mãi đậm đà như xưa
Dù rằng sớm nắng chiều mưa
Lòng anh tạc dạ, tình xưa vẫn còn.

Dù em góc núi đầu non
Mong em ngày tháng mỗi mòn nhớ nhung
Chừng nào trở lại miền Trung
Nhớ về quê cũ tương phùng anh mong.

Sông Hương nước chảy theo dòng

Giờ đây hết lũ, tiết đông không hàn
Nhưng anh đau xót vô vàn
Thương em xứ lạ có gian nan hề.

Bây chừ nặng gánh sơn khô
Nặng tình phụ mẫu trăm bề lo toan
Mằn rãng hết nỗi cơ hàn
Đôi đời anh sóc, bàng hoàng lâu nay.

Dù cho mù mịt đường bay
Nhớ về gói trọn tình này nghe em
Trăng khuya đã xế bên thềm
Hương xưa ngày cũ đáng em xuân thì.

Em về tìm lại những gì
Mà em đã mất lúc đi xa nhà
Tình anh vẫn mãi đậm đà
Mong rằng muôn kiếp đôi ta chung đường.

Tình vẫn mãi còn vương

Bên này trời vào Đông
Giọt nắng đã thôi hồng
Đêm về sương giá lạnh
Lòng tôi thấy trống không.

Tôi buồn như mây đại
Nhớ ai tháng năm dài
Mong ngày vui tao ngộ
Bên ai cùng đắm say.

Tôi buồn cho đời tôi
Nay mãi ở phương trời
Bao năm hoài chờ đợi
Nhưng người đã xa rồi.

Đã một thời luyện thương
Tình vẫn mãi còn vương
Nay em bên người mới

Tôi... bơ vơ bên đường.

Bây giờ còn nhớ không em

Anh bên này mùa Đông lạnh lẽo
Trời âm u cây héo trơ cành
Anh đang thêm một giọt nắng hanh
Để sưởi ấm lòng anh buồn tẻ.

Anh vẫn nhớ những buổi trưa hè
Tiếng ve sà sù kêu lên khe khẽ
Nghe hoang buồn vọng nhớ xa xăm
Nhớ tiếng em giọng nói thâm trầm.

Kề tai anh ngỏ lời tình tự
Như suối ngàn mát rượi lòng anh
Dù nắng trưa héo lá trên cành
Sao anh thấy lòng như tắm mát.

Bờ môi em cất lên tiếng hát
Nghe hồn anh bay vút lên cao
Trái tim anh rung động dạt dào
Ôi! thích quá da em mát rượi.

Tình nồng cháy bờ môi chót lưỡi
Anh thả hồn vào cõi thiên thai
Nghe ái ân như suối chảy dài
Từ ngọn nguồn ra ngoài biển cả.

Phiên khúc buồn

Nếu mai anh chết
em có buồn không?

Nếu mai anh chết
em có thấy trong lòng
mất một người thân vừa rời cõi thế?

Nếu mai anh chết
em có nhỏ đôi dòng lệ
khóc một người vừa cất bước ra đi?

Nếu mai anh chết
anh không ao ước gì
chỉ mong em đừng hờn giận

Vì khi anh sống
trên đời
chưa trọn nghĩa yêu em.
Về hưu

(Đoản văn)

Ngày mong đợi cũng đã đến. Như con ngựa già kéo chiếc xe đời lên dốc. Trên xe chất đầy hành trang “hỉ, nộ, ái, ố” mà cục buồn, thương, giận hờn to tổ bố đã trì kéo chiếc xe đời cũ kỹ, tuổi thọ đã cao, chưa đến đích đã quy ngựa giữa đường đời đầy chông gai, vạ dậm...

Một kiếp người có là bao, nếu đếm thời gian bằng những phiến lá xanh tươi đầy niềm vui, thương yêu, triu mến; đằng này những chiếc lá úa mùa thu buồn bã, khô héo càng ngày càng đổ dồn lấp cả những hạnh phúc nhỏ nhen của cuộc đời ...nên thời gian kéo dài như vô tận.

Qua bao quanh co, gềnh thác, suối sâu, vực thẳm trên đường đời đầy chông gai, sỏi đá ũng chồn chân mỗi góit rồi. Thôi. Xin dừng lại đây. Không phải để ngắm trời mây, non nước... mà để ôn lại nỗi đau, ê chề càng ngày càng lớn dần như chiếc bong bóng được dòng đời bơm hơi sắp nổ tung, tàn lụi.

Ở cái mốc thời gian gần kề “thất thập cổ lai hi”, chiếc xe cũng long óc, gãy càng, xẹp bánh...đâu còn muốn tranh đua gì nữa, đâu còn sức lực gì mà rướn tới ...

Nhìn lại đoạn đường đi qua...đâu làm được những gì ích lợi cho bản thân, gia đình, tha nhân và đất nước. Những kết quả sau những tháng năm dài nỗ lực kéo chiếc xe đời chỉ là hạt cát trên biển buồn sa mạc.

Những cái bắt tay, những vòng ôm thân thiết, đi kèm theo lời nói “goodbye, good luck, congratulation!” của những người đồng nhiệm, đồng sở, khác màu da, không cùng quê hương chỉ thoáng qua như làn gió mát vuốt ve trong buổi trưa hè nắng gắt.

Không như con trâu già bao năm kéo cày trên ruộng đồng thay thế sức người, trả công

nuôi dưỡng cho nhà nông và một ngày nào đó còn là một món thực phẩm ngon trong bữa tiệc tùng cho gia chủ.

Tôi, nay như chiếc xe thô mộc cũ kỹ, hết xài, vứt bên hông cạnh bên xó nhà, không biết ai thấy còn tiện ích lấy để trồng rau, trồng hành, tạo hương vị cho đời trong những bữa cơm nghèo đạm bạc hay không ?

Xin cảm ơn đời, cảm ơn người đã cho tôi cuộc sống, dù cuộc sống không được an vui, như ý trên cõi đời này. Xin chào cuộc đời, xin chào mọi người. Nay tôi là chiếc lá cô đơn rụng bên đường đời, chờ ngày rũ mục

Ngày đầu về hưu

Atlanta ,GA, June 12,



Tiểu Thu

Phượng Yêu

Năm nay Mừng Một Tết rớt vào ngày chúa nhật, hên thiệt. Tuy sống hơn chục năm nơi xứ người xa vạn dặm, ông bà ông vải (có thể) ở hết bên Việt Nam, nhưng bàn thờ không có hương hoa trà quả, trên bàn không có tí mứt sen, mứt bí, bánh chưng, bánh tét, ngày mừng một không dọn được mâm cỗ cúng tổ tiên, Kim sẽ cảm thấy bứt rứt vô cùng! Tuy Tiến đã dặn rằng tháng này tuyết nhiều, đường sá trơn trượt, Kim lại có tật đi mau như ma đuổi, đi chợ một mình, tay xách nách mang rủi té gãy xương thì khổ! Kim dạ dạ cho chồng yên tâm.

Thứ bảy lo ăn sáng cho chồng con xong là nàng lái xe trực chỉ xuống phố Tàu. Chắc nhiều người cũng mang chung tâm trạng với Kim, nên mặc cho tuyết bay mù mịt, người ta vẫn chen lấn nhau nườm nượp trên vỉa hè. Tuy đã khệ nệ mang bốn năm xách đầy ứ, tới trước cửa tiệm Kim Phát, Kim chợt nhớ còn thiếu món hồng khô chưa mua nên bước vào. Tiệm đầy nghẹt khách hàng. Đang dáo dác tìm xem kệ nào có hồng khô, ánh mắt nàng chợt dừng một khuôn mặt quen quen. Linh tính báo động rằng đây không phải là một người quen thường, nên Kim ráng vận dụng trí nhớ...Thiếu phụ trạc bốn lăm, bốn sáu . Người cao dong dỏng. Tuy không son phấn nhưng làn da trắng mịn, mái tóc cắt ngắn ôm trọn khuôn mặt trái xoan. Ai có đôi mắt này? Đôi mắt to màu nâu nhạt dưới

rèm mi dài và cong như đôi mắt một phụ nữ Âu Châu. Thấy Kim nhìn mình chăm chăm, thiếu phụ mỉm cười, nhướn cặp lông mày, nhìn Kim như thăm hỏi. Nụ cười làm lúm sâu một đồng tiền trên má bà ta. Kim bước tới nắm chặt tay người đàn bà, hỏi dồn dập:

- Chị Phượng. Chị Phượng phải không?

Thiếu phụ cũng nhìn Kim chăm chú rồi reo lên:

- Kim. Trời ơi, không ngờ gặp lại Kim ở đây.

Trong cơn xúc động, hai người mặc kệ những đôi mắt tò mò, cứ ôm nhau nghẹn ngào. Miệng cười mà như mếu! Cuối cùng Kim nói:

- Chị mua đồ xong chưa? Phần em coi như xong, chỉ còn thiếu gói hồng. Xe em đậu ngoài parking. Chị lái xe hay đi bus? Chị Phượng cười:

- Kim biết cái tính thờ ơ của chị mà. Qua đây bốn năm rồi mà mỗi lần đi đâu cũng leo lên xe bus. Hôm nào các cháu rảnh mới nhờ chở đi được.

Mắt Kim sáng lên:

- Vậy hay quá. Bây giờ em đưa chị về đằng nhà em. Chị em mình tâm sự đã đời rồi em sẽ chở chị trả về nhà. Chịu hôn?

Phượng lắc đầu cười:

- Bộ chị không chịu rồi Kim tha hay sao? Cái tánh ngang ba làng cái không lại của cô tôi còn lạ gì chứ!

Kim cười hì hì :

- Chị hiểu em còn hơn ông Tín! Nếu ông cũng “hồng thêm” cái lại em như chị thì khỏe cho em quá chời!!! Đỡ tốn bao nhiêu là nước miếng! Thôi mình đi.

Phượng bật cười:

- Kim cũng như xưa, không thay đổi chút nào... Hai tiếng “như xưa” khiến Kim sững người.

... Ngày xưa có nghĩa là cách đây cả một phần tư thế kỷ. Cô nhỏ tên Kim theo mẹ lên buôn bán nơi vùng Tây nguyên của miền Trung xa thăm thẳm. Kontum. Một địa danh rất xa lạ đối với nhiều người. Nghe đến tên này, người ta chắc chắn sẽ hình dung một khung cảnh rừng thiêng nước độc, hùm beo lúc nhúc. Dân chúng chắc chắn thuộc loại nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi. Nhưng lạ lắm, từ công chức tới quân nhân, ai đã từng sống qua nơi miền cao nguyên cát trắng này, cũng giữ mãi trong tâm khảm một hình ảnh đẹp, thật đầm thắm, thật thân thương. Kontum được bao bọc bởi những rặng núi hùng vĩ . Có ngọn Ngọc Lĩnh cao nhứt miền Nam Việt Nam. Thác Yaly cao bốn mươi mét, đẹp không thua gì thác Prenn Đà Lạt. Muốn vào thị xã phải qua sông Dakbla. Con sông bắt nguồn từ trên núi chảy xuống, lượn vòng quanh như một cánh tay khổng lồ ôm trọn cái thành phố nhỏ bé vào lòng. Mùa hè, hàng phượng vĩ dọc theo bờ sông trở hoa đỏ rực rỡ, nghiêng mình trên dòng nước biếc. Đám mạ non xanh mơn mơn từ bờ sông chạy tít tắp vào tận chân núi xa xa màu xanh lam. Trên đỉnh thỉnh thoảng vương

vài đám mây trắng. Toàn bộ đẹp như một bức tranh tuyệt tác. Nhưng cũng như những người đàn bà đẹp, tính tình thay đổi bất chợt. Mùa mưa, nước trên núi theo sông đổ xuống âm âm. Giòng sông như con rắn lớn điên cuồng, trườn tới đâu cuốn phăng mọi thứ đến đó. Nhà cửa, súc vật, cây cối... May mà thành phố được xây trên cao nên không bị ảnh hưởng, chỉ tội những người ở dọc theo bờ sông. Dân Kontum hiền lành và hiếu khách. Người đủ mọi miền đổ về đây làm ăn. Nhưng phần lớn gốc Bình Định, Huế và Quảng Nam, Quảng Ngãi. Một ít người miền Nam như gia đình Kim, hoặc người Bắc như gia đình bác Đình hàng xóm. Con gái nơi này đẹp không thua các cô gái Đà Lạt. Độ cao của hai miền Cao Nguyên trờm trờm nhau thì không có lý do gì con gái miền này xấu hơn con gái miền kia?(đó chỉ là ý kiến riêng của Kim mà thôi). Bằng chứng là phần lớn các chàng độc thân dời lên đây, nếu không nhận nơi này làm quê hương (thứ hai), thì lúc dời đi nơi khác, cũng sẽ có cái đuôi thê nhi đề huê đi theo...

Ba mắt sớm lúc Kim mới lên mười. Má theo người anh bà con lên buôn gạo trên này. Lúc đầu anh Thiên trọ học ở Sài Gòn và Kim còn ở lại Cao Lãnh với ông bà nội. Khi cơ sở vững chắc má mới đón Kim lên theo. Anh Thiên đậu tú tài. Học luật được một năm, không hạp, nhảy qua văn chương. Một bữa đẹp trời đang cà lơ phất phơ ngoài phố Lê Lợi thì gặp ngay tên bạn nôi khổ lúc còn ở Trung Học. Hai tên kéo nhau vô Thanh Thế ăn trưa. Tài thuyết phục của ông bạn vàng này chắc thuộc vào hạng thượng thừa, nên chỉ hai tháng sau bà Hậu – má Kim – nhận được bức thơ của cậu quý tử báo tin đã nộp đơn xin đầu quân vào binh chủng không quân. Cậu mộng trở thành một đấng phi công oai hùng, xòe cánh bay trong bầu trời cao rộng!!! Với chiều cao trên một thước bảy và mảnh bằng tú tài đôi, cậu thấy không có gì làm cản trở cái giấc mộng tang bồng hồ thỉ của mình. Bà Hậu khóc mất ba ngày. Nhưng biết tính bốc đồng của con, bà hy vọng Thiên sẽ nghĩ lại. Nhưng bộ đồ bay đẹp quá, hấp dẫn quá. Mỗi cuối tuần, biết bao cô nàng hãnh diện được cặp tay đi dạo phố với người yêu trong bộ đồ bay bất hủ! Sau cùng bà đành chịu thua...

Kim vào đệ thất trường sơ. Trường rất con gái. Mấy chị đệ ngũ, đệ tứ, Kim thấy chị nào cũng đẹp. Cuối năm một số các chị lớp đệ tứ theo chồng bỏ cuộc chơi (tính nhỏ nên số đông học trò đều lớn tuổi. Thuở đó con gái mười sáu, mười bảy mà chưa có người rắp ranh bán sê, ông bà già sẽ lo sốt vó!). Ai muốn học cao hơn phải ra Đà Nẵng, Huế hoặc vào Sài Gòn, nhiều khê quá. Thôi thì lên xe bông là thượng sách! Kim lên đệ lục. Vẫn ngổ ngáo như một thằng con trai. Giờ ra chơi cột hai vạt áo dài nhảy lò cò, nhảy dây... Áo quần tét ngược tét xuôi. Bà Hậu la hoài đâm chán cũng mặc kệ.

Thiên ra trường dời lên phi đoàn đóng tại Pleiku. Hai thành phố cách nhau năm mươi cây số. Không có phi vụ, cuối tuần Thiên lái xe jeep vù về Kontum thăm nhà. Cũng để ăn trả bữa. Com câu lạc bộ nhiều hôm nuốt không trôi!!!

Từ khi Thiên khoác áo lính, bà Hậu đâm siêng năng đi chùa. Có tin có lành mà. Cối âm hay cối dương thì cũng như nhau. Quý Thần cũng như người phàm đều nhận hồi lộ tuốt

luốt. Cứ siêng năng cúng kiến, quỷ thần sẽ chở che, chuyện dữ hoá lành. Vì vậy cứ tới Rằm, bà cho chở lên chùa Cổ Sơn Môn nào gạo, nước tương, dầu ăn, tàu hủ ky v...v... để chùa nấu cơm chay đãi thiện nam tín nữ.

Rằm tháng giêng quan trọng đặc biệt. May lại đúng vào ngày chúa nhật. Từ hôm qua bà Hậu đã cho người chở mọi thứ lên chùa. Sáng nay chỉ còn ít nhang đèn, hoa quả. Thiên và tên bạn thân cùng phi đoàn về chơi từ hôm qua, sáng nay phải trở xuống Pleiku trực. Chàng tình nguyện đưa mẹ và em lên chùa trước khi đi. Tới cổng tam quan, Thiên xuống xe dành xách túi trái cây cho mẹ tới trước cửa chùa. Có hai người có lẽ cũng vừa tới trước độ vài phút, đang định bước vào chánh điện, nghe tiếng chào từ giã của Thiên thì quay lại. Nhận ra người quen, bà Hậu đơn đả chào:

- Chào bác Tuấn. Té ra bác cũng đi chùa bữa nay. Ủa cháu Phượng đây phải không? Bây giờ lớn trở mã đẹp quá bác nhìn không ra! Cô gái then thùng cúi đầu lí nhí chào bà Hậu. Bà quay qua Thiên giới thiệu:

- Con trai lớn của tôi đó chị. Chào bác đi con.

Thiên cúi đầu chào bà Tuấn một cách vô cùng kính cẩn. Vì bên cạnh bà, người thiếu nữ óng ả trong chiếc áo dài tơ tằm màu tím Huế, mái tóc nhung mềm gọn gàng trong chiếc băng đô cùng màu đẹp như một bài thơ!. Oí cụ Nguyễn Du ơi, cái câu “hoa ghen sắc thắm, tuyết nhường màu da” của cụ trong trường hợp này thiệt là trùng phóc! Mặc cho hai bà mẹ thăm hỏi nhau, cặp mắt Thiên không cách gì rời khỏi được khuôn mặt kiều diễm của người thiếu nữ. Trước đôi mắt cú vọ cứ dán vào mặt mình, cô gái ngượng ngùng lui lại núp sau lưng bà mẹ. Thấy ông anh đứng như bị trời trồng, Kim tức cười kín đáo cầu tay anh một cái:

- Anh Phú đợi anh ngoài xe kìa.

Thiên chợt tỉnh, vội chào mẹ và bà Tuấn, không quên nháy mắt với Kim. Tới nửa đường, không kềm nổi, anh chàng quay đầu lại lần nữa để kịp nhìn thấy cái lúm đồng tiền trên má của nàng. Trên đường xuống Pleiku, Phú hỏi gì Thiên chỉ ậm ừ, Phú chán cũng lặng thinh luôn!...

Cuộc tình Thiên – Phượng manh nha từ đó. Kim nhớ như in, chúa nhật sau, vừa về tới nhà là Thiên đã cuống quýt gọi:

- Kim đâu rồi. Ra đây anh hỏi cái này chút.

Kim đang đọc truyện trong phòng chạy vội ra:

- Anh Thiên. Có quà cho em hả?

- Từ từ. Giúp anh được chuyện này thì muốn gì cũng có.

Kim hăng hái:

- Được rồi nói đi.

Bỗng dưng giọng Thiên hơi ngập ngừng:

- Nhỏ biết cái cô...gì đó (làm bộ khờ!, tuy đã biết tổng nàng tên Phượng và đã gọi thăm tên em không biết mấy trăm lần suốt tuần qua...), mặc áo tím mình gặp trên chùa tuần

rồi hôn?

Kim gật:

- Chị Phụng học lớp Đệ Tứ trường em và có con em tên Nga học cùng lớp với em. Ồ mà anh hỏi chi vậy?

Thiên hơi lúng túng:

- Ngày mai Kim đưa cái này cho cô Phụng dùm anh được hôn?

Nhỏ dấy nẩy:

- Trời đất, bộ anh tính của chị Phụng hả? Thôi đi, nhà mình người Nam, chi người Huế...

Thiên cắt ngang, làm mặt nghiêm:

- Trời ơi, anh không ngờ mới nứt mắt mà Kim đã có tánh kỳ thị, phân chia Nam-Trung

-Bắc! Kim phải biết chúng ta đều là người Việt Nam.

- Xí, làm như em ngu lắm vậy đó! Tại con Nga nó làm phách một cây. Hờ hờ là vênh mặt lên, xưng mình là giòng hoàng thất này, hoàng thất nọ! Lớp em ai cũng ghét cay ghét đắng. Thiên nhăn nhó:

- Nga là Nga, Phụng là Phụng. Nhỏ Nga xí xon nhưng biết đâu cô Phụng hiền? Bữa đó anh thấy mặt cô hiền khô hà. Thôi ráng giúp anh đi mờ, muốn gì anh cũng chịu. Kim cầm phong thơ màu tím nhạt đưa ngang tầm mắt, thấy đề: Trao về Tôn-Nữ Hoàng-Phụng. Trên góc trái chỉ có mấy chữ tắt N.Q.T. Kim chu mỏ:

- Anh biết hết trơn rồi mà còn giả mù sa mưa, hỏi em này nọ.

Thiên cười hì hì:

- Kim quên cô Phụng có tiếng đẹp như trường Thánh Têrêsa rồi sao? Vừa mới tả cặp mắt cô thôi là đã có cả đồng thầy biết.

Kim gật gù:

- Hèn chi ngày nào tan trường cũng có cả đám con trai sắp hàng ngoài cổng. Thiên nhìn Kim, giọng đầy lo lắng:

- Chết cha. Vậy Kim cần phải giúp anh lẹ lên. Mất Phụng là anh....chêêêê!!!

Kim nguýt anh:

- Cái lương!

... Kim nặn đầu nặn óc tìm cách nào đưa thơ cho ổn thỏa... Thứ hai, giờ ra chơi, Kim cầm cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên (Rất có ý nghĩa trong trường hợp này!), có kẹp phong thơ của Thiên bên trong, mon men lên lớp Đệ tứ, lấy hết can đảm, tiến tới bàn của Phụng lúc đó đang say sưa đấu láo với cô bạn thân tên Bích, tay đưa cuốn sách miệng nói (thuộc lòng):

- Chị Phụng ơi, em đem chị mượn cuốn sách chị hỏi em hôm trên chùa.

Phụng ngỡ ngàng, nhưng hai tiếng trên chùa gợi lại trong trí nàng hình ảnh của một chàng phi công rất ư là tuấn tú, nên cầm vội cuốn sách, cười thẹn thùng:

- Cám ơn em.

Không đợi Phượng nói thêm, Kim vội vàng rút lui. Ra tới ngoài mới thở phào nhẹ nhõm! Cô nhỏ hồi hộp chờ đợi... Thứ ba, tư, năm rồi thứ sáu, Kim chờ hoài vẫn không thấy bóng dáng Phượng đâu cả. Nhỏ thở dài, thầm lo dùm cho ông anh yêu dấu! Tiếng chuông tan trường càng làm tăng nỗi thất vọng trong lòng Kim. Nghĩ tới bộ mặt chầy dài của ông anh mà lòng Kim buồn rười rượi! Ra gần tới cổng, một bàn tay êm ái đặt lên vai Kim làm cô nhỏ giật mình quay lại. Phượng đưa trả cuốn sách kèm theo một nụ cười và lời...cám ơn. Nỗi ngạc nhiên làm Kim á khẩu! Phượng đi rồi cô nhỏ mới lật cuốn sách ra coi. Một phong thư cũng màu tím dịu dàng nằm gọn giữa những trang sách. Thoáng cái đời đã trở lại màu hồng... Kim chưa bao giờ chứng kiến một hạnh phúc lớn lao như hôm trao lại cho anh bức thư của Phượng. Kim tưởng anh mình sắp phát điên vì sướng sướng. Sau khi đưa bức thư lên môi hôn cả chục lần, anh chàng si tình bèn vô buồng đóng chặt cửa lại. Tới bữa cơm phải kêu năm lần bảy lượt mới chịu ra...Suốt bữa cơm lại còn pha trò lia lịa!

Kim đành đóng vai chim xanh cho hai người. Cũng từ đó bài “Phượng Yêu” bất hủ của nhạc sĩ Phạm Duy bị giọng vịt đực của anh Thiên ngưu ngao suốt ngày:

- Yêu người như lá đổ chiều đông, như mây hồng chưa tím, như con giun ngược lên trời...hoặc Yêu người yêu Phượng yêu hoa đầu mùa. Yêu màu rực rỡ yêu em mù loà (cái này Kim còn hiểu chút chút, chớ khi anh trôi giọng thảm thiết: Yêu Phượng ta chết được ngày mai. Yêu như loài ma quái đi theo ai cuối chân trời...thì Kim cảm thấy bao nhiêu tóc gáy dựng đứng lên hết trơn, bởi con nhỏ trong đời chỉ sợ nhứt là...ma! Nếu có chàng nào cao hứng yêu Kim kiểu này thì chắc chắn con nhỏ chỉ còn có nước vắt giò lên cổ chạy càng xa càng tốt!)

Càng gần gũi với Phượng, Kim càng thấy nàng dễ thương. Khác hẳn con em lớ bịch(!), Phượng dịu dàng, tế nhị, đầy lòng vị tha. Càng ngày Kim càng có cảm tình sâu xa với Phượng. Chỉ khổ thân cho Thiên, ngoài những lần đậu xe trước cổng trường khi tan học, trao đổi với Phượng những ánh mắt, nụ cười gần như lén lút cho “đỡ ghìen”, không còn cách nào gặp mặt. Không lẽ đường đột tới nhà nàng? Ông già khó lắm – Phượng viết trong thư – Tới mà bị ông mời ra chỗ khác chơi thì mất mặt bầu cua lắm lắm! Nhưng Trời không nỡ phụ lòng người. Một hôm Phượng hớn hờ nói với Kim:

- Chúa nhứt này Bích mời chị qua nhà chơi. Nhà Bích bên Phương Hòa, mít đang chín rộ. Kim có đi với chị không?

Kim cười mím chỉ trả lời:

- Theo em chắc còn có người sẽ xin đi ăn ké với chị em mình nữa đó. Chị cho phép không để em còn báo cho “người ta” hay?

Phượng mắc cỡ đấm Kim thùm thụp.

Sáng Chúa nhứt Kim xách xe đạp chạy tới nhà Phượng, rồi cả ba (tất nhiên phải có con Nga xí xọn!) cùng gò lưng trên con ngựa sắt, thẳng tiến qua làng Phương Hòa. Làng này nằm phía ngoài thành phố. Phải qua cầu Dakbla, rồi theo đường liên tỉnh ngược

xuống Pleiku, độ năm cây số thì quẹo phải. Đây là một làng rất trù phú. Toàn nhà gạch mái ngói, có rào bao xung quanh. Nhà nào cũng có vườn cây ăn trái như nhãn, mít, ổi, măng cầu, cam quýt... Chỉ có soài không hợp với phong thổ miền cao nguyên. Lầy giống ngon ngọt tới đâu lúc đem về đây trồng, trái cũng sẽ trở thành chua lè như dấm!

Ba cô đạp xe trên con đường làng rợp bóng mát, nên không thấy mệt chút nào. Trước cổng nhà Ngọc Bích có hai cây lựu, trổ bông đỏ, rục rờ trên nền lá nhỏ lẫn tăn, xanh biếc như màu cẩm thạch. Ngoài hàng ba đã bày sẵn bốn chiếc ghế chung quanh một chiếc bàn gỗ tròn. Trên bàn đã có sẵn bình nước đá chanh và mấy cái ly thủy tinh. Nước đá chanh uống tới đâu mát rượi tới đó. Bốn cô còn đang chuyện trò như bắp rang thì ngoài cổng có tiếng xe dừng lại rồi tắt máy. Tám đôi mắt đồng loạt nhìn về cùng một hướng. Có gương mặt ngạc nhiên thật sự, có gương mặt cố gắng bày tỏ sự ngạc nhiên khi thấy hai chàng trai tuấn tú, trong bộ đồ bay trên chiếc xe jeep bước xuống và từ từ tiến vô sân, nơi các cô đang giải khát. Có tiếng reo vui:

- Anh Thiên. Anh Phú. Sao mấy anh biết tụi em qua đây?

Một giọng khác cũng không kém phần thích thú:

- Ủa Kim. Xấu quá. Đi chơi mà không thèm rủ tụi anh. Kìa cô Phượng. Không ngờ được gặp cô ở đây. Tụi tôi đi kiếm mua vài trái mít nghệ, đem xuống Pleiku làm quà. À xin lỗi các cô, đây là Phú bạn tôi.

Qua giây phút xúc động, Phượng lấy lại bình tĩnh:

- Hân hạnh được biết anh Phú. Đây là Ngọc Bích, bạn thân của tôi. Còn đây là em gái tôi tên Nga. Kim thì chắc khỏi phải giới thiệu...

Mọi người cười xòa.

Ngọc Bích vội vàng chạy vô nhà lấy thêm ly ra mời nước những người khách (không được mời!) mới tới. Thiên mở lời:

- Nhà cô Bích trồng nhiều cây ăn trái quá. Đứng đây mà đã nghe mùi mít chín thơm lừng. Không biết cô có thể nhin cho tụi tôi vài trái được không?

Bích vội vàng trấn an:

- Không sao, không sao. Trước lạ sau quen. Bích đãi mấy anh ăn thỏa thích ở đây, chừng về lấy thêm mới tính tiền. Giờ còn sớm để Bích dẫn mấy người đi xem vườn. Phía sau nhà mới nhiều trái cây. À, Phượng qua đây hà rầm, cứ ngồi đó chơi, không bắt buộc phải đi theo tụi này.

Nói xong Bích còn nheo mắt với Phượng một phát (Ra cái điều em đừng hòng giấu được qua!!) khiến cô nàng mắc cỡ hai má đỏ hồng. Trái với Phượng, Bích thật sống động và hồn nhiên, lại rất thông minh. Mới đầu Bích còn tưởng hai phe tình cờ gặp nhau, nhưng sau đó, những ánh mắt “không bình thường” họ trao cho nhau làm sao qua mặt nàng cho nổi? Thật ra không phải Phượng cố tình dẫu bạn, nàng chỉ ngại chưa có gì chánh thức, cả lớp biết rồi bàn ra tán vào rất phiền. Định bụng sau lần gặp gỡ này sẽ bật mí hết mọi chuyện cho Bích biết. Phú thì khỏi nói. Có điều gì mà Thiên không tâm sự

với cu cậu? Bữa nay tình cờ gặp được cô bạn của Phượng, Phú thích lắm. Tuy không đẹp mặn mà như Phượng, nhưng cách ăn nói và nụ cười của Bích rất thu hút. Ở người con gái, sự thông minh duyên dáng đối với chàng quan trọng hơn một sắc đẹp vô hồn. Vì vậy Phú bị Bích lôi cuốn ngay. Anh chàng hồ hởi nắm tay Kim kéo đi theo Bích. Kim cũng không quên nắm tay nhỏ Nga lôi theo. Sợ nhỏ ở lại sẽ làm kỳ đà cản mũi hai kẻ đang cần sự vắng vẻ và yên tĩnh!

Đột nhiên thấy chỉ còn một mình lơ lửng với Thiên, Phượng đâm hoảng, đứng bật dậy định chạy theo đám người kia. Thiên nắm tay Phượng kéo ngồi xuống, nói thật nhẹ nhàng:

- Ngồi lại đây với anh. Bộ anh làm Phượng sợ?

Phượng ngược mắt nhìn Thiên thật nhanh rồi cắn môi:

- Dạ không. Phượng có sợ gì đâu anh.

Trời ơi, cái giọng Huế sao mà nhẹ hẫng như tơ trời, lại du dương thánh thót như tiếng nhạc. Chưa gì mà anh chàng đã có cảm giác như hồn sắp bay lên tận chín tầng mây xanh. Phượng làm cử chỉ muốn rút tay lại. Nhưng thay vì buông ra, Thiên đưa bàn tay thon mềm của nàng lên môi hôn nhẹ. Phượng hoảng kinh dòm dáo dác:

- Dị quá anh! Coi chừng người ta thấy.

Nhìn nét mặt hốt hoảng của người mình yêu, Thiên tội nghiệp trả tự do cho bàn tay của nàng. Nhưng khi thấy ánh mắt đắm mê của Thiên và nghe chàng thì thầm:- Anh muốn cắn đôi môi ngọt ngào của em thì Phượng đưa vội bàn tay lên che miệng:

- Anh làm em sợ thật rồi đó hỉ. Nghỉ chơi với anh...

Thiên hốt hoảng:

- Phượng, Phượng đừng giận anh. Anh yêu Phượng đến phát... điên rồi đó. Không thương mà còn đòi nghỉ chơi với anh. Ác thật là ác! Rồi đôi liền qua "ton" khẩn cầu:

- Nói cho anh biết đi. Phượng có thương anh không? Nói đi. Nói đi mà. Nàng nhút định ngâm tẩm. Chàng thúc hồi nói đi, một lần thôi mà. Nàng lắc. Chàng đổi chiến thuật:- Bây giờ anh hỏi, có thì em gật, không thì em lắc. Phượng có thương anh chút nào không nè? Nàng mím cặp môi hồng, mắt nhìn xuống bàn, nhè nhẹ gật đầu. Thiên sung sướng quá, quên cả lời hứa, chồm tới, hai tay nâng khuôn mặt yêu dấu, đặt lên đôi đang hé mở một nụ hôn thật nồng nàn. Phượng mắc cỡ, vùng khỏi tay Thiên đi riết ra sau hè. Thiên đứng lại, thở mấy hơi thật dài để nén làn sóng xúc cảm đang dâng lên cuộn cuộn trong lòng. Nhưng cái miệng thật kỳ, muốn mím lại mà sao nó vẫn cứ tự động toét ra cười. Còn đâu nỗi ai?....

Chiều về Thiên nhân danh bà Hậu, mang tới nhà bà Tuấn – mẹ của Phượng – biếu một trái mít nghệ thật lớn, tỏa mùi thơm điếc mũi. Nhận ra con trai bà Hậu, là người vẫn cung cấp thường trực gạo ngon cho gia đình bà từ nhiều năm nay, mẹ Phượng vui vẻ nhận ngay. Thấy Thiên ăn nói lễ phép, con nhà đảng hoàng, ông bà Tuấn vui vẻ cho phép Thiên thỉnh thoảng ghé chơi. Thiên khôn khéo lấy lòng hai ông bà. Những mẹ

vật xưa như trái đất như khi đầu cờ với ông bố, chơi năm ván thì mình nhường cho ông ăn bốn. Bà mẹ có nhờ mua thứ gì trong P.X., tuy tốn hơn phân nửa tháng lương cũng ráng vui vẻ mà ngôn rằng:- Dạ, rẻ thôi mà. Bác nhận cho là cháu mừng... lúc nào cũng thành công mỹ mãn! Càng ngày Thiên càng vắng bóng trong những bữa cơm cuối tuần. Một hôm bà Hậu phải cần nhân:

- Kỳ hết sức. Lóng này sao vừa thấy bóng thằng Thiên chạy vô nhà, chưa kịp hỏi han gì hết là đã biến mất tiêu!

Kim cười nói ảnh đi châu mà má.

Bà Hậu không hiểu, hỏi lại:

- Cái gì đi châu?

- Là ảnh tới đóng đô ở nhà chị Phụng đó mà.

Bà Hậu tròn mắt:

- Phụng con bác Tuấn đó hả? Ừ, con nhỏ đẹp thiệt. Xứng đôi với thằng Thiên lắm chứ. Thấy mẹ vui, Kim đem chuyện Thiên – Phụng kể cho bà nghe. Tới đó bà nhứt định đợi Thiên đi chơi về, kêu ra hỏi. Rồi xúi hai đứa tính tới. Thiên áp úng thú thật thân mình lo chưa nổi, lấy gì nuôi vợ con? Bà Hậu âu yếm nhìn thằng con trai độc nhưt:

- Miễn hai đứa đồng ý, má lo hết. Tiền của má sau này cũng để cho con của má mà. Con Phụng về làm dâu nhà này, má sẽ ra cho nó cái tiệm. Còn như nó muốn theo con, mỗi tháng má phụ thêm cho tụi bây đủ xài.

Thiên cảm động ôm mẹ hôn cái chụt lên trán:

- Cám ơn má. Con sẽ hỏi ý Phụng rồi cho má hay liền.

Tuần sau, Thiên hớn hở báo cho mẹ hay Phụng đã bằng lòng. Đợi tới hè Phụng học xong rồi làm đám hỏi, đến Noel cưới (tháng này lạnh, đám cưới rất hợp!). Cả bà Hậu và Kim đều vui. Bà vội vàng sắm lễ vật tới thăm ba mẹ Phụng. Chỗ quen biết từ lâu nên mọi sự đều dễ dàng. Đôi trai tài gái sắc bơi trong hạnh phúc. Kim không có chị nên thương chị Phụng vô cùng. Cả bà Hậu được Phụng làm con dâu cũng đẹp dạ. Chính bà xin phép ông bà suôi tương lai dẫn Phụng xuống Sài Gòn sắm đồ cưới. Giữa tháng mười hai nên Kim không được thắp tùng. Nhỏ khóc lóc thảm thiết. Sau cùng Phụng hứa, ngoài hai cô phù dâu chính thức bạn của Phụng, Kim và Nga cũng sẽ được mặc áo dài cùng màu để làm phù dâu...phụ. Lúc đó nhỏ mới tạm nguôi ngoai! Một tuần sau Phụng về lại Kontum với một valy đầy ắp. Áo gấm đỏ nổi hoa vàng, khăn vành rây vàng, hài đỏ, áo choàng đăng ten trắng, bó hoa cầm tay với những nụ hồng hàm tiếu bằng lụa... Chiếc kiềng vàng và hai vòng tay chạm long phụng, không kể bộ nữ trang bằng hột xoàn để đeo buổi tối. Bạn bè Phụng cô nào cũng suýt soa, khen nàng tốt số. Tất cả đã sẵn sàng... Rồi chỉ còn mười ngày ngắn ngủi. Thiên xin nghỉ phép được một tuần. Thiên thì tươi rói nhưng Phụng ồm ồm đi nhiều vì lo. Nàng đã từng nghe nhiều người kể lại, lúc còn tán tỉnh nhau thì cái gì cũng hoàn hảo. Chàng ga lăng hết biết. Ý nàng là ý trời. Lúc nào cũng tỏ ra ta đây rộng rãi, tiền bạc kể sá gì! Nhưng một khi ván

đã đóng... xuống rồi thì mi sẽ biết tay ta. Có chàng còn nóng nảy, áp dụng ngay câu “dạy con dạy thuở còn thơ, dạy vợ dạy thuở bơ vơ mới về” ngay đêm tân hôn. Cô dâu vào phòng trước, đang hồi hộp chờ đợi những phút giây êm ái mà tân lang sẽ mang tới cho cô. Nào ngờ, vừa bước chân vô phòng, chàng đã vội vàng tặng cho cô vợ mới một cặp tát tai nẩy lửa, gọi là ra tay trước để áp đảo tinh thần địch, hầu chiếm thế thượng phong!!! Nàng tá hỏa tam tinh, chỉ còn nước ôm mặt khóc nức nở và đêm đó nhứt định khóa kín động đào, chàng năn nỉ cách gì cũng không chịu! Sáng hôm sau thấy bộ mặt đưa đám của con dâu, bà mẹ bèn lôi ông con trai ra một nơi hời có sự. Té ra anh chàng khờ này bị đám bạn quân sư quạt mo xúi bậy. Bà chửi cho ông con một trận vuốt mặt không kịp, rồi năn nỉ dùm, cô vợ mới chịu tha cho... Sau đó biết lỗi, anh chàng tự động tụt xuống... hạ cấp (là cấp dưới chứ không phải đồ cạ chón đâu!)

Chúa nhựt này Thiên không về được vì phải bay thế cho một tên bạn đưa vợ đi đẻ. Trong phi đoàn giúp qua giúp lại là thường. Hơn nữa Thiên sắp được nghỉ bay một tuần cho đám cưới. Trước khi lên máy bay, Thiên còn dặn Phú:

- Cậu nhớ o bế bộ đồ veste cho cẩn thận. Làm sao cho xứng đôi với cô dâu phụ Ngọc Bích đó thì làm. Sau đám cưới tụi này, tới phiên hai người lo đi là vừa.

Phú cười toe:

- Yên chí đi. Bộ đồ vía tớ đã bỏ hấp tẩy ni sệt rồi. Tuần tới lấy.

Thiên cho máy bay cất cánh, đảo một vòng trên không trung rồi từ từ biến dạng trong bầu trời xanh thẳm. Bỗng dưng Phú thấy trong dạ dâng lên một cảm giác bồi hồi khó tả. Chàng nghĩ chắc tại bức thư nhà vừa nhận được sáng nay báo tin bà cụ đau nên trong lòng cứ bồn chồn, lo lắng. Chàng lẩm bẩm cầu Trời cho mẹ đừng có chuyện gì.

... Tin phi vụ của Thiên bị mất liên lạc đến trong lúc Bà Hậu và Kim đang dùng cơm tối. Trọng trách này là một cực hình cho Phú, nhưng chàng là bạn thân nhứt của Thiên trong phi đoàn. Không thể giao cho ai khác. Vừa thấy cái dáng ủ rũ và cặp mắt đỏ hoe của Phú, bà Hậu hỏi liền:

- Thăng Thiên?

Phú trả lời nhẹ như hơi thở, mắt không dám nhìn bà:

- Dạ. Mọi người đang nỗ lực tìm...

Phú nói chưa dứt câu, Bà Hậu đã ngã nhào xuống nền gạch bất tỉnh. Kim vừa đỡ mẹ vừa khóc nức nở. Phú tiếp tay Kim khiêng bà Hậu lên giường, vừa hỏi chị người làm đi lấy khăn nhúng nước thật lạnh đắp mặt cho bà tỉnh lại. Lần đầu thấy mẹ xỉu nên Kim bỏ vía. Chỉ biết khóc rồi kêu mẹ ơi mẹ ơi, đừng chết bỏ con. Nhưng lúc bà Hậu tỉnh lại mới là kinh thiên động địa! Bà đập đầu bôm bốp vô tường, miệng gào tên Thiên đến khản cổ. Lúc thấy bà mệt quá thiếp đi, Phú nói với Kim chàng còn phải tới nhà Phụng báo tin rồi sẽ trở lại. Cũng như bà Hậu, vừa thấy bộ mặt như đưa đám của Phú là Phụng đoán có chuyện chẳng lành. Thấy Phú vuốt nước miếng mấy lần mà vẫn không mở lời được, Phụng hỏi:

- Anh Thiên có chuyện gì phải không?

Phú trả lời, mắt không dám rời Phượng:

- Sáng nay Thiên đi oanh kích miệt ba biên giới. Nhiệm vụ đã hoàn tất, nhưng sau đó Đài Chỉ Huy mất liên lạc với tụi nó luôn.

Giọng Phượng lạc đi:

- Vậy có nghĩa là...

Phú buồn rầu gật đầu. Đã có chuẩn bị trước nên vừa thấy Phượng chơi với sắp ngã xuống là Phú nhào lại đỡ liền, miệng kêu Nga ơi Nga. Chị Phượng xỉu rồi. Mọi người hốt hải chạy ra. Khi nghe báo Thiên mất tích, cả bà Tuân lẫn Hoàng Nga đều khóc âm lên. Nhứt là bà Tuân khi nghĩ đến cái đám cưới sắp sửa tới. Sao con gái bà đẹp như hoa như ngọc mà số phận hẩm hiu làm vậy?!

Đám tang Thiên diễn ra trong một bầu không khí cực kỳ thương tâm. Bên này Kim và Phú dìu bà Hậu. Bên kia Bích và Nga không dám rời Phượng nửa bước. Bà Hậu một hai đôi nhảy xuống mộ chết chung với con. Kim và Phú phải ghì chặt lại. Phượng đặt bó hoa cô dâu lên quan tài trước khi lấp đất. Trước tình cảnh của hai người, ai cũng phải mũi lòng rơi lệ!

Từ đó bà Hậu sống mà cũng như chết. Ăn, ngủ như một người máy. Bỏ lún luôn tiệm gạo, may mà có người quản lý thân tín quán xuyến mọi việc.

Phượng ốm o gầy mòn như một con mắm. Mọi sinh thú trên đời hình như đã đội nón vĩnh viễn ra đi! Trên môi hiem hơi lắm mới có một nụ cười. Mà cũng chỉ là một nụ cười gương gạo. Ông bà Tuân thấy con gái như vậy cũng rầu thúi ruột.

Một tháng sau đám tang, bà Tuân đưa Phượng đến xin trả lại chiếc nhẫn đính hôn và đồ cưới bà Hậu đã sắm cho Phượng. Bà Hậu nói Phượng cứ giữ lại tất cả. Thiên mất đi, giờ bà xin được coi Phượng như con gái nuôi. Mạ Phượng cảm động nhận lời liền. Hai nhà vẫn giao hảo thân tình như xưa. Kim mất anh, càng gắn bó với Phượng... Rồi thời gian cũng hàn gắn tất cả (trừ trái tim của một người mẹ mất con). Phượng đã lấy lại phong độ cũ. Nhưng nét hồn nhiên đã biến mất trên gương mặt và đôi mắt lúc nào cũng man mác buồn...

Hai năm sau Kim mất luôn chị Phượng. Tất cả cũng tại cái con nhỏ xíu xon Hoàng Nga. Đau gì không đau lại nhè sưng ruột dư!? Dĩ nhiên phải đem nó vào nhà thương mổ cấp tốc. Cái anh chàng Bác sĩ hôm sau ghé qua phòng tái khám cho nó. Nhưng bệnh nhân không lo khám, cặp mắt lại cứ dán chặt vào chị Phượng. Bỗng dưng Kim có ác cảm ngay với ông ta. Rồi ngày nào cũng canh lúc chị đến thăm nhỏ Nga là ông ta xuất hiện để... tái khám. Khám bệnh nhân qua loa cho có lệ, sau đó bắt chuyện nói không dứt với chị Phượng. Kim về căn vặn với mẹ, bà Hậu rầy, nói Thiên với Phượng có duyên mà không nợ, mình đâu có thể ích kỷ bắt Phượng ở vậy hoài. Năm nay Phượng đã tròn hai mươi, con gái ngoài hai mươi tuổi khó lấy chồng. Kim thấy mẹ có lý, nhưng vẫn không vui.

Một tuần sau nhỏ Nga về nhà. Bác sĩ Lộc tới tận nhà chị Phượng, lấy cớ tới xem bệnh nhân có “vấn đề” gì không?(theo Kim chính ông mới có vấn đề!). Ba mẹ chị Phượng rất cảm kích trước sự tận tâm (quá lộ) của ông bác sĩ giàu lòng thương người (đẹp) này. Một buổi tối Kim tới nhà định rủ chị với nhỏ Nga đi ăn chè ngoài hàng keo. Qua khỏi cái sân gạch, Kim bước lên thêm nhà. Đèn nơi phòng khách sáng trưng, Kim tò mò nhìn qua cửa sổ. Một cảnh tượng làm cô nhỏ muốn đứng tim: bác sĩ Lộc đang cầm bàn tay của chị Phượng, miệng thì thầm những gì không nghe rõ. Phượng cúi đầu, mái tóc dài xõa một bên che hết khuôn mặt nên Kim không thấy phản ứng trên gương mặt của chị. Nhưng không giật tay lại tức là bằng lòng rồi còn nghi ngờ gì nữa? Cô nhỏ buồn rầu quay về nhà. Bác sĩ Lộc càng năng tới thăm Phượng bao nhiêu, Kim càng ít tới bấy nhiêu. Nghe nhắc tới tên “hắn” thôi là Kim đã cau mày, tỏ vẻ khó chịu. Phượng tinh ý đoán ra liền nên một hôm rủ Kim vô phòng. Thấy tấm ảnh Thiên mặc bộ đồ bay, đứng bên cạnh chiếc F17, miệng cười tươi, đẹp như một tài tử ci nê vẫn còn để trên bàn phấn, Kim nói mĩa:

- Không ngờ chị còn để hình anh Thiên ở đây!

Phượng ngồi xuống cạnh Kim, nhẹ nhàng cầm hai bàn tay cô nhỏ, dịu dàng nói:

- Kim đừng hiểu lầm là chị đã quên anh Thiên. Anh vẫn sống mãi trong lòng chị. Nhưng xin em thông cảm mà thương cho chị. Chắc gì sau này chị có thể gặp được người tốt và thật lòng yêu chị như anh Lộc? Dù biết chuyện anh Thiên với chị ngày xưa, anh vẫn chấp nhận. Anh có một tấm lòng thật rộng lượng. Anh thương và muốn thành hôn với chị đó. Kim xem, anh Lộc đâu phải là người xấu.

Kim cúi đầu không nói gì. Chị Phượng bóp nhẹ tay Kim, giọng tha thiết:

- Kim nói đi. Kim nói là không giận chị đi.

Kim gật đầu mà hai hàng nước mắt chảy dài. Phượng mừng quá ôm chặt Kim, mặt cũng đầm đìa nước mắt:

- Cảm ơn Kim. Cảm ơn Kim đã hiểu cho chị.

Hôm sau Phượng tới thăm bà Hậu. Hai người cũng giọt ngắn giọt dài. Lúc Phượng về, bà Hậu nói với Kim:

- Má thiệt tình mừng cho con Phượng.

Đám cưới Lộc – Phượng được tổ chức hai tháng sau đó. Hai người theo ba má Lộc về Rạch Giá cho Phượng ra mắt bà con bên chồng. Cuối cùng rồi chị Phượng cũng yên ấm bên cạnh người chồng hiền lành, chân chỉ. Năm sau chị theo chồng về luôn xứ Rạch Giá xa xăm. Thỉnh thoảng mới ẵm con về Kontum thăm gia đình. Lấy chồng ba năm chị cho ra đời hai nhóc tì kháu khỉnh. Nhìn thẳng cu Cường giống với Kim, bà Hậu không khỏi đau lòng nhớ tới Thiên... và những đứa cháu nội mà bà không bao giờ có được! Kim lấy xong mảnh bằng Trung Học thì quyết định ở nhà phụ mẹ buôn bán. Nàng không nỡ đi học xa bỏ mẹ lại bơ vơ một mình.

Một ngày đẹp trời, Phú tới thăm bà Hậu và Kim. Không đi một mình mà có dẫn theo

một chàng Bắc kỳ! Cái chàng Bắc Kỳ tên Tín này gặp cô nhỏ Kim thì bị... choáng váng, hết biết đường về!! Thấy con gái càng ngày càng “lậm” anh chàng Tiến, bà Hậu tỏ ý lo ngại. Thứ nhất Tiến là phi công, thứ hai chàng là người Bắc. Bà Hậu nghe nói người Bắc khó. Kim nũng nịu nói với mẹ:

- Bộ phi công nào cũng bị rớt máy bay hết sao má? Tới giờ này anh Phú còn y nguyên mà. Má hông thấy hằng ngày biết bao nhiêu người chết vì tai nạn xe cộ nè, bệnh tật nè, tự tử nè... Còn anh người Bắc má đừng lo lắng. Con gái má “giỏi” lắm mà.

Bà Hậu lắc đầu chào thua cô con gái cưng. Thông cảm hoàn cảnh của Kim, nên Tín bằng lòng để vợ ở lại Kontum. Tín dưới Pleiku đi đi về về, Kim cũng thường xuống thăm chồng. Cho tới khi Tín đổi về Biên Hòa, Kim phải đành xa mẹ. Bà Hậu nhớ con định sang lại tiệm rồi về Biên Hòa kiếm chuyện khác làm ăn. Chưa kịp thì mùa hè đổ lửa ập tới. Bà theo giòng người tị nạn chạy xuống Pleiku, theo ngả Phú Bổn về Sài Gòn. Nhưng Kim không bao giờ gặp lại mẹ. Bà đã gởi thân xác đâu đó trên con đường mòn đầy kinh hoàng này. Kim khóc tới bình luôn. Lâu lâu Lộc đưa vợ con từ Sóc Trăng lên Sài Gòn chơi. Chỉ dịp đó Kim mới gặp lại chị Phượng. Chị em đưa nhau đi ăn hàng, đi mua sắm quần áo tung bừng. Chị Phượng càng ngày càng đẹp. Chị được chồng tung tiu như một viên ngọc quý. Anh Lộc lúc nào cũng chỉ cười cười, cặp mắt nhìn vợ tràn đầy âu yếm.

1975. Kim gạt nước mắt ẵm con lên máy bay trực thăng, Tín lái ra biển rồi đậu xuống một chiến hạm, thuộc Đệ thất hạm đội Mỹ. Họ đưa người tị nạn qua Philippine, rồi sau hai tuần lễ trên đảo Guam, gia đình nhỏ bé của Kim sang định cư tại Montréal cho tới bây giờ. Kim mất liên lạc với chị Phượng, vì lúc ra đi ngoài cái túi đựng mấy bộ quần áo và vài hộp sữa bột Esma cho con, Kim bỏ lại hết!

Tín qua đây ráng học cũng lấy được mảnh bằng Kế Toán, hiện làm cho một công ty lớn. Kim học nghề uốn tóc, mở tiệm tại nhà. Vợ chồng con cái sống khá sung túc. Không hiểu bữa nay may mắn làm sao lại gặp được Phượng dưới phố Tàu.

Hai chị em lên xe về nhà Kim. Trên đường đi, Phượng kể: năm 75, như bao nhiêu gia đình Nam kỳ khác, Lộc không chịu đi ngay. Hậu quả là phải khăn gói đi học tập như bao nhiêu người khác. Một hôm đi chặt cây, Lộc vô ý bị cây ngã đè gãy hết một chân. Không chết là may đó em ơi. Nhưng bây giờ anh đi cà nhắc. Hai năm sau được thả về lại Rạch Giá, anh mở phòng mạch chui cũng đủ sống. Cái số rủi cứ theo hoài, anh là Bác Sĩ nên họ để ý kỹ, vượt biên lần nào cũng bị bắt lại. Sau cùng anh chị chán thôi luôn. Cách đây bảy năm, em trai anh du học bên này từ trước 75 làm bảo lãnh. Ba năm sau anh chị và hai cháu mới qua được. Nhưng ở dưới thành phố Québec, lên trên này được hơn năm nay thôi. Anh Lộc mặc cảm cái chân nên cũng không muốn liên lạc với bạn bè. Em dâu anh Lộc là đầm nên chị cũng khó nói chuyện. Bữa nay gặp Kim chị mừng quá. Nói xong chị cười mà cặp mắt rung rung! Kim nói:

- Ngày mai anh chị và hai cháu tới nhà em ăn Tết. Năm nay phải ăn Tết lớn để mừng

ngày đoàn tụ của chị em mình.

Về tới nhà, cho xe vô garage xong, Kim vừa xách mấy túi đồ vô bếp, vừa kêu ong óng:

- Anh Tín ơi, xuống đây coi em dẫn ai về đây nè.

Tín từ trên lầu đi xuống vừa nói:

- Miễn không phải ông Tây đen là được!

Nhưng vừa nhìn thấy người đứng cạnh Kim, Tiến reo lên:

- Chị Phượng. Không phải tôi nằm mơ chứ?

Kim cười :

- Mơ đâu mà mơ. Chị Phượng bằng xương bằng thịt chăm phần chăm đó.

Rồi quay qua Phượng, Kim giục:

- Chị phen ngay cho anh Lộc một tiếng đi.

Phượng cầm phen, quay số nhà. Khi nghe tiếng Lộc alô bên kia đầu dây, Phượng nói, giọng đầy ấp niềm vui:

- Anh hả? Em đây. Ngày mai mừng một, có người mời tụi mình ăn Tết lớn đó. Anh đoán ra ai không nè?

Tất nhiên Lộc làm sao đoán được. Phượng cười rộ ràng:

- Là Kim. Em vừa gặp Kim dưới phố Tàu và bây giờ em đang ở nhà Kim. Độ hai tiếng nữa Kim sẽ đưa em về Phượng gác phen. Tín nói:

- Nào bây giờ mình bày cái gì ra ăn để mừng chị Phượng trước. Kim nguýt chồng:

- Lúc nào cũng không quên được cái bao tử!

Tín cười ha hả:

- Có thực mới vực được đạo mà em... Huống chi bữa nay là chiều ba mươi Tết. Phải không chị Phượng?



Lan Cao

CON VỀ

Khóc mãi cũng thế thôi

Buồn hoài thì cũng vậy

Giận hờn chắc hẳn mất khôn

Uống say bọt đắng tình hồn được không?

Nhớ tháng tư cuồng phong

Căn nhà yêu sụp đổ

Cha buồn đau khổ công lao
Mẹ buồn đêm kiếm nằng vào thủy tinh.

Ba mươi năm hòa bình
Thêm đau hờn cuộc chiến
Ta nhìn tóc chảy trắng gương
Nhà chưa dựng lại quê hương tuổi chiều.

Ba mươi năm rồi nhĩ
Rừng thay lá bao lần
Cháu con khôn lớn thành thân
Mẹ cha rong ruổi nào quên nợ nhà.

Con ơi trả nợ dùm cha
Trở về xây lại căn nhà yêu xưa.



Vũ Tiên Lập
Hoa nguyệt quế

một lần này tôi về giữa tóc phai
nhìn hành lang dài tựa những song chim đậu
và đời sống vô tình những chiếc xe qua
cuối nẻo con đường
bóng cây vừa ngã đổ
trời nhuộm đậm dần chất ngọt
trắng dựng sáng lấp lánh mặt hồ
đôi mắt giật mình dưới đáy sông
đi bộ dọc con đường về đồi cao
ngân nga lời gió hát
mây trôi ngược vùng đất cũ
cúi đầu nhìn bóng bước
lữ khách trời bao la
ở bóng nguyệt
đong đầy hơi thở rực vàng

màu nắng son
vội trời xuân chát ngắt
trắng nào cũng vàng tơ
và em hoa nguyệt quế
Chân dung đen
tôi đứng ở đầu giếng
lặng ngẩng tìm chân dung
một người chưa về tới
muộn màng mây kín đêm
lầy lắt một nỗi nhớ
bật tiếng hồ băng khuâng
con chim nào lạc cánh
bay vút vào hư không
buồn ơm tình bước đến
qua hết một dãy rừng
qua hết một hành lang
ơ trăng sao huyền hoặc
ơ mong lung vơ vẩn
ngây ngất màu thiên thu
mơi ngậm cảnh cổ uá
ca khúc đời hôm nay
giữ hát từ mơ người
cứ ngỡ cịn chiêm bao
trắng gọi hồn trên áo
ngược giọng say một đêm.



Tuấn Trường
TUỶNG PHÙNG

Tặng Anh Anh Vân nhân ngày trở lại
Houston 06-17-2009

Mấy thuở hàn huyền bên chén nhạt

Rượu qua môi sao bỗng ngọt chân tình
Mới hay trong cuộc nhân sinh
Tóc phơi sương bạc nhưng tình vẫn xanh.

Này các anh,
Hãy cùng nhau cạn chén tương phùng
Rằng ta,
Chưa uống đã say
Đất trời, vạn vật lẫn quay
Mừng ngày hội ngộ,
Cạn chén,
Nâng ly,
Say đi,
Say đi cho cạn biển hồ
Ngày sau ai biết bao giờ gặp nhau.

Mấy thuở ta cùng nâng chén ngọt
Chí tang bồng chưa thỏa cũng đà vui
Dầu cho đất lấp mặt người
Ta đi để lại tiếng cười Thơ Văn.



Diễm Nghi

Tuy . Xa . Mà . Gần

“...Tôi hồ thẹn mười năm viết bài thơ kể lể
Một góc tâm tình gửi Huế yêu thương”
(Xuân Tâm)

Ngay từ nhỏ, tôi đã có cảm giác xúc động khi đọc thơ của thi sĩ Xuân Tâm.
Lúc đó tôi chưa xa Huế mà đã thấy nao nao trong lòng. Bây chừ, không phải mười năm như người thi sĩ ấy mà đã trên hai mươi năm. Ngẫm lại hai câu thơ kia, thêm thắm thía cõi lòng.
Huế để lại trong ký ức tôi những tà áo dài thướt tha bay rập rờn như đàn bướm trắng, Huế tự bao giờ là nguồn cảm xúc vô tận trong hồn thi nhân. Nhớ mãi những đêm gió

mát, ánh trăng rơi xuống mặt nước lặng lẽ trên dòng sông. Huế có bóng Mẹ thướt tha trong tà áo dài mỗi khi bước ra khỏi nhà, những câu hò, lời ru con ngọt như mía lau như câu ca dao “Mẹ già như chuối ba hương Như xôi nếp mật, như đường mía lau”. Huế trong tôi là những lời răn dạy, tư tưởng “cổ kính” của Mẹ, bàn tay khéo léo của Ba, tất cả gắn liền với dòng đời trôi nổi của tôi. Mỗi câu nói đều phảng phất chất Huế, gắn bó tâm tình Huế vừa đậm đà, vừa thiết tha, chắc chiu nuôi dưỡng tâm hồn tôi từ thửa còn nằm trong nôi.

Hoàn cảnh thời gian và không gian đưa tôi xa Huế cả một bên bờ đại dương. Ba Mẹ tôi là nhịp cầu nối liền tôi với Huế, riêng Mẹ là người ảnh hưởng tôi nhiều nhất. Tôi là con út trong một gia đình đông anh em. Dĩ nhiên, tôi được Ba Mẹ “cung như trứng, húng như hoa”. Rửa mà, tôi vẫn thường bị những đòn mắng yêu của Mẹ. Ở đây, cuộc sống xoay vần với thời gian. Đi, đứng, nằm, ngồi, cái gì, việc gì cũng vội vàng. Mỗi lần thấy tôi hỏi hã bước ra cửa, Mẹ thường la rầy: “Chưa đi đã chạy là người vô duyên”. Thích chí điều gì tôi cười thoải mái, cười ngoặt ngoẹo liền bị Mẹ la: “Con gái chi mô, chưa nói đã cười”. Tôi nũng nịu lại: “Mạ!! Mạ làm như hồi xưa rửa. Bên ni có thì giờ mô mà yếu điệu!”

Chưa hết, mỗi khi đói bụng, tôi ăn thoải mái, nhai hã hê theo kiểu “hưởng thụ”, Mẹ rầy: “Con gái ăn chi mà nghe to rửa”. Đôi lúc tôi cũng phản ứng lại: “Mạ! con không thích làm thực nữ mô. Chi khó rửa?”. Phản ứng này thường làm Mẹ tôi phì cười. Mà đúng thật, Mẹ tôi vốn khó từ từng lời nói cho đến cách ăn mặc. Mẹ khuyên tôi để tóc dài để cho Mẹ ngắm. Mẹ muốn là con gái Huế phải có mái tóc dài, ăn nói phải nhỏ nhẹ, không háp tấp.

Hồi nhỏ, tôi quen thói được cưng chiều. Ăn nói lộ bộp, hóp tộp nên bị Mẹ rầy: “Ăn nên đợi, nói nên lời. Người lớn đang nói, con nít không được nói hớt”. Bạn bè tôi ai cũng biết Mẹ tôi khó lắm. Lâu lâu chúng ném tôi câu: “Màn O gái Huế răng khổ rửa!”. Thoạt đầu tôi phản ứng lại bằng những câu giải thích vu vơ, nhưng riết rồi cũng quen. Tôi thường nghe Mẹ nói: “Người Huế rửa đó, trong nhà dù không còn một hột gạo, nhưng đi ra ngoài phải khăn áo chỉnh tề”. Câu đó thường làm tôi cười vì cái điệu “khăn áo chỉnh tề” đó đã làm cho Ba tôi một thời耿耿 vì áo tím của Mẹ. Tôi nghe Ba tôi kể lại: “Mạ mi hồi xưa tóc dài đen mượt, bận áo dài lụa đẹp lắm”. Thì ra, Ba tôi đã say mê “dáng Huế” ấy.

Mẹ tôi như rửa và tôi thương tất cả về Mẹ. Mẹ là Huế và tôi tìm thấy Huế trong Mẹ. Huế trong tôi là tất cả hương vị, của đĩa bánh bột lọc thơm ngon, tô bún bò Huế cay xé lưỡi và muối ruốc, muối sả trong mùa đông giá rét. Mỗi lần đi xa về, tôi thấy bàn thờ ôn mệ được trang trí rất trang trọng qua bàn tay khéo léo của Ba. Bức liễn, câu đối gọi niềm nhớ quê da diết được mang qua từ nhà, sắc sỡ hoa văn. Một người bạn nói nhỏ với tôi: “Nói thiệt em đừng buồn nghe. Ba em trang trí bàn thờ gì mà hoa hòe quá, giống bàn thờ hát bội”. Tôi không nhịn được cười khi nghe chữ “hát bội”. Anh bạn kia đâu

biết đó là tượng trưng của nghi lễ, của lòng thánh kính đối với người đã qua đời.

Tôi thương nhớ Huế. Tôi ôm ấp Huế vào lòng như ôm ấp hình bóng tình nhân. Rứa đó, Huế tuy xa mà gần trong tâm tưởng, tôi vì vậy không bao giờ xa Huế. Bây chừ, Huế buồn. Huế âm đạm, chơ vơ sau những thăng trầm biến động, nhưng Huế vẫn ấp ủ bao nhiêu hoài vọng trong lòng những người con xa Huế. Huế ơi, chờ đó mai một tôi về!

Huế: Một Trời Thương Nhớ

Trong tâm trí, em vẫn hoài ghi nhớ
Mắt u buồn, bẽn lẽn, đáng thương sinh
Vẻ trầm tư, thanh thoát, nét thông minh
Của thi nhân, người con yêu xứ Huế

Anh gọi trong em, một trời thương nhớ
Quê xa vời, u uẩn đất Thần Kinh
Bao năm rồi theo vận nước điêu linh
Miền thơ ấu bồng lên vùng ký ức

Em nhớ lắm, mùi hương thơm của đất
Khói lam chiều vương mái ngói lư thưa
Giọng hò lơ khoan nhặt giữa ban trưa
Vang vọng mãi, ngân xa đời Vọng Cảnh

Xé nổi nhớ chia ra thành trăm mảnh
Đưa vào thơ, xoa dịu những cô liêu
Hoàng Thành xưa chừ phé phủ xanh rêu
Thời vang bóng soi nghiêng thêm ảo ảnh

Huế bây chừ còn buồn lắm không anh?
Sông An Cựu nước vẫn trong hay đục
Chiều Đông Ba bước chân người chen chúc
Hương Giang-đò, khua con nước lao xao

Em bên ni, lòng chợt nhớ biết bao
Ru năm tháng mỗi mong ngày trở lại
Biết rằng anh, kỷ niệm còn xa mãi
Đêm dật dờ, lục kiếm thoáng hương xưa!



Vĩnh Tuấn

Thu Về

Đường hôm nay cây bông vàng lá úa
Rặng liễu gầy nhỏ lệ ở ven sông
Thì ra mùa thu đã về lặng lẽ
Rất âm thầm vàng áo lụa bên song

Nhớ hôm xưa thu về ôi quyến rũ
Hàng cúc vàng nở rộ đón chân em
Ai rót rượu mà hồn say chất ngát
Chút hương bay mà xao xuyên tâm hồn

Nơi xứ người gởi về em chút nắng
Chút bụi mờ phủ lấp tấm thân anh
Anh nhớ lắm dòng sông trôi tĩnh lặng
Ngọn lúa dậy thì chúm chim môi hôn

Hãy gởi cho anh thu vàng quê mẹ
Em hiền hòa tóc lộng lá me bay
Gởi cho anh mảnh trăng xưa hiền dịu
Lặng hồn anh theo từng bước thu gầy.

Phố biển Qui Nhơn

Qui Nhơn phố biển thật gần
Áo em khép mở rộng vòng nhân gian
Ta qua phố biển tần ngần
Tim ngây ngất đại một lần không quên
Gặp em chưa kịp hỏi tên
Để tương tư mãi nổi buồn gió trắng
Ai qua phố biển một lần
Cũng thương em
Nhớ

Bâng khuâng cõi tình.



Trọng Đạt

Sợi Tóc

*(Những đoản thiên
cuối cùng của Thạch Lam)*

Thạch Lam tên thật là Nguyễn Tường Vinh sinh năm 1910 tại Hà Nội, là người con thứ sáu trong gia đình Nguyễn Tường. Đến năm 14 tuổi mới đậu bằng cao đẳng tiểu học, ông phải khai tăng một tuổi để đủ tuổi thi thành chung và đổi tên là Nguyễn Tường Lân. Ông vào học Albert Sarraut, đậu tú tài phần thứ nhất rồi thôi học ra làm báo Phong Hóa, Ngày Nay với các anh ông như Nhất Linh, Hoàng Đạo trong Tự Lực văn đoàn. Ông bị bệnh lao mất tháng 6 năm 1942 trong cảnh nghèo nàn tại một ngôi nhà tranh làng Yên Phụ cạnh Hồ Tây.

Vì mất sớm nên sự nghiệp văn chương của Thạch Lam về số lượng rất khiêm tốn, tuy nhiên vì giá trị nghệ thuật của nó rất cao nên ông vẫn được coi như một nhà văn lớn trong nền văn chương Việt Nam cận đại. Các tác phẩm gồm.

- 1-Ngày Mới, tiểu thuyết 1937
- 2-Gió Đầu Mùa, tập truyện ngắn 1937.
- 3-Nắng Trong Vườn, tập truyện ngắn 1938.
- 4-Theo Giòng, nghị luận văn chương, 1941.
- 5-Sợi Tóc, tập truyện ngắn, 1942.
- 6-Hà Nội 36 Phố Phường, tùy bút, 1943.

Thạch Lam là một nhà văn có khuynh hướng xã hội thường mô tả đời sống của những người nghèo nàn cùng khổ bằng những nét chân thực đầy tình thương yêu nhân loại, ông thiên về bi kịch hơn Khái Hưng, Nhất Linh trong Tự Lực văn đoàn, tác phẩm của ông có giá trị cao về nhân bản được viết ra như một chút tình thương dành cho những kẻ lầm than cơ cực. Ông khâm phục và chịu ảnh hưởng Dostoevsky rất nhiều trong kỹ thuật mô tả tâm lý nhân vật, chú trọng về mặt hướng nội. Thạch lam cũng là nhà văn thuộc trường phái lãng mạn như các bậc đàn anh trong văn đoàn tuy nhiên các truyện tình của ông khác với các nhà văn kia ở tính chân thật, ngây thơ, thi vị.

Ông Phạm Thế Ngũ nhận xét về Thạch Lam như sau.

“Trong văn học mới nước ta các nhà phê bình thường đồng ý là Thạch Lam- cây bút Tự Lực đã đưa thể đoản thiên đến độ nghệ thuật cao hơn cả. Trong ba tập đoản thiên của ông mà ta xét trên ta đều thấy nhiều đặc sắc nghệ thuật”

Hoặc.

“Nhưng dù sao không ai phủ nhận được ông đã đưa đoản thiên Việt Nam đến một trình độ nghệ thuật rất cao. Tác giả Nhà văn hiện đại cũng công nhận những truyện trong Sợi Tóc là những đoản thiên hay nhất trong văn chương Việt nam”

Thật vậy, Thạch Lam là người chuyên về trước tác truyện ngắn và đã thành công nhiều trong thể loại văn chương này

Sợi Tóc là tập truyện ngắn giá trị và nổi tiếng của Thạch Lam do nhà xuất bản Đời Nay, Hà Nội ấn hành năm 1942, toàn bộ gồm năm truyện vắn vẹn chừng năm sáu chục trang giấy nhưng nội dung thật là súc tích và vô cùng hiện thực, những đề tài khác biệt nhau như đóa hoa ngũ sắc rực rỡ cùng thể hiện một nghệ thuật tuyệt vời. Chúng tôi xin phân ra làm ba đề tài chính : Tâm lý: Sợi Tóc; Bi kịch: Cô Hàng Xén, Tội Ba Mươi; Tình cảm : Dưới Bóng Hoàng Lan , Tình Xưa và đề cập giới hạn bốn truyện chọn lọc : Sợi Tóc , Cô Hàng Xén , Tội Ba Mươi, Dưới Bóng Hoàng Lan.

SỢI TÓC

Một truyện ngắn chừng mười trang giấy thể hiện cái thiên tài hiếm có của Thạch Lam trong kỹ thuật mô tả tâm lý con người, có dư luận phê bình cho rằng Sợi Tóc có thể coi như ngang hàng với các đoản thiên giá trị trên văn đàn thế giới. Đó là truyện một anh chàng bị cám dỗ vì số tiền lớn của người anh họ, định lấy cắp nhưng rồi lưỡng lự đổi ý. Thành có người anh họ rất giàu nhưng ngốc nghếch, Bản rất phục Thành là người sành đời, thạo ăn chơi, mỗi khi đi mua đồ đều hỏi Thành. Một hôm Bản rủ Thành đi mua đồng hồ, lúc hấn trả tiền Thành nhìn cái ví phòng và biết là nhiều tiền lắm, chàng thấy rõ cả những giấy trăm còn mới tinh, mua xong Bản rủ Thành đi ăn tiệm.

Bản cùng một cô nhân tình vào buồng nằm, hấn đem theo cả cái áo tây có ví tiền. Khi ấy Thành chán nản muốn bỏ về, chàng với lấy cái áo tây trên mắc thì ra là áo của Bản có ví tiền đầy cộm, Bản đã lấy nhầm áo của chàng vào buồng. Bản và các em đều muốn giữ Thành ở lại cho vui.

Khi ấy trong trí Thành rối bời cả lên vì nghĩ đến cái ví tiền , chàng định mở ví lấy vài trăm rồi đổi lấy áo của Bản vắt ở đầu giường hấn. Thành hút một điếu thuốc phiện rồi thờ thẩn nghĩ ngợi, chàng cho rằng Bản sẽ không biết chàng lấy mà nghi cho nhân tình của hấn.

Nhưng khi cho tay vào ví, Thành lại đắn đo suy nghĩ dờ dẩn cả người, tự nhiên chàng trả áo cho Bản và bảo hấn đếm tiền chi kỹ. Cuối cùng sau một cuộc giằng co, sự cám dỗ tội lỗi đã bị lương tâm đè nén, ranh giới hai bên chỉ là một sợi tóc.

Đây là một đoạn thiên tâm lý sâu sắc nhất của Thạch Lam, của nền văn chương Việt Nam, xứng đáng được xếp ngang hàng với những truyện hay trên văn đàn thế giới. Ngôi bút thần sầu của Thạch Lam đã phô diễn được quá đầy đủ về bản chất con người, về cái biên giới mong manh như sợi tóc giữa thiện và ác, giữa lương tâm và tội lỗi. Cám dỗ bắt đầu xuất hiện khi Thành thấy ví của Bân lúc hắt trả tiền ngoài phố:

“Thoáng nhìn qua, tôi cũng biết ví nhiều tiền lắm: ngoài số tiền bạc lẻ hắt mang ra trả, tôi còn thấy gấp ở ngăn trên đến năm sáu cái giấy bạc một trăm nữa. Những giấy bạc mới màu còn tươi nguyên”

Và khi Thành lấy áo định ra về, cám dỗ lại tiến thêm một bước nữa:

“Vừa nói tôi vừa với cái áo tây của tôi treo trên mắc. Bỗng nhiên có cái gì chuyển mạnh qua tim tôi: tay tôi yên hắt lại; tôi vừa mới nhận ra rằng cái áo tôi đang cầm không phải là cái áo của tôi. Thì ra lúc mang áo vào giường nằm, Bân đã mang nhầm áo. Hai chúng tôi cùng mặc một thứ hàng len giống màu, như vậy dễ lẫn lộn. Tôi ghé nhìn vào trong áo thấy cái ví tiền ở túi thò ra ngoài một tí. Cái ví tiền... mấy tờ giấy bạc”

Bằng lối diễn tả vô cùng khéo léo, Thạch Lam cho chúng ta thấy rõ những bước chân xâm lấn ghê gớm của cám dỗ:

“Những lời đối đáp ấy cứ tự nhiên buột miệng ra, tôi không để ý đến. Trước mắt tôi, mấy tờ giấy bạc một trăm gấp trong ngăn ví hiện ra rất rõ rệt. Lấy mấy tờ, độ hai tờ – tại sao lại hai? Tôi không biết – tôi cứ việc điềm nhiên với lấy áo, mở ví rút ra hai tờ. Rồi chọn lúc mọi người vô ý ... tôi đối lấy áo của tôi... thế là xong và gọn...”

... dễ dàng quá, mà không còn sợ cái gì cả”

Bằng một nghệ thuật vô cùng hiện thực ông cũng cho ta thấy sự rối bời trong tâm trạng con người vì sự giằng co tranh chấp giữa lương tâm và tội lỗi.

“Lan để tay nhẹ nhàng lên người tôi, lảng lờ đưa mắt hỏi. Tôi giả vờ cười không đáp, rồi soay người nằm ngửa, nhìn lên trần nhà. Trong người bứt rứt không yên”

Hoặc như:

“Tâm hồn tôi lúc bấy giờ thế nào tôi không biết rõ. Tôi đứng lên, ngồi xuống như một cái máy. Tôi chỉ thấy bản khoản bứt rứt... và thời gian qua... tôi cảm thấy đi qua tâm hồn tôi từ bên này sang bên kia... như thế không biết bao nhiêu lâu...”

Và sau khi đã trấn áp được cám dỗ tội lỗi, Thành lại ngẩn ngơ một chút tiếc thương, thiện ác vẫn còn vẫn vơ trong trí.

“- Áo anh này, đây là áo của tôi...”

... Anh đếm lại tiền đi và để cẩn thận vào trong áo...”

Tôi bước một bước lùi ra cửa. Thế là hết bấy giờ không sao đụng đến cái ví được nữa. Tôi bản thân ngẩn ngơ”

Thậm chí đến lúc Thành lên xe về nhà, tâm trí rối mù, chàng ngẩn ngơ như người mất hồn, vẫn còn chút tiếc rẻ ngấm ngấm, dù chàng đã tỉnh táo rồi, cám dỗ vẫn còn vương vấn trong lòng.

“Tất cả những cái đó bây giờ xa quá. Tâm trí tôi giãn ra, như một cây tre uốn cong trở lại cái thẳng thản lúc thường. Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị khe khẽ và thâm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cám dỗ, mà cũng có lẽ cái khoái lạc đã đè nén được sự cám dỗ. Và một mối tiếc ngấm ngấm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng cố ý không nghĩ đến, khiến cho cái cảm giác ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc”

Người đọc tưởng như mình đang chơi vơi giữa thực và mộng, giữa cái thú của cám dỗ và khoái lạc của lương tâm, lý trí đã trấn áp được cám dỗ. Song vẫn chưa hết, đến khi Thành đã tỉnh táo, đã lên xe về nhà mà cám dỗ vẫn còn vương vấn như một sự tiếc nhớ vu vơ. Thạch Lam đã dẫn chúng ta đi sâu vào tận đáy tâm hồn con người để ta chứng kiến được cái biên giới mong manh giữa thiện, ác, giữa ăn cắp hay không ăn cắp, cái địa giới chỉ mỏng manh như một sợi tóc.

CÔ HÀNG XÉN

Đây là một truyện ngắn nổi tiếng của Thạch Lam đã được nhiều người hâm mộ, ca ngợi tấm lòng hy sinh của người phụ nữ Việt Nam và cũng là một bi kịch cuộc đời không lối thoát.

Tâm gánh hàng từ chợ băng qua cánh đồng về làng, băng qua sân đình rồi về đến nhà, chia bánh kẹo cho các em. Cô được mẹ già và các em âu yếm săn sóc. Từ ngày gia đình sa sút, ông Tú mất kém thôi dạy học, cô buôn bán tần tảo để nuôi mẹ và các em.

Tâm là người con gái xinh đẹp nổi tiếng cả một vùng, thời gia đình còn sung túc cô đã được cấp sách đi học, nhưng nay rời bỏ quyển sách để bước chân vào cuộc đời tần tảo hy sinh, không bao giờ nghĩ đến cuộc đời riêng của mình.

Những ngày phiên chợ, cậu giáo Bài trường làng thường hay lại mua hàng và để ý đến Tâm, khi lên giường ngủ cô cũng có lúc nhớ tới cậu giáo. Vụ gặt xong, cậu giáo nhờ người mối lái đến hỏi Tâm. Bà Tú gọi Tâm vào buồng nói chuyện ấy, cô muốn ở nhà buôn bán trông nom gia đình, thương con bà mẹ bảo cô phải đi lấy chồng.

Đám cưới cử hành trước tết, ngày về nhà chồng Tâm từ biệt các em. Về nhà chồng mấy hôm nàng lại sóc vác gánh hàng ra chợ. Nhà chồng nàng cũng nghèo, cậu giáo lương dăm bảy đồng, nàng vừa phải gánh vác giang sơn nhà chồng lại lo cho các em ăn học. Em Lân lên học trường tỉnh, tốn kém hơn. Bà Tú nhặn người bảo nàng gửi tiền thêm, nàng lo quá: mẹ chồng, cậu giáo thường day nghiêng vì nàng không còn tiền đưa.

Hai năm sau Tâm đẻ con trai, nàng đã già đi nhiều, không còn đẹp như xưa. Tâm về nhà thăm cụ tú, các em. Lân xin một chục bạc, Tâm hốt hoảng vì chồng đã thôi dạy, nàng phải lo gánh vác bên nhà chồng. Lân giận dữ, nàng đành phải lấy tiền đưa cho em rồi lo âu không biết lấy gì bù vào chỗ ấy. Cuộc đời nàng đen tối, khó nhọc như không bao giờ dứt.

Khác với Khái Hưng, Nhất Linh thường phơi bày những sai lầm của nền luân lý cổ, ở đây Thạch Lam có khuynh hướng ca ngợi gia đình nền nếp nho phong, những cái hay cái đẹp còn rơi rớt lại của một nền văn minh tinh thần đã vang bóng một thời.

Hình ảnh cô Tâm gánh hàng xén ra chợ nuôi mẹ, nuôi các em ăn học để sau này đỗ đạt đi làm trên tỉnh giúp thầy mẹ già, không nghĩ đến cuộc đời riêng của mình tiêu biểu cho những cái đẹp tuyệt vời của nền nếp xã hội thời ấy.

“Tâm thấy vững vàng ở giá trị và lòng cao quý của mình. Nàng đã đảm đang nuôi cả một nhà”

Nàng cũng là thể hiện của sự chịu khó nhọc nhằn của những người phụ nữ Việt Nam đảm đang.

“Sáng sớm hôm sau, trong gió bắc lạnh, Tâm đã mở cổng gánh hàng lên chợ. Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng . . .

.... tất cả cuộc đời nàng lúc nào cũng chịu khó và hết sức, như tám vải thô dệt đều nhau. Có phải đâu chỉ một mình cô. Trong lũy tre xanh kia, bao nhiêu người cũng như cô, cũng phải chịu khó và nhọc nhằn, để kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con, nuôi các em”

Tâm chỉ nghĩ đến sự hy sinh cho cha mẹ, cho các em không nỡ bỏ nhà đi lấy chồng, bà Tú thương con buộc nàng phải xuất giá. Cô hàng xén xinh đẹp nổi tiếng cả một vùng ngày càng dần thân vào cuộc đời khó nhọc, một tấn bi kịch không lối thoát. Về nhà chồng được mấy ngày nàng phải quẩy gánh hàng đi bán ngay, cậu giáo Bài lương chẳng bao nhiêu, Tâm lại phải è cổ gánh vác giang sơn nhà chồng:

“Bây giờ gánh hàng đã trở nên quá nặng trên đôi vai nhỏ bé. Chiếc đòn còng cong xuống và rên rỉ. Ngoài giang sơn nhà chồng nàng phải gánh vác, Tâm lại lo sao kiếm được đủ tiền để gửi thêm cho các em ăn học. Trong sương muối sớm, xót và giá lạnh, nàng đã phải bước ra ngõ và đi chợ rồi... Đời nàng lại đi như trước, chẳng khác gì. Những ngày khó nhọc và cố sức lại kế tiếp nhau”

Thật là bất ngờ, một cô gái nét na xinh đẹp, nổi tiếng cả một vùng ngày càng dần thân vào cuộc đời gian khổ. Đó là thân phận một người phụ nữ một cổ hai chòng, cuộc đời nàng chỉ toàn là hy sinh gánh vác: Mọi chi tiêu trong gia đình chỉ trông vào nàng: Bà Tú nhắc người bảo Tâm gửi thêm cho em, nàng phải đưa dẫu vì mẹ chồng và cậu giáo Bài đã bắt đầu nghi ngờ và day nghiến nàng.

Nàng đã già đi, nhan sắc phai tàn, đâu còn là cô hàng xén xinh đẹp nổi tiếng cả một vùng, tre già măng mọc, nàng nay đã hết thời, đã có những cô gái khác mới lớn tươi tắn và ruc rỡ . . Tác giả cũng ngụ ý về số mệnh con người.

“Tâm lại nghĩ đến ngày trước kia, hình như đã lâu lắm, nàng còn là cô hàng xén má hồng, môi đỏ e lệ cúi mặt dưới cái nhìn âu yếm của cậu giáo Bài nho nhã và đứng đắn trong tấm áo lương. Thời ấy bây giờ đâu? Chị Liên may mắn đã lấy được chồng giàu, lên buôn bán trên tỉnh . Chị ấy vẫn trẻ đẹp như xưa. Tâm khẽ thở dài: bây giờ các chị em bạn cũ không còn ai ở lại để cùng chia sẻ những nỗi khó nhọc với nàng”

Tác phẩm như đề ca ngợi tấm lòng hy sinh cao cả của người phụ nữ Việt Nam nhưng chủ đề chính là bi kịch về thân phận con người, về những cuộc đời gian khổ đáng thương điển hình là cô hàng xén .

“Cái vòng đen của rặng tre làng Bằng bỗng vụt hiện ra trước mắt, tối tăm và dày đặc. Tâm buồn rầu nhìn thấu cả cuộc đời nàng, cuộc đời cô hàng xén từ tuổi trẻ đến tuổi già, toàn khó nhọc và lo sợ, ngày nọ dết ngày kia như tấm vải thô sơ. Nàng cúi đầu đi mau vào trong ngõ tối”

Cô Hàng Xén, một trong những đoản thiên hay nhất của nền văn chương Việt Nam đã cho ta thấy giá trị hiện thực tuyệt vời trong nghệ thuật tả chân của Thạch Lam. Một tác phẩm văn chương nhỏ bé đã làm sống lại cả một xã hội còn đượm những giá trị hy sinh cao đẹp, di sản của một nền văn minh tinh thần nay còn đâu? chúng ta không khỏi bùi ngùi cho thân phận bi đát của con người và cảm thấy nuối tiếc cho những giá trị cao cả tuyệt vời của nền văn minh tinh thần ấy nay đã bị chôn vùi dưới lớp cát bụi của thời gian.

TỐI BA MƯƠI

Một truyện ngắn đặc sắc, cảm động đầy nước mắt về thân phận của những người cùng mạt tận đáy xã hội.

Liên và Huệ, hai chị em họ, bỏ nhà đã bảy tám năm nay sống đời giang hồ trụ lạc. Liên mua đồ cúng giao thừa về khi Hậu còn đang ngủ. Họ dỡ các gói thức ăn ra, nào Lạp xưởng, bánh chưng, dò lựa.

Huệ rớm nước mắt nhớ tới thời thơ ấu, nàng mặc áo mới ngày mừng một Tết... nghĩ đến đây tâm hồn nàng bỗng u ám nặng trĩu.

Họ bày đồ cúng lên bàn: đĩa cam quýt, bánh chưng, Lạp xưởng rồi cắm hương lên tường cúng. Người bồi nhà chứa chào các cô về ăn Tết, chỉ còn lại hai chị em trong căn nhà hoang vắng. Mùi hương tỏa ra khiến họ nhớ đến những ngày cúng giỗ ở nhà xa xưa.

Liên đứng trước bàn thờ một lúc rồi khóc nức lên. Hai chị em tủi thân ôm nhau khóc trong tiếng pháo giao thừa nổ vang.

Đây là tấn bi kịch cuộc đời tội lỗi đáng thương của hai cô gái như đã bị xã hội bỏ quên trong khi mọi người đang tung bừng đón giao thừa, đón những ngày thiêng liêng, vui tươi nhất của một năm.

“Nàng nhìn quanh căn phòng bẩn thỉu. Dưới ánh ngọn đèn mờ, lòng chông các đồ đạc quen thuộc; cái giường Hồng Kông cũ đồng han và rỉ sạm, cái bàn gỗ ẩm ướt ở góc tường, hai cái ghế long chân. Liên nghĩ đến sự trơ trọi của đời mình. Tết đến nơi rồi. Tết đến thăm nàng ở đây, trong căn buồng nhà sầm này cũng như đến những nơi thom tho đậm ảm”

Hai chị em họ xa nhà từ bao lâu nay; một người mẹ chết , cha lấy vợ khác không biết ở

đâu, người kia còn cha mẹ nhưng không dám về, họ cô đơn trơ trọi đón xuân trong căn phòng lạnh lẽo này và tránh lòng nghĩ đến thân phận hẩm hiu của mình.

“Cái vắng lạnh như mệnh mông ra tận đâu đâu, ở khắp cả các phố Hà Nội đêm nay, Huệ tưởng đến những căn nhà ảm cúng và sáng đèn, then cửa cài chặt, mọi người trong nhà đang tập nập sửa soạn đón năm mới trong sự thân mật của gia đình. Chỉ có hai chị em nằng xa cửa xa nhà”

Ở Thạch Lam ta thấy một sự hiện thực chua chát và tàn nhẫn, thật không còn gì cay đắng hơn.

“-Có gạo đây. Nhưng đổ vào cái gì bây giờ?”

Hai chị em nhìn quanh gian buồng nghĩ ngợi, Liên bỗng reo lên.

- Đổ vào cái cốc này. Phải đây, rất là...

Nàng im bật dừng lại. Hình ảnh ô uest vừa đến trí nàng. Cái cốc bản ở góc tường, mà cả đến khách làng chơi cũng không thèm dùng đến, nàng định dùng làm bát hương cúng tổ tiên”

Sống trong một vũng bùn nhơ bản, họ tiếc thương quãng đời trong sạch đã mất đi mà không sao lấy lại được, tâm lý chung những kẻ đã mất quá khứ tươi đẹp của mình.

“Huệ nhắm mắt lại. Vì trông mưa bụi bay hay vì nàng khóc thật? Hình như có chút nước mắt vừa rớt ở mi nàng. Huệ chớp khẽ rồi nhớ đến cuộc đời mình, lúc trẻ thơ, lúc còn con gái ở nhà quê, một buổi sáng mỏng một tết – Nàng không nhớ rõ năm nào, nhưng đã lâu lắm rồi thì phải – nàng mặc áo mới đứng trên thềm nhìn mấy bông hoa đào nở ở trước vườn”

Hoặc như:

“Khói hương lên thẳng rồi tỏa ra mùi thơm ngát đem lại cho hai nàng kỷ niệm những ngày cúng giỗ ở nhà, khi hai chị em còn là những cô gái trong sạch và ngây thơ”

Hai con chim lạc loài trơ trọi, lạc lõng giữa đêm giao thừa tung bùng rộn rã khiến ta tưởng như họ là nạn nhân của cuộc đời, của xã hội và thấy xót xa cho cái thân phận cô đơn lạnh lẽo ấy đã bị đời khinh thị rẻ rúng.

“Nàng bỗng nấc lên rung động cả hai vai, rồi gục xuống ghế, tay áp mặt. Những giọt nước mắt nóng chảy tràn mí mắt nàng không giữ được; Liên cảm thấy một nỗi tủi cực mệnh mông tràn ngập cả người, một nỗi thương tiếc vô hạn; tất cả thân thể nàng lướt qua trước mắt với những ước mong tuổi trẻ, những thất vọng chán chường.

Huệ nhìn Liên rồi nhẹ nhàng đến gần, buồn rầu vỗ vai bạn:

-Liên khóc làm gì nữa buồn lắm.

Tiếng nàng cũng cảm động nghẹn ngào. Dưới bàn tay thân mật của bạn, Liên càng nức nở. Hai chị em giờ này cảm thấy trơ trọi quá. Liên ngừng mặt lên nhìn Huệ, cố gượng một nụ cười héo hắt:

-Chị cũng khóc đấy ư?

Huệ gục xuống vai bạn không trả lời. Nước mắt cũng ứ lên rồi lặng lẽ trào ra má. Nàng

quàng tay ôm hết sức chặt lấy Liên”

Tân bi kịch đầy nước mắt cuộc đời hai người con gái đáng thương lỡ sa chân xuống hố sâu tội lỗi, ngụp lặn trong bể khổ mê mông, một tác phẩm tuy ngắn ngủi nhưng cũng chan chứa tình thương yêu đồng loại.

DUỚI BÓNG HOÀNG LAN

Thanh nghỉ làm về quê thăm bà, bà cụ già tóc bạc phơ chồng gậy mừng rỡ lại đón cháu, chàng rửa mặt. Thanh vắng nhà đã gần hai năm, cảnh vẫn y như cũ, bà chàng vẫn tóc bạc phơ, hiền từ. Căn nhà, thửa vườn là nơi mát mẻ hiền lành, bà vẫn đợi cháu trong tình thương triu mến.

Chàng nằm nghỉ trên giường nhìn ra ngoài khung cửa sổ thấy cây hoàng lan cao vút, mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Chàng cảm động vì bà yêu cháu quá.

Nga, cô gái hàng xóm thấy chàng về sang chơi, bà chàng mời cô ăn cơm. Cơm nước xong Thanh dắt nàng đi thăm vườn, chàng thấy tóc nàng thơm như hoa hoàng lan. Thanh và Nga vót cành hái hoa.

Hôm sau Thanh lên tỉnh, chàng gửi lời chào Nga và biết rằng nàng vẫn nhớ mong chàng như trước.

Đây là một áng văn tao nhã tuyệt vời chưa từng thấy trong nền văn chương Việt Nam, một thế giới vô cùng thi vị thanh tao đầy những hương thơm của hoa hoàng lan, thiên lý.

Một truyện tình cảm thật đơn sơ nhưng đậm đà, một tình cảm khác lạ, tình bà cháu dịu dàng triu mến.

“Thanh bước xuống dưới giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chồng gậy trúc ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ chạy lại gần.

-Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

-Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ chồng gậy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ”

Thanh vắng nhà gần hai năm nay, chàng làm việc trên tỉnh và mong đến ngày nghỉ để tìm lại tình thương triu mến của bà già mái tóc bạc phơ:

“Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đây bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để yêu mến chàng”

Hoặc như.

“Nghe tiếng bà đi vào, Thanh vừa nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần sờ sờ bụng bàn... Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu

với mình bà”

Chàng về quê cũng như để tìm lại tình cảm ngây thơ, trong trắng với cô em hàng xóm mà chàng đôi lúc tưởng như em ruột mình.

“Thỉnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng và nụ cười tươi nở, nàng lại nhìn Thanh, một chút thôi, nhưng biết bao âu yếm.

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lý pha xanh một bên tá áo trắng của Nga. Những búp hoa lý non và thơm rủ liềm trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga ngày nào đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về”

Khác với không khí lãng mạn trong các tác phẩm của Nhất Linh, Khái Hưng. Tình yêu của Thạch Lam ở đây thanh cao, chân thực và thơm tho như mùi hoa hoàng lan thoảng thoảng đâu đây, nó vừa là tình yêu, tình hàng xóm, tình anh em và tình người.

“Bữa ăn xong, Thanh với Nga trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi xem vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoảng thoảng hương thơm như có giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. Nga bảo Thanh.

-Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì, chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay Nga để tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nắng soi vào hai người, nhưng dưới chân, đất vẫn mát như xưa”

Dưới Bóng Hoàng Lan không phải một mối tình lãng mạn tha thiết, nhưng một tình yêu ngây thơ, trong trắng, chất phác, hồn nhiên trong cảnh thanh cao, thơm ngát của thôn quê khiến ta mơ mơ màng màng như lạc vào cõi thần tiên.

“Đêm ấy, một bà, một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya. Khi trăng lên, qua vườn Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoảng thoảng bay trong gió mát. Không lường lự, Thanh cầm lấy tay Nga để yên trong tay mình. Nga cũng đứng yên lặng. Lúc lâu Nga rút tay khẽ nói .

-Thôi em về!”

Căn nhà miền quê, thơm tho xinh đẹp tràn trề tình cảm là nơi Thanh trở về nghỉ ngơi sau thời gian làm việc để hưởng những ngày tươi đẹp.

Dưới Bóng Hoàng Lan, đoạn thiên thanh tao và trang nhã nhất của Tự lực Văn Đoàn, của nền văn chương Việt Nam.

Tác giả Nhà Văn Hiện Đại đã dành cho tập truyện ngắn Sợi Tóc một địa vị rất cao trong văn chương Việt Nam, và cho tới nay chúng ta thấy hình như ít có tác phẩm nào sánh kịp. Các đề tài khác biệt nhau: xã hội, bi kịch, tình cảm y như đóa hoa ngũ sắc rực rỡ đã thể hiện cái thiên tài hiếm có của Thạch Lam, từ thanh cao cho đến ô trọc đều đã được ông diễn đạt một cách phong phú, sâu sắc. Nghệ thuật Thạch Lam mang nhiều ý nghĩa thâm

sâu và sáng sủa, có lúc thật dễ thương, ngọt ngào tràn đầy tình cảm dạt dào, có lúc thật phũ phàng tàn nhẫn.

Trọng Đạt

(Hết Trâm Hương 1 Bộ Mới)